

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TẠ THỊ NGỌC LIÊN

THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC
HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

HÀ NỘI – 2026

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TẠ THỊ NGỌC LIÊN

**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC
HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

Mã số: 9 38 01 06

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1. GS. TS NGUYỄN MINH ĐOAN

2. PGS.TS TĂNG THỊ THU TRANG

HÀ NỘI – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả trong luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng và được trích dẫn đầy đủ theo quy định.

Tác giả luận án



Tạ Thị Ngọc Liên

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU	9
1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước	9
1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài	29
1.3. Đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	37
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG	43
2.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	43
2.2. Nội dung pháp luật và hình thức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	62
2.3. Điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	73
2.4. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội ở một số nước trên thế giới và những giá trị tham khảo đối với Việt Nam	79
CHƯƠNG 3. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM	93
3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam	93
3.2. Thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam	101
CHƯƠNG 4. QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM	156
4.1. Quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam	156
4.2. Giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam	164
KẾT LUẬN	187
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN TỚI LUẬN ÁN	189
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	190

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

Trang

Biểu đồ 3.1. Đánh giá của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục về mức độ chấp hành pháp luật về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	105
Biểu đồ 3.2. Đánh giá của học viên về mức độ chấp hành pháp luật về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	106
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng năm học 2024 – 2025	112
Biểu đồ 3.4. Đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục về mức độ chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học	118
Biểu đồ 3.5. Đánh giá của học viên về mức độ chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học	119
Biểu đồ 3.6. Đánh giá của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên về tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	133
Biểu đồ 3.7. Đánh giá của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên về tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	133

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời kì toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, việc ưu tiên phát triển giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học là một trong những giải pháp then chốt nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đảng Cộng sản Việt Nam ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy giáo dục đại học đổi mới và phát triển mạnh mẽ, với mục tiêu *“nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học thực sự trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng. Mạng lưới cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò nòng cốt trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của các vùng và địa phương, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu của các ngành, lĩnh vực trọng điểm”* [9]. Trên cơ sở đó, Nhà nước đã thể chế hóa thành hệ thống quy phạm pháp luật về giáo dục đại học nhằm tạo hành lang chính trị pháp lý cho hoạt động này.

Giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam là một bộ phận hợp thành hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện chức năng đào tạo nguồn cán bộ, sĩ quan đáp ứng mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại để bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm, từ xa. Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, các học viện đặc biệt coi trọng và thực hiện nghiêm túc chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đại học. Vì thế, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Các học viện được kiện toàn cả về chức năng, nhiệm vụ theo hướng tinh, gọn, mạnh; cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư hiện đại hóa. Đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục, học viên đã tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về giáo dục đại học. Đồng thời, các học viện đã thực hiện tốt các quy định của pháp luật về chính sách đối với giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, học viên, tạo điều kiện tốt nhất để các chủ thể này có thể phát huy hết vai trò, trách nhiệm, chức trách được giao.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn tồn tại những hạn chế như: hệ thống quy định pháp luật về giáo dục đại học còn nhiều khoảng trống, bất cập, chưa phù hợp với tính chất đặc thù của hoạt động giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội, gây khó khăn trong quá trình thực hiện pháp luật; ý thức và trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học chưa cao, vẫn còn hiện tượng vi phạm pháp luật về giáo dục đại học; thiếu sự phối hợp đồng bộ và chặt chẽ giữa các chủ thể trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học; việc thực hiện các quy định pháp luật về phân bổ và sử dụng nguồn lực vật chất còn tồn tại hạn chế nhất định ... Những bất cập đó không chỉ làm giảm hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng mà còn làm hạn chế năng lực đào tạo của các cơ sở này. Hệ quả là, một bộ phận đội ngũ cán bộ, sĩ quan đã qua đào tạo các chương trình ở bậc đại học nhưng chưa đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu của nhiệm vụ xây dựng Quân đội và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trước những biến đổi sâu sắc và toàn diện của thế giới, giáo dục đại học của mỗi quốc gia chịu sự tác động mạnh mẽ của Cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Đồng thời, trong bối cảnh Việt Nam đang bước vào kỉ nguyên phát triển bứt phá, giáo dục đại học nước ta cần phải được đổi mới căn bản, toàn diện để trở thành “*nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*”[9]. Bên cạnh đó, nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đã đặt ra yêu cầu cấp bách trong xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho quân đội. Mặt khác, bảo đảm thực hiện pháp luật công bằng, nghiêm minh, nhất quán, có hiệu lực, hiệu quả đang là chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay. Thực tiễn trên đòi hỏi cần phải nhận diện rõ những hạn chế, tồn tại và những nguyên nhân khách quan, chủ quan, đồng thời cần phải tiến hành các giải pháp mạnh mẽ và toàn diện

nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam trong thời gian tới.

Mặt khác, xét dưới góc độ lý luận, các nghiên cứu hiện nay mới chủ yếu tiếp cận vấn đề dưới góc độ giáo dục học, quản lý nhà nước hoặc thực hiện pháp luật ở các cơ sở giáo dục đại học dân sự. Các khía cạnh lý luận liên quan tới khái niệm, đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, hình thức và các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở môi trường đặc thù là các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam vẫn còn là một khoảng trống cần được quan tâm nghiên cứu chuyên sâu, toàn diện.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, nghiên cứu sinh đã chọn đề tài: ***“Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam”*** làm đề tài Luận án Tiến sĩ, ngành Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở phân tích và làm sáng tỏ cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam, luận án xác định các quan điểm, đề xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam, gắn với nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nêu trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án, đánh giá những giá trị của các công trình nghiên cứu, phân tích những khoảng trống, rút ra những vấn đề có thể kế thừa trong luận án và những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu.
- Phân tích làm rõ cơ sở lý luận thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, bao gồm: xây dựng và luận giải các khái

niệm liên quan; làm rõ đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật về giáo dục đại học; hình thức và các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; khảo cứu khung pháp luật về giáo dục đại học và việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong các nhà trường quân đội ở một số nước trên thế giới, từ đó rút ra giá trị tham khảo cho Việt Nam.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam: chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân.

- Luận chứng cơ sở khoa học của các quan điểm và đề xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, đối tượng nghiên cứu của luận án là thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung làm rõ một số vấn đề sau:

- Phạm vi về nội dung nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu, làm rõ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các nhóm quy định chủ yếu sau: (1) nhóm các quy định về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; (2) nhóm các quy định về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học; (3) nhóm các quy định về hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học; (4) nhóm các quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học; (5) nhóm các quy định về tài chính và tài sản.

- Phạm vi về không gian nghiên cứu: Luận án nghiên cứu và đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ

Quốc phòng, Việt Nam, gồm 10 học viện, trong đó: 06 học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng (Học viện Quốc phòng, Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y, Học viện Hậu cần); 4 học viện thuộc các tổng cục, quân chủng, binh chủng (Học viện Khoa học Quân sự, Học viện Hải quân, Học viện Phòng không - Không quân, Học viện Biên phòng).

- Phạm vi về thời gian nghiên cứu: Luận án tập trung nghiên cứu từ năm 2019 đến năm 2025 (Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018 có hiệu lực thi hành ngày 1/7/2019).

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án được nghiên cứu dựa trên nền tảng lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, quan điểm của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về nhà nước, pháp luật, giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Về phương pháp luận, luận án dựa trên các nguyên lý duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm, nguyên tắc của Đảng, Nhà nước về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Bên cạnh đó, luận án còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu được sử dụng chủ yếu ở chương 1, chương 2 để tìm hiểu công trình nghiên cứu tiêu biểu ở trong và ngoài nước liên quan đến thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

- Phương pháp phân tích, tổng hợp được sử dụng ở hầu hết các chương trong luận án, với mục đích cụ thể sau:

+ Ở Chương 1, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án ở trong và ngoài nước, rút ra những nội dung có thể kế thừa cùng những khoảng trống cần tiếp tục nghiên cứu về lý luận và thực tiễn trong luận án.

+ Ở Chương 2, nghiên cứu và tổng hợp các quan điểm, các khái niệm có liên quan, từ đó đưa ra quan điểm của nghiên cứu sinh về khái niệm, đặc điểm, vai trò, các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

+ Ở Chương 3, phân tích các số liệu thống kê trong các báo cáo của các cơ quan chức năng, trên cơ sở đó đánh giá ưu điểm, hạn chế của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

- Phương pháp lịch sử, logic được sử dụng chủ yếu ở Chương 3 nhằm phân tích, đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng từ năm 2019 đến 2025. Bên cạnh đó, phương pháp logic được sử dụng xuyên suốt nhằm đảm bảo tính logic của nội dung các chương trong luận án.

- Phương pháp so sánh, thống kê được sử dụng ở Chương 2 (mục 2.4) để khảo sát, phân tích pháp luật về giáo dục đại học và thực tiễn thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội ở Nga, Trung Quốc và Mỹ, nhằm đưa ra các giá trị tham khảo cho Việt Nam. Bên cạnh đó, phương pháp này được sử dụng nhiều ở Chương 3 để thống kê các số liệu đã được tổng hợp, so sánh sự khác biệt qua các năm để có những đánh giá khách quan về thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

- Phương pháp điều tra xã hội học: nghiên cứu sử dụng phương pháp Ankét với dung lượng mẫu 200 giảng viên, cán bộ quản lý và 508 học viên quân sự, công cụ nghiên cứu là bảng hỏi nhằm mô tả thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở địa bàn khảo sát và mức độ đồng thuận đối với những nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế. Cụ thể:

+ Thời gian khảo sát: từ tháng 4/2025 – 9/2025.

+ Địa bàn khảo sát: nghiên cứu sinh tiến hành khảo sát ở 04 học viện thuộc Bộ Quốc phòng: Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện quân y, Học viện Lục quân, Học viện Biên phòng. Sự lựa chọn này nhằm đảm bảo tính đại diện

cho sự phân cấp quản lý, cụ thể: 3 học viện thuộc nhóm các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng; 1 học viện trực thuộc các tổng cục, quân chủng, binh chủng. Bên cạnh đó, các nhà trường cũng đại diện cho các mục tiêu phát triển giáo dục đại học khác nhau: Học viện Quân y và Học viện Kỹ thuật quân sự hướng tới phát triển thành trường đại học trọng điểm quốc gia và quốc tế; Học viện Lục quân và Học viện Biên phòng hướng tới trở thành trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Quân đội và Lực lượng Bộ đội Biên phòng.

+ Phương pháp tiến hành:

Bước 1: Nghiên cứu sinh thiết kế bảng hỏi dưới dạng google forms, đảm bảo tính bảo mật thông tin để khuyến khích đối tượng khảo sát trả lời thẳng thắn và khách quan. Bảng hỏi gồm các câu hỏi được thiết kế dưới dạng câu hỏi mở và đóng, sử dụng nhiều câu hỏi đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức độ (rất không đồng ý đến rất đồng ý hoặc cho điểm từ 1-5).

Bước 2: Sau khi thiết kế bảng hỏi, nghiên cứu sinh liên hệ với ban cán sự lớp, gửi bảng khảo sát Google form và thực hiện chọn ngẫu nhiên cho đến khi đủ số lượng lấy mẫu. Việc thu thập thông tin bằng khảo sát online, học viên tự điền sẽ giảm áp lực hơn là hỏi trực tiếp.

Bước 3: Kết quả xử lý bằng thống kê Excel, tính tỉ lệ % để đánh giá quan điểm của nhóm đối tượng được khảo sát.

5. Những đóng góp mới của luận án

Dưới góc độ lý luận chung về nhà nước và pháp luật, luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu, có hệ thống về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam. Luận án có những đóng góp mới quan trọng như sau:

- Luận án bổ sung các luận cứ cho lý luận về thực hiện pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nơi có cấu trúc chủ thể, thẩm quyền và quy trình vận hành khác biệt so với các cơ sở giáo dục đại học dân sự. Trong đó, luận án xây dựng khái niệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; chỉ ra được các đặc điểm mang tính chất đặc thù,

nêu rõ được vai trò, nội dung pháp luật, hình thức và các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

- Luận án hệ thống hóa một số yếu tố ảnh hưởng, đồng thời đánh giá toàn diện thực trạng và nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

- Luận án là đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Đây là những đề xuất mới, dựa trên thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các đơn vị này, đồng thời phù hợp với tính chất đặc thù của thực hiện pháp luật về giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án cung cấp những luận cứ khoa học giúp hoàn thiện lý luận về thực hiện pháp luật nói chung, lý luận thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể làm tài liệu tham khảo cho các cơ quan có thẩm quyền trong quá trình xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục đại học. Ngoài ra, luận án còn cung cấp những luận cứ khoa học phục vụ cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong việc chỉ đạo và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng; đồng thời làm tài liệu tham khảo trong công tác nghiên cứu, giảng dạy ở các cơ sở đào tạo chuyên môn có liên quan đến đề tài.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được cấu trúc thành 4 chương với 10 tiết, kèm theo danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU TRONG NƯỚC

1.1.1. Các công trình khoa học nghiên cứu liên quan đến giáo dục đại học, pháp luật về giáo dục đại học

1.1.1.1. Các công trình nghiên cứu về giáo dục đại học

Nghiên cứu về giáo dục đại học có nhiều công trình thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau. Theo đó, các công trình đều đề cập và xây dựng khung lý thuyết về giáo dục đại học, xác định phương hướng đổi mới, cải cách giáo dục đại học trong thời kì hội nhập quốc tế theo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Cụ thể là:

** Các công trình nghiên cứu là sách chuyên khảo, tham khảo*

Sách “*Các giải pháp về chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035 (2022)*” của Đại Học kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội [96]. Cuốn sách là kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, học giả, tập trung vào bốn chủ đề chính: (1) chính sách và các giải pháp đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho giáo dục đại học; (2) quản trị tài chính và quản trị đại học; (3) tự chủ tài chính và mô hình giáo dục đại học; (4) học phí, tín dụng sinh viên và đào tạo đại học. Các bài viết đều tập trung vào vấn đề xây dựng và hoàn thiện các chính sách tài chính cho giáo dục đại học Việt Nam, tầm nhìn 2035, nhấn mạnh giải pháp về đa dạng hóa nguồn lực tài chính và tự chủ tài chính cho các cơ sở giáo dục đại học công lập Việt Nam. Đây là nguồn tham khảo cho tác giả luận án khi nghiên cứu những vấn đề lý luận và đề xuất giải pháp liên quan đến những quy định pháp luật về quản lý tài chính ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Sách “*Quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập*” (2022) do Nguyễn Thế Anh [4] chủ biên là công trình nghiên cứu khía cạnh

về quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục đại học công lập ở Việt Nam. Trên cơ sở đi sâu phân tích thực trạng quản lý tài sản công của khoảng 172 trường đại học công lập giai đoạn 2016-2020, các yếu tố ảnh hưởng và tham khảo kinh nghiệm quốc tế về quản lý tài sản công, các tác giả đã đề xuất hai nhóm giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý tài sản công (hoàn thiện cơ chế quản lý đầu tư, mua sắm tài sản công; cơ chế khai thác tài sản công và quản lý khấu hao tài sản cố định) và nhóm giải pháp về tổ chức thực hiện. Mặc dù chỉ tập trung nghiên cứu sâu khía cạnh quản lý tài sản công nhưng kết quả của cuốn sách là căn cứ cho tác giả luận án đưa ra những giải pháp trong Chương 4 của Luận án.

Sách *“Đổi mới tư duy tự chủ giáo dục đại học ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước”* (2022) của Hiệp hội các trường đại học Việt Nam [63]. Cuốn sách là tập hợp những bài viết, bình luận của nhiều nhà nghiên cứu, chuyên gia về những vấn đề lý luận và đánh giá quá trình thực hiện tự chủ giáo dục ở Việt Nam, đề xuất một số giải pháp nhằm đổi mới tư duy tự chủ giáo dục đại học, để cơ chế tự chủ thực sự trở thành động lực thúc đẩy đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam. Đáng chú ý là các giải pháp liên quan đến đổi mới tư duy về tự chủ đại học, đổi mới cơ cấu tổ chức và cơ chế quản trị; sự hoàn thiện quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình; tạo lập hành lang pháp lý cho cơ chế tự chủ đại học.

** Các công trình nghiên cứu là đề tài khoa học*

Đề tài *“Nâng cao chất lượng quản lý giáo dục, đào tạo trong các học viện, trường sĩ quan quân đội đáp ứng yêu cầu mới”* của Vũ Quang Lộc (2005) [70] đã xác định đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục là lực lượng có ý nghĩa quyết định tới chất lượng, hiệu quả của hoạt động giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, đề tài đã chỉ ra giải pháp để nâng cao chất lượng quản lý giáo dục, đào tạo trong các học viện, trường sĩ quan quân đội đáp ứng yêu cầu mới là phải chú trọng phát triển cả phẩm chất và năng lực quản lý giáo dục cho đội ngũ này; tiếp tục hoàn

thiện cơ chế quản lý giáo dục trong các học viện, trường sĩ quan và giữa các cơ quan chức năng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng với các học viện, trường sĩ quan. Đây là sự gợi mở đối với nghiên cứu sinh những kiến nghị liên quan đến nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chủ thể thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Đề tài cấp Bộ *“Đổi mới tư duy phát triển giáo dục đại học Việt Nam”* (2022) do Trình Quang Phú làm chủ nhiệm [81]. Đây là công trình nghiên cứu và đánh giá tư duy quản lý nhà nước về giáo dục đại học Việt Nam qua các thời kì. Trong nội dung đề tài, các tác giả đã tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật về tự chủ đại học, một số mô hình đại học tiên tiến trên thế giới để rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về xây dựng chính sách quản lý của nhà nước đối với giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, đề tài nghiên cứu đã đề xuất các quan điểm, giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về giáo dục đại học ở Việt Nam. Có thể thấy, cuốn sách là tài liệu tham khảo có ý nghĩa đối với nghiên cứu sinh trong việc nắm được những tri thức về mục tiêu, yêu cầu đổi mới của giáo dục đại học ở nước ta mà thực hiện pháp luật cần hướng tới.

** Các công trình nghiên cứu là bài báo khoa học*

Bài viết *“Chất lượng đội ngũ giảng viên đại học ở Việt Nam hiện nay”* (2016) của Vũ Đức Lễ [72]. Tác giả nhấn mạnh vai trò của đội ngũ giảng viên là lực lượng sản xuất đặc biệt, thực hiện ba chức năng chính là: nhà giáo, nhà khoa học và nhà cung ứng dịch vụ cho cộng đồng. Từ sự phân tích thực trạng đội ngũ giảng viên hiện nay cả về số lượng và chất lượng, tác giả đưa ra một số giải pháp pháp lý như: xây dựng, sửa đổi, bổ sung chính sách, quy định về tuyển dụng giảng viên; đổi mới công tác quản lý, sử dụng, đánh giá đội ngũ giảng viên; bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ giảng viên.

Bài viết *“Các giải pháp hữu hiệu phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục”* (2019) của tác giả Phạm Quang Trung [107] đã khẳng định đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục là nhân tố quyết định việc đổi mới giáo dục hiện nay,

do đó cần đánh giá đúng thực trạng để đề ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển đội ngũ này. Tác giả đã đưa ra bảy giải pháp quan trọng để phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục ngang tầm nhiệm vụ yêu cầu mới, trong đó có giải pháp mang tính gợi mở cho nội dung kiến nghị về hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học của đề tài luận án, đó là chú trọng xây dựng và hoàn thiện chính sách, chế độ đối với đội ngũ này; hoàn thiện các quy định về thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các chính sách, pháp luật về giáo dục, thực hiện tốt chế độ luân chuyển cán bộ quản lý giáo dục.

Bài viết “*Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp*” (2022) của Trần Thị Minh Tuyết [106], đã đưa ra nhận định về tính cấp thiết của đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam nhằm đào tạo ra những công dân toàn cầu, đủ sức cạnh tranh trong thị trường nhân lực thế giới. Bên cạnh đó, tác giả cũng đã đưa ra những đánh giá về hạn chế, yếu kém của giáo dục đại học Việt Nam. Trên cơ sở đó, tác giả đã đưa ra năm nhóm giải pháp để đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam: i) Thay đổi triết lý giáo dục đại học; ii) Tăng cường quyền tự chủ của các trường đại học; iii) Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục; iv) Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đại học, tăng cường hợp tác quốc tế; v) Đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số trong giáo dục đại học.

Bài viết “*Đổi mới giáo dục và đào tạo trong các nhà trường Quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*” (2022) của Bùi Văn Mạnh [74], đã nhấn mạnh vai trò của giáo dục, đào tạo trong sự nghiệp xây dựng quân đội, từ đó tác giả đưa ra các giải pháp nhằm tiếp tục đổi mới công tác giáo dục, đào tạo trong các nhà trường Quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới như: đổi mới đồng bộ mục tiêu, chương trình, phương thức, phương pháp giáo dục đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế; kế thừa những kinh nghiệm trong nước và quân đội; mở rộng hội nhập quốc tế, hợp tác với các học viện,

trường quân sự nước ngoài trên một số lĩnh vực cụ thể; đổi mới mạnh mẽ chính sách đãi ngộ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Có thể thấy, các công trình nghiên cứu về giáo dục đại học khá phong phú, từ sách, đề tài, luận án đến các bài tạp chí khoa học. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu các khía cạnh của giáo dục đại học, chưa có công trình nghiên cứu toàn diện và đầy đủ về vấn đề này. Đặc biệt, chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội.

1.1.1.2. Các công trình nghiên cứu pháp luật về giáo dục đại học

** Các công trình nghiên cứu là sách chuyên khảo, tham khảo*

Sách “*Luật giáo dục đại học một số nước trên thế giới*” (2008) của Vụ pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo [10] biên soạn. Đây là công trình khoa học nghiên cứu, giới thiệu một cách khái quát về Luật giáo dục của một số nước trên thế giới như Trung Quốc, Hàn Quốc, Na Uy, Mỹ, Liên Bang Nga trên một số nội dung: hệ thống các cơ sở đào tạo đại học, điều kiện thành lập, tổ chức, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kiểm định trường đại học, các chế độ chính sách đối với giảng viên, sinh viên... Cuốn sách là tài liệu tham khảo quan trọng giúp nghiên cứu sinh khái quát được pháp luật về giáo dục đại học ở một số quốc gia trên thế giới, từ đó có những kiến nghị phù hợp với bối cảnh của Việt Nam và đặc thù của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Sách “*Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền*” (2020) của Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức [56]. Trong công trình này, các tác giả làm rõ những vấn đề chung của hoạt động xây dựng pháp luật; đặc điểm, phương hướng phát triển và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Theo tác giả, chất lượng của hệ thống pháp luật là một trong những cơ sở quan trọng để bảo đảm cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt hiệu quả cao trong thực tiễn.

Do đó, để làm sáng tỏ những ưu nhược điểm của hệ thống pháp luật trong thực tiễn, cần phải dựa vào một số tiêu chí cơ bản, đó là tính toàn diện, đồng bộ, tính thống nhất, tính phù hợp, ngôn ngữ, kỹ thuật xây dựng pháp luật và tính khả thi của hệ thống pháp luật. Mặc dù là nghiên cứu chung về các tiêu chí đánh giá hệ thống pháp luật Việt Nam nhưng cuốn sách là sự gợi mở cho nghiên cứu sinh về các tiêu chí đánh giá pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong Chương 3 của luận án.

Sách “*Luận cứ khoa học sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục*” (2022) của tập thể tác giả Trường đại học Luật TP. Hồ Chí Minh [100] là công trình đánh giá hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục kể từ thời điểm Nghị quyết số 29-NQ/TW có hiệu lực. Đáng lưu ý là các nghiên cứu liên quan đến chế độ pháp lý về đầu tư, tài chính, tài sản của các cơ sở giáo dục; luật hóa các quy định về kiểm định chất lượng nhằm gia tăng hiệu quả quản lý chất lượng giáo dục quốc gia; những bất cập và định hướng hoàn thiện chính sách pháp luật về nhà giáo; báo cáo đánh giá tác động của chính sách quản lý nhà nước về giáo dục; kinh nghiệm nước ngoài về luật giáo dục và khuyến nghị cho Việt Nam. Các nghiên cứu trên là tài liệu tham khảo bổ ích góp phần giúp nghiên cứu sinh làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật về giáo dục đại học.

** Các công trình nghiên cứu là đề tài khoa học*

Đề tài khoa học cấp quốc gia “*Nghiên cứu mô hình xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*” (2015) do Lê Hồng Hạnh chủ nhiệm [60]. Đây là công trình khoa học nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn để đề xuất mô hình xây dựng pháp luật Việt Nam trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Theo đó, hệ thống pháp luật phải đảm bảo các tiêu chí đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, minh bạch, khả thi, dễ tiếp cận, dễ thi hành và

đạt hiệu quả điều chỉnh cao. Bên cạnh đó, tính hiệu quả của pháp luật được thể hiện ở mối tương quan giữa ba yếu tố: chi phí xây dựng, thi hành pháp luật và kết quả của việc thi hành pháp luật. Kết quả nghiên cứu của đề tài là những luận cứ khoa học giúp cho nghiên cứu sinh xây dựng được các tiêu chí đánh giá và phương hướng hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay.

Đề tài khoa học cấp quốc gia “*Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung Luật giáo dục đại học 2012*” (2020) do Vũ Thị Lan Anh chủ nhiệm [3] là một công trình nghiên cứu toàn diện những vấn đề lý luận về giáo dục đại học nói chung và các chế định liên quan đến luật giáo dục đại học nói riêng, trong đó tập trung vào các vấn đề lý luận về tự chủ đại học, quản trị đại học, quản lý đào tạo và quản lý nhà nước về giáo dục đại học. Đây là công trình khoa học rất có giá trị cung cấp những luận cứ khoa học đóng góp cho quá trình sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học năm 2012, Nghị định số 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật được Chính phủ ban hành ngày 30/12/2019. Kết quả nghiên cứu trên là tài liệu tham khảo quan trọng góp phần giúp nghiên cứu sinh khái quát, phát triển sâu sắc hơn trong việc đánh giá cũng như tham khảo kinh nghiệm của các nước trong việc hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Đề tài khoa học cấp quốc gia “*Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề xuất xây dựng Luật Nhà giáo*” (2022) do Trần Công Phong chủ nhiệm [79]. Trong công trình này, các tác giả đã làm rõ khung lý luận về xây dựng chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo; nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam về xây dựng khung chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo. Trên cơ sở chỉ ra những bất cập trong các quy định và thực trạng thực thi pháp luật về đội ngũ nhà giáo hiện nay, đề tài đã khẳng định sự cần thiết phải xây dựng Luật Nhà giáo nhằm góp phần tăng cường quản lý nhà nước đối với đội ngũ nhà giáo, tạo hành lang pháp lý để định

hướng và triển khai có hiệu quả việc phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu mới cũng như tạo động lực thu hút, động viên đội ngũ nhà giáo cống hiến, phục vụ sự nghiệp giáo dục. Mặc dù chỉ nghiên cứu khía cạnh liên quan đến các quy định pháp luật về nhà giáo nhưng đây cũng là tài liệu có giá trị giúp nghiên cứu sinh xây dựng và nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp luật hiện nay về đội ngũ nhà giáo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

** Các công trình nghiên cứu là luận án*

Luận án Tiến sĩ Luật học “*Hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*” (2012) của Lê Thị Kim Dung [43] đã đưa ra những đánh giá pháp luật về giáo dục đại học, từ đó đề ra những phương hướng và giải pháp hoàn thiện hình thức và nội dung các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu của luận án là tài liệu tham khảo giúp nghiên cứu sinh đề xuất những giải pháp liên quan đến hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học, là cơ sở bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Luận án Tiến sĩ Quản lý công “*Thể chế quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*” (2021) của Phạm Thị Hạnh Phương [82] đã làm rõ cơ sở lý luận về thể chế quản lý nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học. Theo tác giả, pháp luật về quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học là yếu tố cấu thành thể chế quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học. Do vậy, để hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay cần hoàn thiện chiến lược phát triển giáo dục đại học, rà soát, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung các quy phạm pháp luật về giáo dục đại học trong điều kiện hội nhập quốc tế. Những nghiên cứu trên đây rất có ý nghĩa cho nghiên cứu sinh khi phân tích về nội dung cũng như giải pháp hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học.

** Các công trình nghiên cứu là bài báo*

Bài viết “*Hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục đại học để đẩy mạnh quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam*” (2018) của

Phạm Tất Thắng, Nguyễn Thị Tuyết Nga [102] đã tập trung phân tích khái niệm, hệ thống quy phạm pháp luật hiện hành về tự chủ cũng như đánh giá thực trạng thực hiện quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học. Các tác giả đã chỉ rõ, việc triển khai chính sách, pháp luật về tự chủ đại học còn nhiều vướng mắc, bất cập, chưa thực sự phát huy được sự độc lập và sáng tạo của các cơ sở đào tạo. Dựa trên những phân tích về thực trạng, nghiên cứu đã đề ra bốn giải pháp chủ yếu để hoàn thiện khung pháp lý về tự chủ đại học, bao gồm: i) sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về tự chủ đại học; ii) nghiên cứu xây dựng mô hình, cơ chế tự chủ đại học; iii) đẩy mạnh tự chủ chuyên môn, học thuật; iv) đổi mới cơ chế tài chính đại học.

Bài viết *“Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học”* (2021) của Phạm Tất Thắng, Nguyễn Thị Tuyết Nga [103] đã đưa ra nhận định tổng quan về tiến trình xây dựng chính sách, pháp luật về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Theo nghiên cứu, vẫn còn những tồn tại, hạn chế trong chính sách, pháp luật, dẫn đến hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học Việt Nam rơi vào trạng thái thiếu ổn định, thiếu vắng. Trước yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học, cần chuyển nhanh việc xây dựng hệ thống bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học từ tiếp cận từng phần, chắp vá như hiện nay sang tiếp cận tổng thể, nhất quán, trên cơ sở một khung bảo đảm chất lượng quốc gia.

Bài viết *“Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với chất lượng giáo dục đại học tại các trường thuộc ngành Công an”* (2024) của tác giả Nguyễn Xuân Dương [42] đã chỉ ra những yếu tố đặc thù của công tác giáo dục đào tạo trong Công an nhân dân, từ đó chỉ ra các hạn chế, bất cập của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học trong Công an nhân dân như có quy định chưa phù hợp với đặc thù của lực lượng vũ trang nói chung, ngành công an nói riêng; nhiều văn bản do Bộ Công an ban hành về

giáo dục đào tạo đã lạc hậu với thực tiễn nhưng chậm sửa đổi, bổ sung... Từ đó, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với chất lượng giáo dục đại học trong ngành Công an trong thời gian tới. Mặc dù chỉ nghiên cứu về nội dung quy định pháp luật về quản lý nhà nước nhưng đây là một trong số ít tài liệu nghiên cứu về pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc lực lượng vũ trang, là cơ sở để nghiên cứu sinh tham khảo cho nội dung Chương 2 và Chương 3 của Luật án.

Qua các công trình nghiên cứu cụ thể về chủ đề này, có thể thấy rằng, các học giả đã tập trung khai thác, nghiên cứu cả phần lý luận và thực tiễn, với các minh chứng cụ thể, sinh động về các khía cạnh của giáo dục đại học. Bên cạnh đó, những nghiên cứu về pháp luật về giáo dục đại học đã cung cấp cho nghiên cứu sinh những nền tảng lý luận cơ bản về nội dung, tiêu chí, giải pháp hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học nói chung. Tuy vậy, hầu như không có nghiên cứu nào chuyên sâu về pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc lực lượng vũ trang hay thuộc Bộ Quốc phòng, mà chỉ tập trung nghiên cứu pháp luật điều chỉnh hoạt động giáo dục đại ở các cơ sở đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

1.1.2. Các công trình khoa học nghiên cứu liên quan đến thực hiện pháp luật và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học và các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu về thực hiện pháp luật

Là một trong những vấn đề cốt lõi của khoa học lý luận về Nhà nước và pháp luật, thực hiện pháp luật đã được nghiên cứu trong nhiều công trình, từ góc độ lý luận chung đến các lĩnh vực pháp luật cụ thể. Các nghiên cứu về cơ bản đã xây dựng được khung lý thuyết khá hoàn chỉnh về thực hiện pháp luật, tiêu biểu như:

** Các công trình nghiên cứu là sách chuyên khảo, tham khảo*

Sách chuyên khảo “*Hiệu quả của pháp luật – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” (2017) của tác giả Nguyễn Minh Đoan, Vũ Trọng Lâm [57]. Cuốn sách gồm 5 chương là một công trình nghiên cứu khung lý thuyết về hiệu quả của pháp luật, bao gồm các khái niệm, phương pháp và các tiêu chí đánh giá hiệu quả pháp luật. Bên cạnh đó, các tác giả còn đánh giá thực tiễn về hiệu quả của pháp luật, các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của toàn cầu hóa, hội nhập và phát triển bền vững.

Sách chuyên khảo “*Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*” (2019) của Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức [55]. Cuốn sách được kết cấu thành 8 chương đã làm rõ các vấn đề về lý luận thực hiện pháp luật, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam. Trong đó, các tác giả đã trình bày về khái niệm, mục đích, ý nghĩa của thực hiện pháp luật. Bên cạnh đó, cuốn sách cũng đề cập đến các yếu tố bảo đảm và tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật; thực trạng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật. Hai công trình nghiên cứu này rất có giá trị giúp nghiên cứu sinh hoàn thiện hệ thống lý luận về thực hiện pháp luật, tiếp cận các tiêu chí đánh giá hiệu quả, từ đó định hướng các giải pháp cơ bản bảo đảm thực hiện pháp luật phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay.

** Các công trình nghiên cứu là đề tài*

Đề tài cấp Nhà nước “*Thực hiện pháp luật của các công dân trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền*” (2019) do tác giả Hoàng Thị Kim Quế chủ biên [87]. Đề tài đã đi sâu nghiên cứu, phân tích và cung cấp nền tảng lý luận về thực hiện pháp luật của công dân; các yếu tố cấu thành và các điều kiện đảm bảo thực hiện pháp luật của công dân nước ta. Đánh giá sự tác động của một số yếu tố đến thực hiện pháp luật của công dân. Trong đó đáng chú ý là đề tài đã nêu bật được vai trò của giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật trong việc thực hiện pháp luật của công dân Việt Nam. Đây là tài liệu nghiên cứu rất có giá trị để nghiên cứu sinh tham khảo trong việc triển khai viết

những nội dung liên quan đến vấn đề lý luận về thực hiện pháp luật, các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Đề tài cấp Bộ “*Các giải pháp đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay*” (2019), do tác giả Nguyễn Xuân Lân chủ biên [69]. Trong công trình này, các tác giả nhấn mạnh vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật trong việc tạo ra những điều kiện thuận lợi cho quá trình thực hiện pháp luật. Trên cơ sở bám sát đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đề tài đã làm rõ những yêu cầu và đề xuất các giải pháp cụ thể để công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đạt hiệu quả như nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, chính sách, công nghệ, xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội... Tuy chỉ đề cập đến khía cạnh giáo dục pháp luật nhưng kết quả nghiên cứu của đề tài là sự gợi mở quan trọng cho nghiên cứu sinh đề xuất giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian tới.

Kỷ yếu hội thảo khoa học cấp quốc gia “*Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*” (2025) của Bộ Tư pháp và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh [36] là tập hợp các bài viết tâm huyết của các nhà khoa học, tập trung vào ba nội dung chính: i) những vấn đề chung về công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới; ii) công tác xây dựng pháp luật và yêu cầu, định hướng, phương pháp đổi mới; iii) công tác thi hành pháp luật và định hướng, giải pháp đổi mới. Trong đó đáng chú ý là các bài viết liên quan đến đổi mới nhận thức lý luận về thực hiện pháp luật; yêu cầu đổi mới công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới; phát huy tính đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật; giải pháp xây dựng ý thức thượng tôn Hiến pháp và pháp luật của người dân, doanh nghiệp trở thành chuẩn mực

ứng xử cho toàn xã hội. Các bài viết đã giúp nghiên cứu sinh có được những nhận thức lý luận mới về thực hiện pháp luật, những yêu cầu và giải pháp đổi mới, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật trong bối cảnh nước ta hiện nay.

** Các công trình nghiên cứu là luận án*

Bên cạnh những công trình khoa học nghiên cứu về thực hiện pháp luật trên cơ sở lý luận chung, nhiều tác giả đã nghiên cứu việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể, tiêu biểu như: tác giả Bùi Thị Long trong luận án *“Thực hiện pháp luật về an ninh mạng”* [71]; Đỗ Phương Anh trong luận án *“Thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với phụ nữ ở nông thôn các tỉnh Bắc Trung Bộ, Việt Nam”* [1], Đào Thị Tùng trong luận án *“Thực hiện pháp luật về quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”* [110]; Nguyễn Hữu Mạnh trong luận án *“Thực hiện pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đô thị loại I ở Việt Nam hiện nay”* [73]; Trịnh Thăng Quyết trong luận án *“Thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay”* [94], Phạm Thị Thanh Huệ trong luận án *“Thực hiện pháp luật về quản lý biên giới quốc gia trên đất liền của Bộ đội Biên phòng Việt Nam hiện nay”* [65]; Võ Thị Hồng Vân trong luận án *“Thực hiện pháp luật về giáo dục trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay”* [114]...

Trong mỗi công trình, các tác giả đều có sự vận dụng lý luận và cụ thể hóa khái niệm thực hiện pháp luật trong từng lĩnh vực đặc thù hay địa bàn cụ thể. Trên cơ sở khung lý luận, các tác giả đã đánh giá và phân tích thực trạng, chỉ ra được nguyên nhân của những ưu điểm và hạn chế trong thực tiễn thực hiện pháp luật. Từ đó các nghiên cứu đều đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật ở các địa bàn hay lĩnh vực nghiên cứu cụ thể. Đây chính là nguồn tài liệu phong phú để nghiên cứu sinh có thể tham khảo, làm rõ những nội dung về mặt lý luận, xây dựng khung phân tích với các tiêu chí đánh giá cụ thể, hướng phân tích các nguyên nhân đa chiều và đề xuất các giải pháp phù hợp với thực trạng thực hiện pháp luật.

** Các công trình nghiên cứu là bài báo*

Bài viết *“ Tư tưởng thượng tôn pháp luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền ”* (2017) của Tào Thị Quyên [93] là công trình phân tích giá trị của tư tưởng thượng tôn pháp luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh để đảm bảo pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh và thống nhất: i) thiết lập và thực hiện chế độ pháp trị thống nhất trong phạm vi cả nước; ii) đề cao vai trò và bảo đảm hiệu lực tối cao của Hiến pháp và luật; iii) mọi chủ thể phải chấp hành nghiêm pháp luật, không có ngoại lệ; iv) kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm. Trên cơ sở đó, tác giả chỉ ra một số vấn đề cần lưu ý nhằm tiếp tục vận dụng đúng đắn tư tưởng của Người trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là những gợi mở cho nghiên cứu sinh xây dựng những quan điểm bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Bài viết *“ Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ”* (2022) của tác giả Nguyễn Minh Đoan [58]. Bài viết đã đề ra 5 nhóm giải pháp để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo đường lối, chủ trương của Đảng. Đáng chú ý, tác giả đã nhấn mạnh “nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật là điều kiện không thể thiếu của một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” [58, tr 5]. Do vậy, theo tác giả, giữa xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật cần có sự gắn kết chặt chẽ, phải tập trung chỉ đạo cũng như có sự đầu tư hợp lý về nguồn lực và các điều kiện để tổ chức thi hành pháp luật chính xác, triệt để, đầy đủ.

Bài viết *“ Xã hội học thực hiện pháp luật ”* (2023) của Hoàng Thị Kim Quế, Lê Thị Phương Nga [88]. Trên cơ sở tiếp cận vai trò, định hướng phát triển của xã hội học thực hiện pháp luật, các tác giả đã đề cập đến sự cần thiết kế thừa, bổ sung và phát triển lý thuyết truyền thống về thực hiện pháp luật.

Bên cạnh đó, bài viết đã khái quát một vài yếu tố xã hội, pháp lý tác động tới thực hiện pháp luật như: trách nhiệm của nhà nước trong việc bảo đảm thực hiện pháp luật; yếu tố pháp lý; sử dụng pháp luật, xây dựng và tôn vinh tính tích cực pháp luật của cá nhân, tổ chức; kiến thức pháp luật, thái độ, tình cảm tôn trọng pháp luật, bản lĩnh, kỹ năng thực hành pháp luật; yếu tố môi trường xã hội – pháp lý; dư luận xã hội... Nội dung bài viết giúp nghiên cứu sinh có thêm những căn cứ lý luận để xây dựng khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay.

Bài viết “*Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*” (2023) của Trương Hồ Hải, Đặng Viết Đạt [59] đã phân tích sâu sắc những vấn đề lý luận và thực tiễn nhằm nhận diện rõ nội hàm, đặc trưng và định hướng trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đáng chú ý, các tác giả nhấn mạnh yêu cầu về một hệ thống pháp luật cần đáp ứng những tiêu chí nhất định, đồng thời phải được thực hiện nghiêm minh và nhất quán. Từ những phân tích trên, bài viết đề xuất một số định hướng cơ bản xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có đề cập đến vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế thực hiện pháp luật hiệu quả; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật... Đây là những thông tin quan trọng giúp cho nghiên cứu sinh phân tích và luận giải sâu sắc hơn các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong Chương 4 của luận án.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học và các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

* Các công trình nghiên cứu là sách chuyên khảo, tham khảo

Sách chuyên khảo “*Giải pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam*” (2022) của Phạm Tiến Dũng chủ biên

[44] trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận, thực trạng của phòng ngừa vi phạm pháp luật trong nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam; xác định yêu cầu, đề xuất những giải pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong nhà trường quân đội. Trong đó, các tác giả đã chỉ ra rằng, để phòng ngừa vi phạm pháp luật trong nhà trường đạt hiệu quả thiết thực cần phải thực hiện đồng bộ và vận dụng linh hoạt, sáng tạo các giải pháp như: nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tổ chức, lực lượng; duy trì nghiêm pháp luật, kỉ luật, xử lý nghiêm những hành vi vi phạm; khơi dậy tính tự giác, chủ động của các chủ thể trong tự phòng ngừa và phòng ngừa vi phạm pháp luật; nâng cao chất lượng tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

Sách chuyên khảo “*Quản lý tuyển sinh vào các học viện, nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục*” (2020) của Phùng Thị Phú [80]. Cuốn sách là công trình khoa học đi sâu nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý tuyển sinh vào các học viện, nhà trường quân đội. Trên cơ sở đó, đề xuất một 5 giải pháp quản lý tuyển sinh nhằm tạo ra sự nhất quán trong quản lý đầu vào, quản lý quá trình đào tạo và quản lý đầu ra, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đại học trong các học viện nhà trường quân đội. Theo tác giả, cần phải xây dựng kế hoạch tuyển sinh quân sự theo hướng đổi mới giáo dục và đào tạo, nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý cũng như kiểm tra, đánh giá quá trình tuyển sinh quân sự. Bên cạnh đó, cần tổ chức phân cấp quản lý, xây dựng cơ chế phối hợp hoạt động tuyển sinh; xây dựng tiêu chí tuyển sinh quân sự và tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra phù hợp với phương thức tuyển sinh mới.

* *Các công trình nghiên cứu là đề tài khoa học*

Đề tài “*Nghiên cứu nâng cao chất lượng dạy học pháp luật ở học viện Biên phòng*” (2015) của tác giả Phạm Văn Trường [108]. Đây là công trình nghiên cứu các vấn đề về hoạt động dạy học pháp luật cho các đối tượng học viên ở học viện Biên phòng. Nghiên cứu của tác giả đã chỉ ra rằng, nâng cao

chất lượng dạy học pháp luật chính là cơ sở để các chủ thể thực hiện tốt các quy định của pháp luật, góp phần đáp ứng mục tiêu đào tạo của nhà trường. Dựa trên phân tích đó, tác giả đã luận giải các tiêu chí đánh giá làm cơ sở đề xuất một số biện pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng dạy học pháp luật của học viện Biên phòng trong thời gian tới.

Đề tài *“Nghiên cứu kiện toàn, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong các nhà trường quân đội”* (2010) của tác giả Vũ Việt [115]. Trên cơ sở luận giải cơ sở lý luận và phân tích thực trạng, yêu cầu, tác giả đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm kiện toàn, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục ở nhà trường quân đội như hoàn thiện, bổ sung các văn bản pháp quy; từng bước kiện toàn và xây dựng đội ngũ này theo hướng chuẩn hóa; xây dựng các chính sách ưu đãi, thu hút cá nhân có trình độ cao. Đây cũng chính là cơ sở để nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục trong các nhà trường quân đội.

** Các công trình nghiên cứu là luận án*

Luận án Tiến sĩ Chính trị học *“Bồi dưỡng văn hóa pháp luật của học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội”* (2009) của Vũ Văn Thường [104]. Tác giả cho rằng, bồi dưỡng văn hóa pháp luật là cơ sở hình thành ý thức, hành vi tự giác, lối sống tích cực, phong cách làm việc theo Hiến pháp và pháp luật của nhà nước, kỉ luật quân đội. Trên cơ sở phân tích những ưu điểm và hạn chế của thực trạng bồi dưỡng văn hóa pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan ở các trường quân đội hiện nay, tác giả đã đưa ra một số phương hướng, yêu cầu và đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm tăng cường công tác bồi dưỡng văn hóa pháp luật cho học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội. Mặc dù chỉ nghiên cứu khía cạnh văn hóa pháp luật, nhưng kết quả nghiên cứu của luận án giúp cho nghiên cứu sinh làm rõ thêm đặc điểm cũng

như giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Tác giả Nguyễn Minh Khôi với đề tài luận án “*Giải pháp cơ bản xây dựng đội ngũ cán bộ cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan trong quân đội giai đoạn hiện nay*” (2010) [68] đã làm rõ đặc điểm, vai trò đội ngũ cán bộ cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan trong quân đội; chỉ ra nội dung xây dựng đội ngũ cán bộ cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan bao gồm: quy hoạch; tạo nguồn, tuyển chọn; đào tạo, bồi dưỡng; tự đào tạo, tự bồi dưỡng; quản lý, đánh giá, bố trí, sử dụng; thực hiện chính sách với đội ngũ này. Trong 5 giải pháp cơ bản đề xuất, giải pháp thứ hai và thứ ba tác giả xác định phải thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển chọn chặt chẽ; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, quản lý đội ngũ cán bộ cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan trong quân đội.

Luận án Tiến sĩ Quản lý giáo dục “*Phát triển đội ngũ giảng viên các học viện trong Quân đội theo hướng tiếp cận năng lực*” (2021) của Đinh Xuân Hanh [61], đã nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết về phát triển đội ngũ giảng viên trong các học viện toàn quân theo hướng tiếp cận năng lực. Trên cơ sở đó, tác giả đã khảo sát thực tiễn về công tác phát triển đội ngũ giảng viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam trên các vấn đề: quy hoạch, tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp. Từ đó, luận án đề xuất bảy nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phát triển đội ngũ giảng viên theo hướng tiếp cận năng lực ở các học viện trong Quân đội.

Luận án tiến sĩ Luật học “*Quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay*” (2021) của tác giả Lê Anh Tuấn [106]. Đây là nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề lý luận về quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học; thực trạng quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học ở Việt Nam. Dựa trên

những phân tích trên, tác giả đã hệ thống hóa những quan điểm và đề xuất những giải pháp trọng tâm nhằm hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học ở Việt Nam. Các giải pháp này hướng tới đáp ứng các tiêu chí đồng bộ, thống nhất, toàn diện, đồng thời làm rõ vai trò của nhà nước và cơ sở đào tạo trong giai đoạn hiện nay.

Luận án Tiến sĩ Luật học “*Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam*” (2023) của Trịnh Văn Hưng [67]. Công trình đã tập trung nghiên cứu về chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Theo tác giả, mục đích của giáo dục pháp luật là góp phần hình thành nhận thức về pháp luật cho chủ thể, từ đó xây dựng và củng cố niềm tin và tình cảm đúng đắn đối với pháp luật. Từ đó, quá trình giáo dục pháp luật sẽ góp phần hình thành nên các hành vi tự giác, tích cực của các chủ thể theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đánh giá thực trạng chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội trong thời gian qua, tác giả đã đưa ra 4 quan điểm mang tính định hướng, đề xuất 8 nhóm giải pháp cụ thể góp phần nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội trong thời gian tới.

* *Các công trình nghiên cứu là bài báo khoa học*

Bài viết “*Môi trường văn hóa pháp luật ở đơn vị cơ sở trong việc phát triển ý thức pháp luật trung đội trưởng bộ binh*” (2015) của Đào Văn Minh [76]. Bài viết thể hiện sự phân tích của tác giả đối về vai trò của môi trường văn hóa pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội, nhấn mạnh môi trường văn hóa pháp luật góp phần hoàn thiện nhân cách, đạo đức, nâng cao ý thức pháp luật cho người học viên. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp xây dựng môi trường văn hóa trong các trường sĩ quan quân đội như: xây dựng đơn vị học viên có đời sống văn hóa pháp luật lành mạnh, kỷ luật, kỷ cương; tăng cường củng cố cảnh quan văn hóa pháp luật

của đơn vị học viên gọn gàng, ngăn nắp; tích cực đấu tranh chống văn hóa xấu độc, phản động, tệ nạn xã hội, những nhận thức và hành động sai trái trong đơn vị; thiết lập các mối quan hệ tốt đẹp trong đơn vị học viên theo pháp luật, điều lệ, kỷ luật quân đội.

Bài viết *“Tăng cường giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội”* của Đỗ Xuân Đoài [54] đã điểu qua thực trạng công tác giáo dục pháp luật ở các nhà trường quân đội, đồng thời trên cơ sở đó, tác giả đã kiến nghị một số giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường trong thời gian tới, tập trung vào: tăng cường giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm cho các chủ thể; đổi mới hình thức, nội dung giáo dục pháp luật; phối hợp các lực lượng trong giáo dục pháp luật; tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả giáo dục pháp luật. Đây là những gợi mở cho nghiên cứu sinh trong việc hoàn thiện giải pháp liên quan đến nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật về giáo dục đại học ở chương 4 của luận án.

Có thể nhận thấy, các công trình nghiên cứu về thực hiện pháp luật ở Việt Nam khá đa dạng và phong phú. Các học giả đã đưa ra được khung lý luận về thực hiện pháp luật, xác định các tiêu chí đánh giá hiệu quả, làm rõ các yếu tố tác động, đề xuất các giải pháp cơ bản bảo đảm thực hiện pháp luật ở nước ta hiện nay. Bên cạnh đó, việc tham khảo kết quả nghiên cứu thực tiễn thực hiện pháp luật ở một số lĩnh vực chuyên ngành cụ thể giúp định hướng cho tác giả trong quá trình xây dựng khung nghiên cứu trong quá trình triển khai viết luận án. Mặc dù vậy, chỉ có một số ít công trình tiếp cận, phân tích, đánh giá việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở trong các nhà trường quân đội trên một số khía cạnh như nhà giáo, tuyển sinh... mà chưa có nghiên cứu nào đánh giá một cách toàn diện, sâu sắc về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở NƯỚC NGOÀI

* Các công trình nghiên cứu là sách chuyên khảo, tham khảo

Sách “*Điều lệ công tác chính trị Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc*” (2003) của Dương Minh Hào, Triệu Anh Ba [117]. Theo nghiên cứu của các tác giả, để nâng cao chất lượng của các học viện, nhà trường Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc cần phải xây dựng cán bộ huấn luyện toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, cả về chuyên môn, quân sự, kinh nghiệm thực tiễn. Theo đó, người cán bộ làm công tác giáo dục, huấn luyện phải có trình độ lý luận chính trị để thực hiện chức trách, có ý thức tổ chức kỷ luật, kiên quyết chấp hành đường lối của Đảng, chỉ thị của cấp trên, pháp luật của Nhà nước.

Sách “*American higher education in the twenty – first century – Social, political and economy challenges*” (2011) của các tác giả Phillip G. Altbach, Patricia J. Gumpert và Robert O. Berdahl [126]. Trong cuốn sách này, các tác giả đã đưa ra những dự báo về giáo dục đại học Hoa Kỳ trước ảnh hưởng của các yếu tố trong thế kỉ 21 như công nghệ số, tài chính, tiếp thị. Trong đó đáng chú ý là các phân tích về sự quản lý của nhà nước đối với giáo dục đại học ở Mỹ, bao gồm: mối quan hệ giữa chính phủ liên bang với giáo dục đại học, quan hệ giữa chính quyền các bang với giáo dục đại học, môi trường pháp lý.

Sách “*Globalization and International Education*” (2013) của Robin Shields [130] đã nêu bật tác động của quá trình toàn cầu hóa đối với sự phát triển của giáo dục đào tạo: toàn cầu hóa vừa đặt ra những thách thức, vừa mang lại những cơ hội cho nền giáo dục của các nước đang phát triển trong việc tiếp cận với nền giáo dục hiện đại, người học có cơ hội tiếp xúc với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới. Đây là nguồn tham khảo cho nghiên cứu sinh khi phân tích các yếu tố tác động tới thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay.

* Các công trình nghiên cứu là luận án

Luận án “*Các hình thức thực hiện pháp luật và cơ chế bảo đảm thực hiện chúng*” (2007) của Tatyana Yuryevna Falkina [133] là nghiên cứu chuyên sâu về bản chất, cấu trúc của cơ chế thực hiện pháp luật, đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật trong điều kiện cải cách ở Liên Bang Nga. Trong luận án, tác giả nhận định thực hiện pháp luật vừa là kết quả, vừa là quá trình của điều chỉnh pháp luật, có vai trò chuyển hóa quy phạm thành hành vi thực tế. Theo tác giả, cơ chế thực hiện pháp luật là hệ thống các phương tiện pháp lý và phi pháp lý hỗ trợ việc thực hiện quyền và nghĩa vụ, bao gồm: các yếu tố gắn với hoạt động và tâm lý của chủ thể pháp luật; các yếu tố gắn với hoạt động quyền lực nhà nước như áp dụng pháp luật, kiểm tra, giám sát, khuyến khích và trách nhiệm pháp lý; các yếu tố thủ tục bảo đảm trật tự pháp lý trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ; các yếu tố văn hóa – xã hội, phản ánh trình độ pháp ý thức và văn hóa pháp lý của chủ thể. Bên cạnh đó, trong luận án cũng chỉ rõ hiệu quả việc thực hiện pháp luật được xác định thông qua: (i) kết quả thực hiện trên thực tế các mục tiêu pháp lý; (ii) mức độ lợi ích xã hội của các kết quả đạt được; (iii) mức độ hoàn thiện của các quy định pháp luật được sử dụng. Trên cơ sở đó, tác giả nhấn mạnh yêu cầu tối ưu hóa cơ chế thực hiện pháp luật trong bối cảnh cải cách nhà nước và pháp luật ở Nga.

Luận án “*Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của cán bộ giảng dạy ở các cơ sở giáo dục quân sự trong quân đội Nga*” (2011) của M.V. Kibakin [122]. Trong công trình nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra vai trò của nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ giảng dạy ở các cơ sở đào tạo của quân đội Nga, bởi công việc của đội ngũ này có tính chất đặc thù riêng, không có nhiều cơ hội để cải thiện cuộc sống. Do vậy, cần có những chính sách và quy định nhằm đảm bảo chất lượng cuộc sống cho đội ngũ này, tạo cơ sở cho quá trình xây dựng những cán bộ giảng dạy, huấn luyện có chất lượng chuyên môn cao, thúc đẩy quá trình đổi mới công tác đào tạo trong các trường quân sự ở Nga.

Luận án “*Đánh giá giảng viên đại học nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*” (2017) của Khamphouvong Nouanphet [123]. Trên cơ sở xây dựng khung lý luận, quy trình đánh giá giảng viên đại học theo chức danh gắn với các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, tác giả đã chỉ rõ thực trạng của hoạt động này ở đại học Champasac, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đánh giá giảng viên, trong đó có 2 giải pháp đáng chú ý là: nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên, sinh viên về đánh giá giảng viên; hoàn thiện quy trình, công cụ đánh giá giảng viên; bảo đảm các điều kiện về môi trường và chế độ chính sách cho hoạt động đánh giá giảng viên.

Luận án “*Hình thức thực hiện pháp luật cá nhân và tập thể*” (2022) của Melnikov Sergey Aleksandrovich [121] đã đưa ra cách phân chia mới về hình thức thực hiện pháp luật khác với quan niệm truyền thống trong khoa học pháp lý, đó là hình thức thực hiện pháp luật của cá nhân và hình thức thực hiện pháp luật của tập thể. Theo tác giả, hình thức thực hiện pháp luật cá nhân là việc đưa các quy phạm pháp luật vào thực tiễn thông qua hành vi hợp pháp của một cá nhân cụ thể, người tự mình thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình, dựa trên ý chí, lợi ích và trách nhiệm pháp lý cá nhân. Hình thức này bao gồm: tuân thủ, chấp hành, sử dụng pháp luật và tự bảo vệ quyền. Mặt khác, hình thức thực hiện pháp luật của tập thể là việc đưa các quy phạm pháp luật vào đời sống thông qua hoạt động phối hợp, có tổ chức của nhiều chủ thể, thống nhất bởi ý chí chung, mục tiêu chung và trách nhiệm pháp lý mang tính tập thể. Hình thức này bao gồm: áp dụng pháp luật, thực hiện pháp luật bằng hợp đồng, thực hiện pháp luật bởi pháp nhân, thực hiện các quyền tập thể (quyền của dân tộc, quyền của cộng đồng, quyền của nhóm xã hội). Kết quả nghiên cứu của luận án rất có ý nghĩa thực tiễn trong việc nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền con người, quyền công dân và quyền tập thể, cũng như hoàn thiện cơ chế pháp lý trong điều kiện nhà nước pháp quyền hiện đại.

* Các công trình nghiên cứu là bài báo khoa học

Bài viết “*Tổng quan về năm trường đại học tổng hợp trong toàn quân*” (2002) của Lăng Tường [134], đã nhấn mạnh quan điểm về xây dựng đội ngũ nhân tài quân sự của Trung Quốc trong bối cảnh hiện đại hóa quân đội nhằm mục tiêu dần trở thành cường quốc quân sự trên thế giới. Trên cơ sở khái quát 5 trường đại học tổng hợp quân đội Trung Quốc, tác giả đã chỉ ra, hoạt động giáo dục đại học luôn đặc biệt coi trọng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ huấn luyện, cán bộ khoa học có học hàm, học vị. Đây là cơ sở để xây dựng đội ngũ trí thức quân đội, nhằm mục tiêu hiện đại hóa quân đội Trung Quốc.

Báo cáo “*Vietnam – Higher Education and Skills for Growth*” (2008) (Việt Nam: giáo dục đại học và kỹ năng cho phát triển) của World Bank [136]. Bản báo cáo với hai nội dung chính: một là, chỉ ra những hạn chế của giáo dục đại học Việt Nam (khả năng tiếp cận, quản trị, chất lượng và rào cản về tài chính); hai là, chỉ ra những yêu cầu đối với giáo dục đại học Việt Nam (việc làm, năng suất và sự phù hợp). Theo nghiên cứu của báo cáo, World Bank đã đề xuất giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam là phải nâng cao hiệu quả quản trị của các cơ quan nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đại học.

Báo cáo “*University Autonomy in Europe II*” (2010) (Tự chủ đại học ở châu Âu) của Thomas Estermann, Terhi Nokkala and Monika Steinel [128] đã nghiên cứu, so sánh quyền tự chủ của các trường đại học ở 22 nước châu Âu và phân tích điểm chung cũng như sự khác biệt trong bốn lĩnh vực tự chủ chính, bao gồm: tự chủ về tổ chức (cơ cấu học thuật, hành chính, lãnh đạo và quản trị); tự chủ học thuật (ngành học, số lượng sinh viên, tuyển chọn sinh viên, cấu trúc, nội dung, các trình độ đào tạo đại học); tự chủ tài chính và nhân sự.

Báo cáo “*Teacher Policies around the World*” (Chính sách cho giáo viên thế giới) (2010) của World Bank [137] đã đưa ra một khung lý luận về chính sách giáo viên thế giới nhằm đạt được hiệu quả dạy học cao, trong đó

đáng chú ý là các nội dung liên quan đến đào tạo, tuyển dụng và sử dụng; sự tự chủ của giáo viên; phát triển chuyên môn; đãi ngộ, lương và các lợi ích ngoài lương; quy định về nghỉ hưu và các quyền lợi; giám sát và đánh giá chất lượng giáo viên. Theo nghiên cứu, mục tiêu của khung chính sách này là nhằm thu hút được đội ngũ giáo viên có chuyên môn giỏi, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Bài viết “*Strengthening Higher Education in Laos*” (2013) của tác giả Jane Knight [127] đã phân tích vai trò quan trọng của quốc tế hóa trong việc xây dựng các trường đại học, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển như Lào. Bằng việc chỉ ra những hạn chế trong quá trình quốc tế hóa ở các trường đại học Lào bao gồm hạn chế về mặt tài chính, cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực và hệ thống bảo đảm bảo chất lượng, tác giả cho rằng cần có xây dựng chiến lược quốc tế hóa rõ ràng, đặc biệt cần phải phát triển nội lực, xây dựng thể chế giáo dục đại học vững mạnh và nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, phù hợp với bối cảnh quốc gia và từng địa phương.

Bài viết “*Higher education financing – case of Vietnam: Current status and future directions*” (2018) của Dilip Parajuli [119] đã trình bày khuynh hướng giáo dục đại học trên thế giới, vai trò của tài chính đại học và những vấn đề của Việt Nam. Theo tác giả, giáo dục đại học thế giới đang đứng trước những khuynh hướng lớn, đó là quốc tế hóa mạnh mẽ, sự đột phá của công nghệ trong giáo dục đào tạo, tự chủ đại học và xây dựng tài chính đại học bền vững. Trên cơ sở chỉ ra những tồn tại trong giáo dục đại học ở Việt Nam, tác giả cho rằng cần phát triển chiến lược và cải cách chính sách nhằm thúc đẩy quốc tế hóa, nâng cao năng lực của giáo dục đại học Việt Nam; nâng cao quyền tự chủ trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học để đạt hiệu suất cao hơn; tận dụng công nghệ đột phá trong giáo dục đại học.

Bài viết “*Constructing the Teaching System of Military Academy and Improving the Quality of Military School Education in an All – round Way*”

(2018) của Jiu-ling Zhao [120] cho rằng, để đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu và đặc điểm hiện tại của Quân giải phóng Nhân dân Trung Quốc, hệ thống giảng dạy quân sự ở các học viện quân sự cần phải chú trọng đến chất lượng của đội ngũ giảng viên, thay đổi nội dung giảng dạy theo hướng tập trung vào việc nâng cao khả năng thích ứng của học viên với vị trí công tác tương lai, xây dựng môi trường giáo dục hài hòa bằng việc chú trọng vào hai khía cạnh là môi trường tâm lý và môi trường văn hóa.

Bài viết “*Sustainable development of the higher education system in the Russian federation*” (2022) của A.V. Trofimenko [116] là một nghiên cứu phân tích và đánh giá thực trạng pháp luật về giáo dục đại học ở Nga, với mục tiêu đưa ra những đề xuất cải cách pháp luật đáp ứng các yêu cầu mới trong bối cảnh kinh tế và chính trị hiện nay. Theo tác giả, pháp luật về giáo dục đại học ở Nga chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững của hệ thống giáo dục đại học, do vậy cần có những cải cách sâu rộng, trong đó cần đảm bảo tính ổn định của pháp luật, tăng cường đầu tư ngân sách cho các cơ sở đào tạo.

Bài viết “*How far has the state ‘stepped back’: an exploratory study of the changing governance of higher education in China (1978–2018)*” của Shuangmiao Han và Xin Xu [132] phân tích và nghiên cứu sự thay đổi cách thức can thiệp của chính phủ Trung Quốc vào các trường đại học trong giai đoạn 1978 – 2018 thông qua các công cụ quản trị quan trọng là luật pháp, chính sách và tài chính trên cơ cấu trường đại học, tuyển sinh, chương trình đào tạo, tài chính và học phí. Theo nghiên cứu, mặc dù chuyển từ kiểm soát trực tiếp sang gián tiếp, chính phủ Trung Quốc vẫn duy trì sự kiểm soát của mình với các trường đại học bằng quyền bổ nhiệm lãnh đạo trường và việc luật hóa các nghĩa vụ của các trường đại học phải tuân thủ các nguyên tắc và chính sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Bài viết *“The System of Military Higher Education in the Russian Federation”* (2019) của Kazimierz Kraj [125] đã cung cấp một cái nhìn sâu sắc về quá trình cải cách hệ thống giáo dục quân sự ở Nga, đặc biệt là kể từ năm 2008 tới nay, Nga đã có những thay đổi quan trọng trong việc hợp nhất các học viện quân sự và hình thành các Học viện, trung tâm giáo dục và khoa học quân sự nhằm hiện đại hóa chương trình giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Đồng thời, đảm bảo nguồn lực tài chính cho các trường nghiên cứu, hội đồng khoa học và đội ngũ giảng viên, tận dụng và thúc đẩy sự phát triển của cơ sở hạ tầng và điều kiện vật chất của các trường.

Bài viết *“Công tác tuyển dụng giảng viên ở các học viện trong Quân đội nhân dân Lào”* (2019) của Khosavan Phimmason [124]. Bài viết là công trình nghiên cứu về vị trí, vai trò của đội ngũ giảng viên trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của quân đội nhân dân Lào thời kỳ mới. Từ đó, tác giả xác định quá trình tuyển dụng giảng viên phải đảm bảo tính nhất quán về quan điểm, công bằng, bình đẳng, khách quan, trên cơ sở thực hiện tốt quy trình tuyển dụng giảng viên gồm: xác định nguồn giảng viên, nội dung, phương thức tuyển dụng, sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong hoạt động này.

Báo cáo *“Improving the Performance of Higher Education in Vietnam: Strategic Priorities and Policy Options”* (2020) (Nâng cao hiệu quả giáo dục đại học ở Việt Nam: Các ưu tiên chiến lược và các lựa chọn chính sách) của World Bank [138]. Trong công trình, Ngân hàng thế giới đã đánh giá *“giáo dục đại học ở Việt Nam chưa thực sự tương xứng với những kết quả nổi bật về tăng trưởng kinh tế công bằng và phát triển con người”* [138, tr 1]. Trên cơ sở chỉ ra những hạn chế trên nhiều phương diện, tổ chức này đã đưa ra những khuyến nghị về xây dựng chiến lược, thể chế mang tính đột phá đối với hệ thống giáo dục đại học đến năm 2030 (chính sách và chương trình nhằm tăng cường tài chính cho nghiên cứu, thu hút tài năng, đầu tư cơ sở vật chất, liên

kết với các doanh nghiệp lớn trong nước và thế giới; Chính phủ cần tạo điều kiện về nguồn lực và khung pháp lý tăng cường tính tự chủ và trách nhiệm giải trình cho các trường đại học; tăng cường huy động nguồn ngân sách và ngoài ngân sách cao hơn cho giáo dục đại học).

Bài viết “*Comparative Analysis of Chinese and American Higher Education Policies*” (Phân tích so sánh chính sách giáo dục đại học của Trung Quốc và Hoa Kỳ) (2023) của Jiaxuan Jin, Yuhan Lian, Xiaochang Liu [145] là nghiên cứu phân tích những khác biệt trong chính sách giáo dục đại học giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, đặt trong bối cảnh khác nhau về chính trị, kinh tế và văn hóa. Điều này thể hiện rõ trong chính sách đào tạo nhân tài, đổi mới khoa học và công nghệ, tài chính cho giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất các giải pháp hướng tới nâng cao hiệu quả của giáo dục đại học Trung Quốc trên cơ sở phù hợp với đặc thù quốc gia. Đó là tập trung bổ sung chính sách liên quan đến cạnh tranh giữa các trường đại học, chính sách đào tạo và thu hút nhân tài và chính sách phát triển trọng điểm giáo dục đại học.

Bài viết “*Leader Development and Talent Management: The Army Competitive Advantage*” (Phát triển lãnh đạo và quản lý nhân tài: Lợi thế cạnh tranh của Quân đội) (2015) của Raymond T. Odierno [129] khẳng định đội ngũ quân nhân có năng lực, bản lĩnh, phẩm chất đạo đức và tinh thần phụng sự là sức mạnh thực sự của quân đội Hoa Kỳ. Do đó, quản lý nhân tài và phát triển lãnh đạo là hai mặt không thể tách rời, trong đó quản lý nhân tài giúp nhận diện, phát triển và sử dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng, tiềm năng của mỗi cá nhân còn phát triển lãnh đạo là mục tiêu trung tâm của quá trình đó. Bài viết cũng đề cập tới mô hình quản lý nhân tài hiện đại trong quân đội Hoa Kỳ, chú trọng tới mở rộng và đa dạng hóa lộ trình nghề nghiệp; bố trí, sử dụng quân nhân phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và sở trường cá nhân; tăng cường tính minh bạch và công bằng trong đánh giá, bổ nhiệm, đề bạt.

1.3. ĐÁNH GIÁ CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA CẦN TIẾP TỤC NGHIÊN CỨU

1.3.1. Đánh giá về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án, có thể rút ra một số nhận xét khái quát sau:

Thứ nhất, về lý luận, các nghiên cứu về pháp luật giáo dục đại học, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học mới chỉ dừng lại ở phạm vi là các cơ sở giáo dục đại học ngoài quân đội. Các công trình nước ngoài liên quan đến pháp luật về giáo dục đại học, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội cho đến nay cũng rất ít, chủ yếu đề cập đến vấn đề phát triển giáo dục đại học; quản trị giáo dục đại học; bảo đảm tự chủ cho các cơ sở giáo dục đại học, phát triển giảng viên... Do đó, các nghiên cứu vẫn chưa tiếp cận và làm rõ được lý luận thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong môi trường mang tính chất đặc thù là các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Những vấn đề về khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, nội dung pháp luật và các hình thức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học; điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng... vẫn còn là khoảng trống chưa được các công trình nghiên cứu, trao đổi.

Thứ hai, về khảo sát thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng chưa được đề cập trong bất kì công trình nghiên cứu nào. Các công trình trên mới chỉ khảo sát thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học dân sự hoặc thực hiện các quy định về nhà giáo, quản lý tài chính, tuyển sinh hay hoạt động giáo dục pháp luật, phòng ngừa vi phạm pháp luật... trong các nhà trường quân đội.

Thứ ba, về quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện tại chưa có công trình nào nghiên cứu toàn diện, chuyên sâu về vấn đề này. Một số nghiên cứu đã đề

xuất các giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học nhưng không phù hợp với đặc thù đối tượng ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng và sự thay đổi của thực tiễn.

Mặc dù vậy, tác giả có thể kế thừa, phát triển một số nội dung liên quan đến đề tài luận án trong các công trình khoa học đã được công bố. Cụ thể:

Về lý luận, luận án có thể tiếp thu, kế thừa các nội dung nghiên cứu pháp luật về giáo dục đại học và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học đối với các cơ sở đào tạo đại học ngoài quân đội. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sinh triển khai nghiên cứu và làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến pháp luật và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong luận án. Bên cạnh đó, những nghiên cứu pháp luật về giáo dục đại học hay một số khía cạnh của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội các nước như Hoa Kỳ, Nga, Trung Quốc... là nguồn tài liệu có giá trị lớn đối với nghiên cứu sinh trong quá trình so sánh và tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt để rút ra giá trị tham khảo đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

Về thực tiễn, một số công trình đã đánh giá thực trạng như pháp luật Việt Nam, pháp luật về giáo dục đại học ở các trường ngoài quân đội hay một số nghiên cứu chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Việc tham khảo kết quả của các nghiên cứu này là tiền đề để nghiên cứu sinh có sự nghiên cứu khách quan, toàn diện hơn, từ đó triển khai phân tích, đánh giá phần thực trạng trong luận án.

Về giải pháp, một số công trình đã đóng góp giải pháp định hướng hoàn thiện pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật về giáo dục đại học, về nhà giáo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học... Bên cạnh đó, cũng có những nghiên cứu đưa ra một vài phương hướng, giải pháp mang tính đồng bộ bảo đảm hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học nhưng phạm vi

nghiên cứu là các trường đại học ngoài quân đội hoặc một địa phương cụ thể. Đây chính là nguồn dữ liệu để kế thừa có chọn lọc trong luận án.

Do vậy, trên cơ sở hệ thống hóa, kế thừa những giá trị của các công trình đã công bố, nghiên cứu sinh có thể tiếp thu có chọn lọc và phát triển những nội dung về mặt lý luận, thực tiễn và giải pháp khi nghiên cứu đề tài luận án về *“Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam”*

Tóm lại, xét một cách tổng thể, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước mới tiếp cận vấn đề ở mức độ khái quát, chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam. Vì vậy, đây là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện, chuyên sâu và có hệ thống cả về mặt lý luận và thực tiễn về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam hiện nay.

1.3.2. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án

Trên cơ sở phân tích tổng quan các công trình có liên quan, luận án chỉ ra các vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu như:

Về lý luận thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện Bộ Quốc phòng: trên cơ sở phương pháp nghiên cứu của ngành lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, luận án đi sâu xem xét, luận giải khái niệm, phân tích những đặc điểm, vai trò, nội dung pháp luật, hình thức, các điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; nghiên cứu kinh nghiệm pháp luật và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở một số trường quân đội của một số quốc gia trên thế giới, rút ra những giá trị tham khảo cho các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

Về thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng: phân tích và làm rõ các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; đồng thời tập trung phân tích, đánh giá đầy đủ thực trạng thực hiện pháp

luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam hiện nay; chỉ rõ ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế đó.

Về quan điểm và giải pháp thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng: hệ thống hóa, luận giải các quan điểm và kiến nghị các giải pháp có tính khả thi nhằm bảo đảm việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam phù hợp với thực tiễn.

1.3.3. Giả thuyết nghiên cứu và câu hỏi nghiên cứu

1.3.3.1. Giả thuyết nghiên cứu

Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có những đặc điểm riêng biệt, xuất phát từ môi trường giáo dục quân sự và các quy định về bảo mật, kỷ luật. Tuy nhiên, pháp luật về giáo dục đại học vẫn chưa xem xét toàn diện đến các đặc thù này; nhận thức, trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ còn hạn chế... Đây là những nguyên nhân gây ra trở ngại, làm cho quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo này còn những tồn tại và hạn chế nhất định, ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quân đội. Vì vậy, cần phải xây dựng các giải pháp khoa học, thiết thực bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trên quan điểm phù hợp môi trường đặc thù và yêu cầu bảo đảm thực hiện pháp luật một cách hiệu lực, hiệu quả, gắn với nhiệm vụ xây dựng quân đội trong tình hình mới.

1.3.3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Nhằm sáng tỏ giả thuyết khoa học nêu trên, luận án cần tập trung trả lời các câu hỏi trọng tâm sau:

(1) Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là gì? Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có những đặc thù gì so với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo khác?

(2) Việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian qua như thế nào? Có những hạn chế nào và nguyên nhân của những hạn chế đó là gì?

(3) Những quan điểm và giải pháp nào cần được quán triệt và triển khai đồng bộ nhằm bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian tới.

Tiểu kết chương 1

Qua khảo sát tổng quan các công trình khoa học trong nước và ngoài nước liên quan đến luận án cho thấy, trong thời gian qua, các nghiên cứu về giáo dục đại học, pháp luật về giáo dục đại học khá phong phú, với nhiều cách tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Bên cạnh đó, đã có nhiều học giả, các chuyên gia nghiên cứu những vấn đề lý luận liên quan đến thực hiện pháp luật nói chung hay trong một số lĩnh vực cụ thể.

Tuy nhiên, các công trình hiện nay mới chỉ dừng lại ở cách tiếp cận tổng quan, còn thiếu vắng những công trình nghiên cứu chuyên sâu về đề tài này, đặc biệt là nội dung lý luận thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong môi trường mang tính chất đặc thù là các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Bên cạnh đó, sự khảo sát thực tiễn hay đề xuất những quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng chưa được đề cập trong bất kì công trình nghiên cứu nào.

Trên cơ sở đó, tác giả đã có cái nhìn khái quát và toàn diện về các công trình nghiên cứu, xác định rõ những luận điểm có thể kế thừa, những nội dung cần tiếp tục làm rõ trong luận án. Dựa trên những phân tích trên, nghiên cứu sinh cũng đặt ra giả thuyết và hệ thống câu hỏi nghiên cứu cần được luận giải trong các chương tiếp theo của luận án.

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.1.1. Khái niệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

2.1.1.1. Khái niệm giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Trong Tuyên ngôn thế giới về giáo dục đại học cho thế kỷ XXI, tầm nhìn và hành động của Tổ chức Giáo dục Khoa học và Văn hóa Liên hợp Quốc (UNESCO) khẳng định giáo dục đại học có một vai trò chưa từng có trong xã hội ngày nay, được coi là một trong những trụ cột của việc xây dựng tiềm lực nội sinh, sự củng cố quyền con người, sự phát triển bền vững, nền dân chủ và hòa bình, trong một khung cảnh pháp luật [135]. Mục tiêu của giáo dục đại học là giáo dục người học thành những công dân có phẩm chất cao, có tinh thần trách nhiệm, đáp ứng nhu cầu của tất cả các lĩnh vực khác nhau trong xã hội; cung cấp cơ hội cho học tập đại học và học tập suốt đời; đề xuất, sáng tạo và phổ biến tri thức; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa có tính chất quốc tế, khu vực và quốc gia trong bối cảnh đa dạng văn hóa. Với vai trò đặc biệt quan trọng như vậy, giáo dục đại học đã được nghiên cứu với nhiều cách tiếp cận khác nhau nhưng cho đến nay, vẫn chưa có một khái niệm nào bao quát được đầy đủ các yếu tố nội hàm của khái niệm này.

Theo quan điểm của Ronald Barnett, một học giả nổi tiếng trong lĩnh vực triết lý giáo dục đại học, giáo dục đại học là một thuật ngữ được diễn giải như sau: “i) giáo dục đại học là một dây chuyền sản xuất mà đầu ra là nguồn nhân lực đạt chuẩn; ii) giáo dục đại học là đào tạo trở thành nhà nghiên cứu; iii) giáo dục đại học quản lý việc tổ chức giảng dạy một cách hiệu quả; iv) giáo dục đại học mở rộng cơ hội trong cuộc sống cho người học” [131]. Cách

tiếp cận trên đã khái quát hoạt động cốt lõi của giáo dục đại học, đó là giảng dạy và nghiên cứu, nhằm giúp cho người học đạt được những trình độ nhất định, đáp ứng những nhu cầu của thị trường lao động.

Ở Việt Nam, theo Từ điển Giáo dục học, giáo dục đại học được hiểu là “bậc học đào tạo trình độ học vấn chuyên môn cao, có mục tiêu đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” [62, tr.122]. Quan niệm này lại tập trung làm rõ tính chất và mục tiêu đào tạo của giáo dục đại học.

Xét dưới góc độ pháp lý, giáo dục đại học được hiểu là một “cấp học, một trình độ đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân”, “đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ” (Khoản 2 Điều 6, Luật Giáo dục năm 2019, sửa đổi, bổ sung năm 2025) [89]. Bên cạnh đó, nếu như trong Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), thuật ngữ giáo dục đại học chỉ được gián tiếp định nghĩa thông qua việc liệt kê các trình độ đào tạo thì đến Luật Giáo dục đại học năm 2025, khái niệm này tiếp tục được làm rõ thông qua các quy định liên quan tới “hoạt động giáo dục đại học”; “cơ sở giáo dục đại học” và “mục tiêu đào tạo các trình độ của giáo dục đại học” (Điều 3,8 và 11) [92]. Sự phát triển và hoàn thiện khái niệm giáo dục đại học đã khẳng định vai trò của nó trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo nhân lực trình độ cao cho đất nước.

Như vậy, từ những phân tích trên, có thể khái quát như sau: “*Giáo dục đại học là một cấp học trong hệ thống giáo dục quốc dân, nối tiếp sau giáo dục trung học phổ thông, diễn ra ở các cơ sở giáo dục đại học, với mục tiêu đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”

Giáo dục đại học là quá trình đào tạo trình độ từ sau trung học phổ thông đến tiến sĩ. Tuy nhiên, mỗi quốc gia khác nhau có những cách tiếp cận khác nhau về trình độ đào tạo của giáo dục đại học. Ở đa số các quốc gia, giáo

dục đại học đào tạo trình độ cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, trong khi ở một số quốc gia khác, giáo dục đại học chỉ gồm bậc đại học, thạc sĩ và tiến sĩ. Ở Việt Nam, theo quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2025 thì giáo dục đại học đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, đồng thời quy định về cơ sở giáo dục đại học, cơ sở khác có hoạt động giáo dục đại học.

Theo quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2025, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là những cơ sở giáo dục của Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện đào tạo một hoặc một số trình độ của giáo dục đại học trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn. Do đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, chính trị cho đội ngũ cán bộ các cấp trong quân đội, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đủ khả năng bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa trong mọi điều kiện. Các học viện sẽ do Bộ Quốc phòng quản lý, có tư cách pháp nhân, thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng.

Trên cơ sở những phân tích nêu trên, có thể hiểu: “*Giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là quá trình tiến hành các hoạt động giáo dục đối với trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ, diễn ra ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nơi vận hành dưới cơ chế quản lý kép và hệ thống kỷ luật, bảo mật nghiêm ngặt, nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan có phẩm chất chính trị, đạo đức và năng lực chỉ huy, trình độ chuyên môn cao, năng lực nghiên cứu, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội và bảo vệ Tổ quốc*”.

Giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có những đặc điểm sau đây:

Thứ nhất, giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có mục tiêu kép là đào tạo đội ngũ sĩ quan và cán bộ quân đội có trình độ cao, đáp ứng nhu cầu xây dựng quân đội và thực hiện nhiệm vụ quốc phòng – an

ninh. Đội ngũ này phải đáp ứng những yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, sức khỏe, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong mọi hoàn cảnh.

Thứ hai, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng vừa là cơ sở giáo dục đại học của hệ thống giáo dục quốc dân, vừa là đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam. Do đó, giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chịu sự điều chỉnh kép của pháp luật về giáo dục đại học và pháp luật quân sự, đặc biệt là điều lệnh, điều lệ quân đội và các quy định về bảo mật quân sự. Bên cạnh đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tổ chức và có cơ chế quản trị đặc thù theo nguyên tắc và quy định quân sự. Hoạt động giáo dục đại học chịu sự chi phối của cơ chế mệnh lệnh, phục tùng, không vận hành đầy đủ theo mô hình tự chủ đại học ở các cơ sở đào tạo dân sự trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Thứ ba, giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng diễn ra trong môi trường tính đặc thù quân sự rõ nét. Đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên đều được quản lý tập trung thống nhất, theo điều lệnh, điều lệ quân đội. Ngoài ra, quá trình đào tạo phải đảm bảo nguyên tắc “lý luận liên hệ với thực tiễn, lý thuyết đi đôi với thực hành, lấy thực hành là chính”. Do đó, nội dung đào tạo không chỉ bao gồm kiến thức chuyên ngành phù hợp với trình độ đào tạo mà còn chú trọng đến kiến thức quân sự, năng lực lãnh đạo, quản lý, chỉ huy khoa học, có khả năng tác chiến trong mọi điều kiện hoàn cảnh, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Quân đội. Kinh phí đào tạo sẽ do ngân sách nhà nước thông qua ngân sách của Bộ Quốc phòng bảo đảm toàn bộ, học viên sẽ không phải đóng học phí và được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định.

Thứ tư, giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng thể hiện quan hệ ràng buộc giữa người học và nghĩa vụ quân nhân, trách nhiệm phục vụ lâu dài trong quân đội. Đội ngũ học viện quân sự được tuyển chọn phải căn cứ vào chỉ tiêu và nhiệm vụ đào tạo do Bộ Quốc phòng quy định. Trong suốt

quá trình đào tạo, họ đồng thời là quân nhân, chịu sự điều chỉnh của pháp luật quân sự, điều lệnh, điều lệ quân đội. Sau khi tốt nghiệp, họ có nghĩa vụ chấp hành sự phân công công tác của tổ chức, phục vụ lâu dài trong quân đội theo quy định. Do đó, quan hệ đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có sự khác biệt căn bản với quan hệ đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học dân sự, nơi người học không phải là quân nhân, không gắn với nghĩa vụ phục vụ bắt buộc trong quân đội sau đào tạo.

2.1.1.2. Khái niệm pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Từ góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, trong giáo trình của các cơ sở đào tạo luật học đã đưa ra nhiều cách diễn đạt khác nhau về định nghĩa pháp luật, nhưng về cơ bản đều thống nhất quan điểm: *“Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự chung, do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và được đảm bảo thực hiện để điều chỉnh các quan hệ xã hội theo mục đích, định hướng của nhà nước”* [99, tr.212]. Đồng thời, pháp luật là yếu tố bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội, dựa trên việc điều chỉnh các quan hệ xã hội theo một trật tự nhất định.

Pháp luật về giáo dục đại học có vị trí là một bộ phận cấu thành của hệ thống pháp luật nói chung nhưng điều chỉnh ở một lĩnh vực cụ thể. Trong hoạt động giáo dục đại học, pháp luật chính là phương tiện bảo đảm cho các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển giáo dục đại học được triển khai nhanh chóng vào đời sống xã hội; đồng thời là công cụ có hiệu quả nhất để Nhà nước quản lý lĩnh vực này. Do đó có thể hiểu, “pháp luật về giáo dục đại học là tổng thể các quy định chung do Nhà nước ban hành, thừa nhận và bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức và hoạt động giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.”

Theo quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2025, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là cơ sở giáo dục thuộc Bộ Quốc phòng, có đào tạo một số trình độ của giáo dục đại học. Pháp luật về giáo dục đại học là phương tiện thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về phát triển giáo dục đại học; bảo đảm sự quản lý của Nhà nước đối với hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Từ sự phân tích mối liên hệ giữa pháp luật và giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, khái niệm pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng được hiểu như sau:

“Pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là hệ thống các quy định chung do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, thừa nhận và bảo đảm thực hiện, nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong tổ chức và hoạt động giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng.”

2.1.1.3. Khái niệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng là một dạng của thực hiện pháp luật trong lĩnh vực cụ thể, do đó khái niệm phải được xây dựng trên cơ sở khái niệm thực hiện pháp luật nói chung. Thực hiện pháp luật là giai đoạn diễn ra tiếp nối quá trình xây dựng pháp luật, nhằm bảo đảm cho các quy định pháp luật vào cuộc sống. Do có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị pháp lý nên thực hiện pháp luật là một nội dung nghiên cứu cơ bản của khoa học lý luận nhà nước và pháp luật.

Theo nghiên cứu lý luận truyền thống, khái niệm thực hiện pháp luật được nhiều giáo trình đề cập tới, như theo giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật của trường Đại học Luật Hà Nội, thực hiện pháp luật là *“hành vi thực tế, hợp pháp, có mục đích của các chủ thể trong quá trình hiện thực hóa các quy định của pháp luật”* [99, tr.401]; hoặc theo giáo trình Lý luận về Nhà nước và pháp luật của Viện Nhà nước và pháp luật,

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh thì *“thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích làm cho những quy phạm của pháp luật trở thành hiện thực trong cuộc sống, tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động thực tế của các chủ thể pháp luật”* [78, tr.270]; hay theo giáo trình Đại cương về nhà nước và pháp luật của trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội thì *“thực hiện pháp luật là hành vi (hành động hoặc không hành động) của con người phù hợp với các quy định của pháp luật”* [98, tr.494]. Các khái niệm này đều có chung nhận định về thực hiện pháp luật là hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật, với mục tiêu chuyển hóa các quy định của pháp luật thành hành vi cụ thể.

Mặt khác, cũng có nhà nghiên cứu đề xuất khái niệm mới về thực hiện pháp luật theo hướng mở rộng để bao quát đầy đủ các khía cạnh của thuật ngữ này, như theo tác giả Nguyễn Minh Tuấn cho rằng: *“Thực hiện pháp luật là quá trình chuyển hóa các quy định của pháp luật thành hành vi cụ thể trong đời sống xã hội, thông qua sự tham gia của các chủ thể pháp luật, sự vận hành của các cơ quan thực hiện pháp luật và sự tương tác với các giá trị văn hóa, xã hội. Quá trình này bao gồm cả sự tự giác tuân thủ lẫn sự đảm bảo bằng cơ chế cưỡng chế, nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ quyền lợi chính đáng và thúc đẩy các giá trị công bằng, nhân văn trong cộng đồng”* [38, tr.410]. Theo quan điểm của tác giả, trong thực hiện pháp luật có hai yếu tố quan trọng là sự tự giác tuân thủ pháp luật và cơ chế cưỡng chế, tức là việc xử lý và khắc phục các hành vi vi phạm pháp luật nhằm duy trì trật tự xã hội.

Như vậy, có thể thấy rằng, mặc dù có nhiều cách tiếp cận với các quan điểm khác nhau về khái niệm thực hiện pháp luật, nhưng nhìn chung, các nghiên cứu đều có sự thống nhất ở khía cạnh, đó là: *“Thực hiện pháp luật là hành vi thực tế, hợp pháp của các tổ chức, cá nhân nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật, đưa pháp luật vào thực tiễn cuộc sống”*. Bản chất của thực hiện pháp luật là “sự chuyển hóa các yêu cầu chung được xác định trong các nguyên tắc và quy phạm pháp luật vào trong các hành vi cụ thể của các chủ thể” [111, tr.3].

Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng làm cho các quy định của pháp luật về giáo dục đại học được hiện thực hóa trong thực tiễn, được biểu hiện bằng hành vi hợp pháp của các chủ thể. Giá trị và vai trò của pháp luật về giáo dục đại học trong cơ chế điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng sẽ đạt được trên cơ sở các chủ thể pháp luật có sự hiểu biết, tự giác cao trong thực hiện các quy định của pháp luật.

Từ sự phân tích trên, có thể khẳng định:

“Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là hành vi thực tế, hợp pháp của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, cùng cán bộ, giảng viên, học viên các học viện thuộc Bộ Quốc phòng dưới những hình thức nhất định, nhằm hiện thực hóa các quy định của pháp luật về giáo dục đại học trong môi trường quân sự đặc thù, qua đó góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, sĩ quan có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”.

2.1.2. Đặc điểm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Thứ nhất, các chủ thể thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng mang những đặc thù riêng biệt về địa vị pháp lý.

Theo quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2025 và Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội (được ban hành kèm theo thông tư 51/2016/TT-Bộ Quốc phòng ngày 20/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng) thì chủ thể thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng gồm có các tổ chức, cá nhân. Trong đó:

Nhóm chủ thể là tổ chức bao gồm các cơ quan quản lý các trường đại học (Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo); cơ quan quản lý nhà trường quân đội (Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng); các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, các đoàn thể và các tổ chức xã hội trong các Học viện. Trong đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có địa

vị pháp lý vừa là các cơ sở giáo dục đại học công lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học, vừa là cơ sở giáo dục đại học thuộc lực lượng vũ trang nhân dân do Bộ Quốc phòng quản lý, chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật quốc phòng và điều lệnh, điều lệ quân đội.

Nhóm chủ thể là cá nhân bao gồm: người học, cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học. Những chủ thể này cũng có những sự khác biệt về địa vị pháp lý so với các trường đại học ngoài quân đội. Ở các cơ sở đại học dân sự, giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học là viên chức, người lao động, chịu sự điều chỉnh của quy định pháp luật về viên chức hoặc pháp luật lao động. Trong khi đó, phần lớn giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, được tuyển chọn, bổ nhiệm và điều động theo hệ thống tổ chức của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Bên cạnh đó, người học không giống như sinh viên dân sự mà là quân nhân trong quá trình học tập. Học viên có những đặc điểm phù hợp với môi trường quân sự chính quy, mẫu mực và có xu hướng nghề nghiệp rõ ràng, có ý thức trong việc nâng cao trình độ bản thân để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, chức trách mà mình đảm nhận. Họ phải đáp ứng đầy đủ những tiêu chuẩn về sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ học vấn, phù hợp với mục tiêu, yêu cầu giáo dục đào tạo của từng học viện. Đồng thời, để trở thành học viên các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, các thí sinh dự thi phải trải qua vòng sơ tuyển bắt buộc, theo các quy định của Bộ Quốc phòng.

Như vậy, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có sự tham gia của nhiều chủ thể với địa vị pháp lý đặc biệt, vừa là chịu sự điều chỉnh của pháp luật giáo dục đại học, vừa chịu sự điều chỉnh của pháp luật quân sự. Điều này đã chi phối toàn bộ quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học không thể tách rời yêu

cầu huấn luyện quân sự, sẵn sàng chiến đấu của quân đội. Các chủ thể phải bảo đảm tuân thủ pháp luật về giáo dục đại học nói chung, đồng thời phải tuân thủ các quy định đặc thù về bảo vệ an ninh, bí mật quốc gia và kỷ luật quân đội theo nguyên tắc chỉ huy – phục tùng. Không những thế, các chủ thể khi vi phạm pháp luật về giáo dục đại học trong quân đội có thể phải chịu trách nhiệm kỉ luật quân đội, bên cạnh các trách nhiệm pháp lý chung.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng dựa trên hệ thống văn bản pháp luật về giáo dục đại học đa dạng, phong phú, có sự gắn kết chặt chẽ với thực tiễn đặc thù của hoạt động quân sự

Pháp luật về giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng sở hữu tính chất đặc thù, bởi nó vừa chứa đựng những nội dung quy định về đào tạo đại học nói chung, vừa bao gồm cả những nội dung quy định có tính chất đặc thù của lĩnh vực quân sự, quốc phòng. Hệ quả là, pháp luật về giáo dục đại học tại đây cũng được tổ chức, vận hành và bảo đảm thi hành theo những cơ chế riêng biệt trên thực tế.

Hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng gắn liền với thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, khác với hoạt động giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân như mục tiêu, nội dung giáo dục, dẫn đến các quy định pháp luật cũng cần phải đảm bảo phù hợp với tính chất đặc thù này. Chương trình, nội dung đào tạo đại học phải được thực hiện và thường xuyên đổi mới theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, đồng thời phù hợp với Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, sự phát triển của vũ khí, trang bị, khoa học công nghệ và khoa học quân sự. Trên cơ sở đó, thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều phải bám sát vào tình hình nhiệm vụ, thực tiễn của quân đội và chức năng, nhiệm vụ được giao, gắn kết chặt chẽ với việc thực hiện các chế độ, các mối kết hợp trong huấn luyện.

Bên cạnh đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có tư cách pháp lý đặc biệt nên việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các đơn vị này phải tuân thủ các quy phạm pháp luật về giáo dục đại học nói chung, đồng thời không được mâu thuẫn với các nguyên tắc, quy định đặc thù về bảo vệ bí mật quân sự, bí mật quốc gia và kỷ luật quân đội. Các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được phân chia thành nhiều nhóm khác nhau, căn cứ vào phạm vi điều chỉnh như: (i) nhóm các quy định về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; (ii) nhóm các quy định về giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục và người học; (iii) nhóm các quy định về hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học; (iv) nhóm các quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học; (v) nhóm các quy định về tài chính và tài sản. Sự đa dạng, phong phú của hệ thống quy phạm pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đòi hỏi các chủ thể phải được phổ biến, giáo dục, cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật. Cùng với việc thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học thì cán bộ, giảng viên và học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn phải tuân thủ, thực hiện điều lệnh, điều lệ quân đội, quy chế, quy định của từng học viện.

Thứ ba, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tiến hành theo nhiều nội dung và hình thức khác nhau

Tính đa dạng và phong phú trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn được thể hiện qua nội dung và hình thức thực hiện của từng nhóm chủ thể. Đối với nhóm chủ thể là cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục đại học như Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng, theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình có thể tiến hành các nội dung cụ thể như: quy định phương hướng, mục tiêu, chiến lược phát triển giáo dục đại học nói chung và giáo dục đại học quân sự; ban hành hoặc chỉ đạo ban hành các văn bản dưới luật để hướng dẫn, triển khai các quy định của Luật giáo dục đại học; thanh tra, kiểm tra quá trình thực hiện

pháp luật về giáo dục đại học của các Học viện; giải quyết khiếu nại tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giáo dục đại học...

Nhóm chủ thể là lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có vai trò tổ chức triển khai các quy định pháp luật về giáo dục đại học thành các hoạt động cụ thể trong nhà trường. Các chủ thể này sẽ tiến hành các nội dung như: cụ thể hóa các quy định pháp luật thành quy chế, kế hoạch, chương trình thực hiện; tổ chức, kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong phạm vi từng học viện, bảo đảm sự thống nhất giữa pháp luật về giáo dục đại học và pháp luật quân sự, quốc phòng.

Nhóm chủ thể là đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, học viên là những người trực tiếp thực hiện, đưa các quy định pháp luật thành hành vi cụ thể trong hoạt động giáo dục đại học. Việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học của nhóm chủ thể này thể hiện thông qua các nội dung như: tuyên truyền, giáo dục các quy định của pháp luật về giáo dục đại học; tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật của Nhà nước, Điều lệnh, Điều lệ của Quân đội; quy chế, quy định về giáo dục đại học; sử dụng pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định pháp luật; đấu tranh, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục đại học... Đây là lực lượng tham gia thường xuyên vào việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện quân đội, do đó trực tiếp quyết định đến hiệu quả của hoạt động này.

Bên cạnh đó, để phù hợp với đặc thù môi trường quân sự, các chủ thể đã lựa chọn đa dạng các hình thức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học (tuân thủ, sử dụng, chấp hành và áp dụng) theo các nhóm chủ thể và nội dung pháp luật về giáo dục đại học. Các chủ thể lãnh đạo, quản lý chủ yếu thực hiện thông qua áp dụng pháp luật, bằng việc ban hành các quyết định quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học. Các chủ thể khác sẽ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học thực hiện đa dạng các hình thức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Chẳng hạn như đội

ngũ học viên sẽ không có thẩm quyền áp dụng các quy định pháp luật về giáo dục đại học.

Tuy nhiên, trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, thực hiện pháp luật không diễn ra trong không gian học thuật thuần túy như các cơ sở giáo dục đại học dân sự, mà còn gắn chặt với yêu cầu bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng. Do đó, các hình thức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học cũng đều bị chi phối và điều chỉnh bởi đặc điểm này. Chẳng hạn như, việc tuân thủ và chấp hành các quy định về giáo dục đào tạo phải bao hàm nghĩa vụ tuyệt đối giữ bí mật quân sự, thể hiện ở việc không tiết lộ các nội dung đào tạo, giáo trình, tài liệu giảng dạy có liên quan đến quốc phòng an ninh hay phải chấp hành nghiêm các quy định về quản lý, lưu trữ và sử dụng tài liệu mật trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Hoặc việc sử dụng một số quyền được cho phép trong môi trường dân sự như quyền tiếp cận thông tin, quyền hợp tác, trao đổi học thuật... có thể bị hạn chế để bảo đảm không lộ bí mật quân sự. Ngoài ra, trong quá trình áp dụng pháp luật về giáo dục đại học, các chủ thể có thẩm quyền phải tính đến yếu tố bí mật quân sự khi ban hành, công khai quyết định áp dụng áp dụng.

Thứ tư, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng diễn ra trong môi trường quân sự, chịu sự chi phối của điều lệnh, điều lệ, kỉ luật của quân đội.

Ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học được các chủ thể thực hiện trong môi trường quân sự, nơi mà mọi hoạt động giáo dục và đào tạo đều theo chế độ, nền nếp thống nhất trong toàn quân, gắn chặt chẽ với việc quản lý, rèn luyện kỉ luật, xây dựng nền nếp chính quy. Quân sự là hoạt động đặc thù của các Học viện quân đội liên quan đến bí mật quân sự, bí mật quốc gia, do vậy hoạt động giáo dục đại học không chỉ diễn ra trong các phòng học, giảng đường, mà còn diễn ra trên thao trường, bãi tập, trong những điều kiện, hoàn cảnh sát với tình huống sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu.

Trước hết, môi trường quân sự đòi hỏi tính tổ chức, tính thống nhất và tính kỉ luật cao. Trong môi trường đó, các chủ thể chịu sự chi phối của điều lệnh, điều lệ, chế độ công tác, được xây dựng trên nguyên tắc tập trung thống nhất, mệnh lệnh chỉ huy và phục tùng tuyệt đối. Tất cả cán bộ, giảng viên, học viên sẽ được biên chế, làm việc, học tập trong hệ thống tổ chức chặt chẽ, theo các chế độ tập trung; các mối quan hệ của quân nhân sẽ được duy trì theo đúng điều lệnh, điều lệ quân đội, quy định của nhà trường. Mặc dù mỗi học viện thuộc Bộ Quốc phòng có mục tiêu đào tạo khác nhau, nhưng các chủ thể đều được rèn luyện trong môi trường sư phạm quân sự, kỉ luật nghiêm ngặt với 11 chế độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần cùng các quy định nhằm rèn luyện tác phong, chuẩn mực của người quân nhân cách mạng, từ xưng hô, chào hỏi, chế độ tranh thủ, trực ban, trực chiến, ngày pháp luật, ngày chính trị văn hóa, tinh thần...Đồng thời, hành vi của cán bộ, giảng viên, học viên không đơn thuần chịu sự điều chỉnh của pháp luật về giáo dục đại học nói chung mà còn chịu sự ràng buộc chặt chẽ của các quy phạm nội bộ mang tính mệnh lệnh – phục tùng.

Vì thế, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học được diễn ra trong môi trường quân sự đặc thù và chịu sự chi phối của điều lệnh, điều lệ và kỷ luật quân đội là đặc điểm mang tính bản chất, chi phối sâu sắc hiệu quả thực hiện pháp luật. Điều này làm cho thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng mang tính tập trung, thống nhất, nghiêm minh. Đồng thời phải đặt trong mối quan hệ hài hòa với nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, đặc biệt là yêu cầu huấn luyện, xây dựng quân đội và bảo vệ bí mật quân sự. Do đó, các quy định pháp luật điều chỉnh giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải được triển khai phù hợp với các quy định điều lệnh, điều lệ quân đội và pháp luật về quân sự, quốc phòng. Ngoài ra, sự khó khăn, thách thức môi trường quân đội là điều kiện trực tiếp rèn luyện cho cán bộ, giảng viên, học viên sự vững vàng về bản lĩnh chính trị, ý thức pháp

luật, kỉ luật, từ đó thúc đẩy việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học được diễn ra chặt chẽ, nghiêm túc.

2.1.3. Vai trò của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Thứ nhất, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng góp phần đưa chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đại học vào thực tiễn.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn xác định vai trò quan trọng của giáo dục đại học trong xây dựng chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Chủ trương, đường lối của Đảng về giáo dục đại học là cơ sở chính trị quan trọng để xác định nội dung của pháp luật về giáo dục đại học. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định *“phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt trên cơ sở nâng cao, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo”* [51, tr.338] là một trong ba đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ tới. Để thực hiện được mục tiêu này, Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ đã đưa ra giải pháp cụ thể, đó là: *“Xây dựng khung chiến lược phát triển giáo dục đại học và quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đại học..., phát triển cơ sở giáo dục đại học chất lượng cao theo chuẩn khu vực và thế giới...nhằm đáp ứng nhu cầu đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của đất nước trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”* [39, tr.5].

Hệ thống pháp luật của Nhà nước về giáo dục đại học chính là sự thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển giáo dục, tạo cơ sở pháp lý cho thực hiện mục tiêu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học tại các cơ sở giáo dục đại học nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng. Tại Điều 5, Luật Giáo dục đại học năm 2025 quy định: *“Nhà nước xác*

định giáo dục đại học là nòng cốt trong phát triển nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại, chất lượng, linh hoạt, liên thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước” [92, tr.5].

Do đó, thông qua thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, các chủ thể sẽ nắm bắt được đầy đủ, đồng thời lan tỏa đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng những hành động cụ thể trong môi trường quân sự. Mặt khác, Đảng và Nhà nước cũng có điều kiện để kiểm nghiệm tính đúng đắn của các chính sách, pháp luật được ban hành trong thực tiễn để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Do vậy, song song với việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học thì cần phải có các giải pháp đảm bảo thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng khoa học, hiệu quả, nghiêm túc. Có như thế, quá trình thực hiện về giáo dục đại học trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng sẽ phát huy được vai trò của mình trong việc góp phần đưa đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đi vào cuộc sống.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, học viên.

Các quy định pháp luật về giáo dục đại học chính là cơ sở để xây dựng và ban hành các chính sách và chế độ đối với đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, tạo động lực cho đội ngũ này làm việc và cống hiến cho sự nghiệp giáo dục đại học. Tại Điều 15 Luật Giáo dục đại học năm 2025 quy định: *“Nhà nước có chính sách đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ giảng viên nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực số, ngoại ngữ; trọng dụng, thu hút nhân tài, nhà khoa học, giảng viên xuất sắc trong và ngoài nước” [92].* Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học là cơ sở để cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên

ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hưởng thụ các quyền và thực hiện các nghĩa vụ trong quá trình công tác. Các cá nhân, tổ chức và toàn xã hội có điều kiện tham gia vào việc xây dựng, đảm bảo sự phát triển cả về số lượng và chất lượng, đồng thời xây dựng niềm tin và sự gắn bó của các chủ thể đối với hệ thống giáo dục quân đội, nhằm thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở các cơ sở này.

Bên cạnh đó, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng góp phần tạo điều kiện cho đội ngũ học viên tiếp cận và hưởng thụ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình học tập, nâng cao trình độ. Người học được bảo đảm quyền được học tập trong môi trường công bằng, không bị phân biệt đối xử, thụ hưởng các chế độ, chính sách tài chính, học bổng, học phí, có nhiều cơ hội phát triển bản thân và nghề nghiệp tương lai. Trên cơ sở đó, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học có ý nghĩa quan trọng, góp phần tích cực trong việc hình thành đội ngũ cán bộ, sĩ quan cho quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Thứ ba, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đại học của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đồng thời xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quân đội để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong tình hình mới.

Nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc của quân đội đang có thay đổi quan trọng trước sự biến động nhanh chóng, phức tạp của tình hình thế giới, khu vực. Bên cạnh đó, cách mạng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số đang phát triển mạnh mẽ, tác động lên nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục đại học. Những thay đổi này đã đặt ra yêu cầu đổi mới hoạt động giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng. Pháp luật về giáo dục đại học góp phần điều chỉnh, định hướng, xây dựng tiền đề cho sự phát triển của các quan hệ xã hội, từ đó củng cố môi trường pháp lý ổn định cho hoạt động giáo dục đại học đang diễn ra ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Do vậy, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học

có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Trước hết, thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các quy định pháp luật về giáo dục đại học sẽ tạo cơ sở cho việc tổ chức và đổi mới quản trị đại học; quản lý và vận hành các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, hợp tác quốc tế ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng theo những chuẩn mực chung của hệ thống giáo dục quốc dân và có sự phù hợp với đặc thù quân sự, quốc phòng. Bên cạnh đó, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học còn góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục đại học, phát huy trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động này. Trên cơ sở đó, nâng cao tính khoa học, thực tiễn và khả năng thích ứng của sản phẩm đào tạo, đây là chìa khóa để nâng cao toàn diện chất lượng giáo dục đại học ở các cơ sở này, tăng cường sự hội nhập chủ động với nền giáo dục hiện đại, tiên tiến trên thế giới, đồng thời vẫn giữ vững tính đặc thù của giáo dục đại học quân sự.

Mặt khác, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng không chỉ nhằm bảo đảm trật tự, kỷ cương trong hoạt động này mà còn góp phần hiện thực hóa mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới của dân tộc. Thông qua thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật về giáo dục đại học, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có điều kiện nâng cao chất lượng đào tạo một cách đồng bộ, thực chất. Qua đó góp phần xây dựng cho Quân đội nhân dân Việt Nam đội ngũ cán bộ, sĩ quan có bản lĩnh chính trị vững vàng, trình độ chuyên môn cao, có khả năng thích ứng và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong thực tiễn quân sự. Đây chính là nguồn lực then chốt đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên mới của Quân đội.

Thứ tư, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng góp phần bảo đảm kỷ cương, trật tự trong hoạt động giáo dục đại học, qua đó tăng cường pháp chế, pháp quyền trong quân đội nói riêng, trong xã hội nói chung.

Trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng, việc tuyên truyền, phổ biến các quy định về giáo dục đại học sẽ giúp cho các chủ thể nhận thức đúng đắn, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia vào các quan hệ xã hội trong lĩnh vực giáo dục đại học. Từ đó góp phần vào việc nâng cao nhận thức, thái độ, tình cảm, niềm tin pháp luật, xây dựng thói quen, ý thức sống và làm việc theo pháp luật của các chủ thể. Thông qua việc tự giác thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học, các hành vi hợp pháp của các chủ thể pháp luật được tạo lập, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất các hành vi vi phạm pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đó, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học sẽ góp phần củng cố môi trường học tập kỷ cương, nề nếp, giúp cho các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức và vận hành các hoạt động giáo dục đại học theo cơ chế khách quan, minh bạch và hiệu quả.

Ở khía cạnh khác, yêu cầu cơ bản của pháp chế là các chủ thể pháp luật phải tôn trọng, thực hiện các quy định của pháp luật một cách nghiêm chỉnh, triệt để, chính xác; mọi hành động xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích của tập thể, của công dân đều bị xử lý theo pháp luật. Do vậy, thông qua việc thực hiện thống nhất các quy định pháp luật, hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được đặt trong khuôn khổ pháp lý rõ ràng, hạn chế tình trạng tùy tiện hoặc vi phạm pháp luật, qua đó nâng cao tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong hoạt động này. Ngoài ra, thực tiễn thực hiện pháp luật về giáo dục đại học là cơ sở để đánh giá thực trạng pháp chế, đồng thời bảo đảm hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học cũng là giải pháp căn bản để củng cố và tăng cường pháp chế, pháp quyền trong quân đội và toàn xã hội.

Thứ năm, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng là cơ sở để hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục đại học

Pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chính là cơ sở pháp lý để triển khai việc tổ chức và hoạt động giáo dục đại học ở các cơ sở này trong thực tiễn. Chất lượng của hệ thống pháp luật về

giáo dục đại học sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động này. Nếu những quy định của pháp luật về giáo dục đại học đảm bảo tính khách quan, đồng bộ, toàn diện và phù hợp với yêu cầu của thực tiễn thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình đổi mới và phát triển giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Nhưng ngược lại, nếu hệ thống pháp luật về giáo dục đại học còn nhiều lỗ hổng, thiếu sót, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tế thì sẽ làm cản trở hoạt động giáo dục đại học, ảnh hưởng tới quá trình xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho quân đội.

Để đánh giá chất lượng của hệ thống pháp luật về giáo dục đại học phải căn cứ vào kết quả thực tiễn thực hiện pháp luật, xem xét các quy phạm pháp luật về giáo dục đại học đã điều chỉnh các quan hệ xã hội trong lĩnh vực đó như thế nào. Việc đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng sẽ cho phép làm rõ những hạn chế, bất cập của hệ thống pháp luật thực định, nhận biết được những quy định nào chưa phù hợp với thực tế, để từ đó các cơ quan có thẩm quyền sẽ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục đại học hiện hành.

2.2. NỘI DUNG PHÁP LUẬT VÀ HÌNH THỨC THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

2.2.1. Nội dung pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Nội dung pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng bao gồm toàn bộ các quy định pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức và hoạt động giáo dục đại học. Các quy định pháp luật rất đa dạng, phong phú, được phân chia thành các nhóm quy định khác nhau, căn cứ vào phạm vi điều chỉnh. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, tác giả tập trung nghiên cứu các nhóm quy định pháp luật chủ yếu sau:

Một là, nhóm các quy định pháp luật về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Các quy định của pháp luật về tổ chức và quản trị là cơ sở pháp lý cho hoạt động của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đã được quy định tại Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018); Luật Giáo dục đại học năm 2025; Thông tư 51/2016/TT-BQP ban hành ngày 20/4/2016 ban hành Điều lệ Công tác nhà trường quân đội. Theo quy định tại Điều 11, Luật Giáo dục đại học năm 2025, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học, được phép đào tạo một số trình độ của giáo dục đại học trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn do Bộ Quốc phòng quản lý. Tại Điều 9, Điều lệ công tác Nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2016, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là *“cơ sở giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học quân sự do Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý, có tư cách pháp nhân, thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học, xây dựng nhà trường chính quy, cấp bằng và chứng chỉ theo quy định của Bộ Quốc phòng”* [13].

Bên cạnh đó, theo Điều 12, Luật Giáo dục đại học năm 2025, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là cơ sở giáo dục khác có hoạt động giáo dục đại học, *“thực hiện sứ mạng và chức năng theo lĩnh vực chuyên môn, phục vụ phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và quốc gia theo quy định của pháp luật”* [92] Mọi hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Đảng ủy và thủ trưởng cấp trên, sự quản lý, hướng dẫn của cơ quan chức năng.

Về quyền hạn, trách nhiệm của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, tại Điều 14 Luật Giáo dục đại học năm 2025, các quy định về quyền tự chủ trong đào tạo, tài chính, tổ chức của cơ sở giáo dục đại học không được quy định đối với các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Đây là những nội dung mới được sửa đổi so với Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) nhằm phù hợp với đặc thù của nhà trường thuộc lực lượng vũ trang.

Theo Điều 7, Điều lệ Công tác Nhà trường quân đội năm 2016, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng thuộc hệ thống các nhà trường quân đội, có cơ cấu tổ chức đặc thù, bao gồm: Ban giám đốc; cơ quan chức năng; các khoa, bộ môn; đơn vị quản lý học viên; trung tâm nghiên cứu khoa học, đơn vị phục vụ đào tạo. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên của ban giám đốc, các cơ quan chuyên môn cũng được quy định từ Điều 15 đến Điều 18, Luật Giáo dục đại học năm 2025; từ Điều 10 đến Điều 21, Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2016 và các hướng dẫn, quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Đáng chú ý, khác với Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018), hội đồng trường không được tổ chức trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng theo quy định tại Điều 15, Luật Giáo dục đại học năm 2025. Qua đó thể hiện sự điều chỉnh phù hợp của mô hình quản trị đại học với đặc thù tổ chức của các học viện, nhà trường trong quân đội.

Hai là, nhóm các quy định pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học

Các quy định về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học đóng vai trò nền tảng trong xây dựng và phát triển nguồn nhân lực ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, được quy định tại Luật Giáo dục năm 2019, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (từ Điều 66 đến Điều 88), Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018 (từ Điều 54 đến Điều 63), Luật Giáo dục đại học năm 2025 (từ Điều 29 đến Điều 32); Luật Nhà giáo năm 2025; Điều lệ Công tác nhà trường quân đội năm 2016 (từ Điều 38 đến Điều 51).

Giảng viên là “người giảng dạy tại cơ sở giáo dục đại học, đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định của Luật Nhà giáo” [92]. Theo đó, các nhóm quy định về đối tượng này bao gồm: (i) quyền và nghĩa vụ của giảng viên; (ii) chức danh, chuẩn nghề nghiệp đối với giảng viên; (iii) tuyển dụng, sử dụng giảng viên; (iv) chính sách tiền lương, đãi ngộ với giảng viên;

(v) đào tạo, bồi dưỡng giảng viên; (vi) tôn vinh, khen thưởng, kỉ luật và xử lý vi phạm đối với nhà giảng viên.

Cán bộ quản lý giáo dục trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng không chịu sự điều chỉnh của Điều 66, Luật Giáo dục năm 2019, sửa đổi năm 2025. Như vậy, đối tượng này sẽ chịu sự điều chỉnh theo các quy định riêng tại Điều 47, 48, Điều lệ Công tác nhà trường quân đội năm 2016, bao gồm: tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ quản lý giáo dục; bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động cán bộ quản lý giáo dục; đánh giá, khen thưởng và kỉ luật cán bộ quản lý giáo dục.

Các quy định về nhân sự hỗ trợ giáo dục là điểm mới của Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Luật Giáo dục đại học năm 2025. Do vậy mới chỉ có quy định về các đối tượng thuộc nhóm nhân sự hỗ trợ giáo dục; các tiêu chuẩn, điều kiện, chế độ làm việc, bổ nhiệm, xếp lương nhân sự hỗ trợ giáo dục sẽ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại các văn bản hướng dẫn cụ thể.

Các quy định về quyền và nghĩa vụ của học viên quân sự, với tư cách vừa là người học, vừa là quân nhân là đặc thù nổi bật trong các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Mặt khác, những quy định về chính sách học bổng, trong đó Quỹ học bổng quốc gia tại Luật Giáo dục năm 2019, sửa đổi năm 2025 là cơ chế hoàn toàn mới giúp mở rộng cơ hội tiếp cận giáo dục cho người học, đồng thời thúc đẩy phát triển tài năng. Hệ thống các quy định pháp luật này đã xác lập những tiêu chí về phẩm chất, năng lực, trình độ để nâng cao chất lượng đội ngũ, đồng thời quy định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của từng nhóm đối tượng; từ đó định hướng trách nhiệm và lợi ích chính đáng của các chủ thể này ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Ba là, nhóm các quy định pháp luật về hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Đào tạo là nhiệm vụ trung tâm của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nhằm xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ các cấp có trình độ đại học, là một trong những nội dung quan trọng được quy định từ Điều 21 đến Điều 26, Luật Giáo dục đại học năm 2025, từ Điều 33 đến Điều 38, Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi bổ sung năm 2018, từ Điều 22 đến Điều 28, Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội năm 2016. Đối với hoạt động đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, các quy định pháp luật trực tiếp điều chỉnh bao gồm: (i) các quy định về chương trình đào tạo, (ii) các quy định về công tác tuyển sinh, (ii) các quy định về tổ chức đào tạo và cấp văn bằng, chứng chỉ.

Song song với đó, các quy định pháp luật về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục là cơ sở pháp lý quan trọng để các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thể giám sát, đánh giá mức độ thực hiện mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục đại học. Nhóm các quy định này được thể hiện từ Điều 49 đến Điều 53, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2018), từ Điều 33 đến Điều 37, Luật Giáo dục đại học năm 2025, từ Điều 29 đến Điều 32, Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội năm 2016. Do các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng không thuộc đối tượng bắt buộc kiểm định chất lượng theo quy định tại Điều 36 Luật Giáo dục đại học năm 2025 nên các quy định về bảo đảm và kiểm định sẽ theo các quy định riêng của Bộ Quốc phòng, bao gồm: (i) các quy định về khảo thí như nguyên tắc tổ chức khảo thí, hình thức thi và đánh giá, giám sát và xử lý vi phạm; (ii) các quy định về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong; (iii) tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá, kiểm định chất lượng, thực hiện đánh giá chất lượng theo quy định của Bộ Quốc phòng; xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia và tham gia xếp hạng trường theo Nghị định của Chính phủ.

Bốn là, nhóm các quy định pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, vì thế tại Điều

33, Điều lệ Công tác Nhà trường quân đội năm 2016 đã xác định rõ mục tiêu của hoạt động này, đó là: “(i) nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, năng lực nghiên cứu và khả năng ứng dụng khoa học công nghệ của giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục; (ii) hình thành và phát triển năng lực nghiên cứu khoa học cho người học, phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho quân đội và nền kinh tế quốc dân; (iii) tạo ra tri thức, công nghệ, giải pháp mới để phát triển khoa học giáo dục góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước và phát triển kinh tế xã hội; từng bước xây dựng nhà trường quân đội thành cách trung tâm nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ của quân đội” [13]. Trên cơ sở đó, nội dung, nhiệm vụ và quyền hạn, trách nhiệm của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng được đề cập từ Điều 39 đến Điều 42, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2018), Điều 27, 28, Luật Giáo dục đại học năm 2025; từ Điều 33 đến Điều 37, Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội năm 2016;

Mặt khác, trong bối cảnh hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng, để đáp ứng các yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục đại học đòi hỏi các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tăng cường hợp tác, liên kết đào tạo với các các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Do đó, quy định liên quan đến hợp tác, liên kết từ Điều 43 đến Điều 48, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2018), Điều 43 Luật Giáo dục đại học năm 2025; từ Điều 52 đến Điều 57, Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội năm 2016 là những đảm bảo pháp lý cho hoạt động này.

Trong đó quy định về hình thức, yêu cầu, quản lý hoạt động hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế. Trên cơ sở đó, các quy định về phạm vi hợp tác; các nguyên tắc hợp tác như phù hợp với chiến lược, quy hoạch đào tạo trong quân đội, bảo đảm bí mật quân sự, bí mật quốc gia và bảo vệ chính trị nội bộ các bên, phải được phê duyệt bởi cấp có thẩm quyền...; kết hợp khai thác tiềm năng khoa học, công nghệ tiên tiến của nước ngoài trong quá trình

hợp tác quốc tế. Những quy định trên đã tạo khuôn khổ rõ ràng, hành lang pháp lý quan trọng để các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hợp tác trong giáo dục đại học một cách linh hoạt, tiếp cận tri thức mới, mở rộng phạm vi đào tạo, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho quân đội.

Năm là, nhóm các quy định pháp luật về tài chính và tài sản

Các quy định về tài chính và tài sản được quy định từ Điều 64 đến Điều 67, Luật Giáo dục đại học năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2018). Tại Luật Giáo dục năm 2025, các quy định này được sửa đổi theo hướng tách riêng chế độ tài chính giữa cơ sở giáo dục đại học công lập và tư thục, đồng thời các quy định về quyền tự chủ về tài chính, tài sản và đầu tư của cơ sở giáo dục đại học công lập, trách nhiệm công khai, minh bạch, giải trình sẽ do Chính phủ quy định chi tiết. Tuy nhiên, do tính chất đặc thù của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, theo quy định từ Điều 58 đến Điều 61, Điều lệ Công tác nhà trường quân đội năm 2016, nguồn tài chính cho giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng bao gồm nguồn ngân sách nhà nước (thông qua ngân sách của Bộ Quốc phòng) và nguồn thu hợp pháp khác. Chính phủ và Bộ Quốc phòng dành ưu tiên bố trí ngân sách cho đào tạo, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, vũ khí, trang thiết bị vật chất huấn luyện, giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học cho nhà trường Quân đội.

Cũng theo quy định tại Điều 61, Điều lệ Công tác nhà trường quân đội năm 2016 quy định về quản lý ngân sách ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Cục Quân huấn – Nhà trường sẽ chủ trì, chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng xây dựng và phân bổ ngân sách; hướng dẫn, chỉ đạo các nhà trường xây dựng định mức kinh phí và định mức bảo đảm vật chất cho các đối tượng học viên; xây dựng kế hoạch đầu tư và phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, biên soạn giáo trình, khung chương trình, tài liệu giảng dạy và nghiên cứu khoa học phù hợp với mức độ phát triển nhiệm vụ, tổ chức, trang bị chiến đấu của Quân đội và khả năng bảo đảm của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có

nghĩa vụ lập dự toán thu chi ngân sách hàng năm, được cụ thể hóa trong kế hoạch quản lý công tác tài chính, công tác kế toán hàng tháng, hằng quý và cả năm. Công tác quản lý ngân sách về giáo dục đại học sẽ được thực hiện theo Luật Ngân sách và các quy định của Bộ Quốc phòng.

2.2.2. Hình thức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thể hiện dưới các hình thức sau: tuân thủ pháp luật về giáo dục đại học; chấp hành pháp luật về giáo dục đại học; sử dụng pháp luật về giáo dục đại học; áp dụng pháp luật về giáo dục đại học. Trong đó các hình thức có mối liên hệ quy định, tác động lẫn nhau, hình thức này có thể bao gồm cả hình thức khác khi các chủ thể thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong từng mối quan hệ pháp luật.

2.2.2.1. Tuân thủ pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Tuân thủ pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể tự kiểm chế không thực hiện hành vi bị pháp luật cấm. Tuân thủ các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tức là không làm những gì mà pháp luật về giáo dục đại học cấm, không gây ra những hành vi làm phương hại đến lợi ích của các chủ thể khác, trên cơ sở tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Đây là hình thức thực hiện pháp luật đối với các quy phạm pháp luật mang tính ngăn cấm, cấm đoán, bảo vệ (đòi hỏi chủ thể không được tiến hành những hoạt động nhất định). Ví dụ như theo quy định Điều 11, Luật Nhà giáo năm 2025, giảng viên không được thực hiện các hành vi sau: “(i) phân biệt đối xử giữa những người học dưới mọi hình thức; (ii) gian lận, cố ý làm sai lệch kết quả trong hoạt động tuyển sinh, đánh giá người học; (iii) ép buộc người học nộp tiền hoặc hiến vật ngoài quy định của pháp luật; (iv)

lợi dụng chức danh nhà giáo và hoạt động nghề nghiệp để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.” [91].

Như vậy, tuân thủ pháp luật về giáo dục đại học có vai trò rất quan trọng trong việc duy trì trật tự, ổn định của hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đồng thời bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân tham gia vào lĩnh vực giáo dục đại học. Khi thực hiện pháp luật về giáo dục đại học được thể hiện dưới hình thức là các hành vi tuân thủ pháp luật của các chủ thể, tức là các chủ thể đã nhận thức được các quy định của pháp luật hiện hành, tự giáo dục, kiểm chế và giữ mình, không làm những gì mà pháp luật cấm. Sự tuân thủ pháp luật về giáo dục đại học được các chủ thể thực hiện một cách chủ động trên cơ sở sự hiểu biết về pháp luật giáo dục đại học và thái độ, tình cảm, trách nhiệm đối với các lợi ích của Nhà nước, của các tổ chức và cá nhân tham gia vào hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

2.2.2.2. Chấp hành pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Chấp hành pháp luật là hình thức thực hiện pháp luật trong đó các chủ thể thực hiện các quy định của pháp luật bằng việc tiến hành những hành động tích cực để thực hiện các nghĩa vụ được quy định trong các quy phạm pháp luật. Nghĩa vụ pháp lý được thể hiện trong bộ phận quy định của các quy phạm bắt buộc và được đảm bảo thực hiện bằng các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước. Như vậy, chấp hành pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện là hình thức mà các chủ thể thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình trong các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Chẳng hạn, theo quy định tại Điều 49, Điều lệ Công tác nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam năm 2016, học viên phải thực hiện các hoạt động của đơn vị học viên và của nhà trường, rèn luyện phẩm chất chính trị,

đạo đức cách mạng, thể lực, tác phong chính quy và chấp hành kỷ luật quân đội; xây dựng và phát huy truyền thống của nhà trước, tôn trọng nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và nhân viên nhà trường.

Cũng như tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi cá nhân, tổ chức khi tham gia vào các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực này. Để thực hiện hành vi hợp pháp dưới dạng chấp hành pháp luật, các chủ thể phải có ý thức pháp luật tốt để chủ động thực hiện những hành vi mang tính tích cực, sáng tạo. Việc chấp hành pháp luật về giáo dục đại học biểu hiện bằng hành vi thực hiện đầy đủ, đúng đắn các yêu cầu và đòi hỏi của các quy phạm pháp luật quy định về nghĩa vụ pháp lý. Đặc biệt đối với các chủ thể có thẩm quyền trong hoạt động giáo dục đại học, việc thực hiện thẩm quyền của họ không chỉ là quyền mà còn là nghĩa vụ pháp lý. Nó có ý nghĩa rất quan trọng, kết quả của hình thức này là cơ sở đánh giá hiệu quả quản lý Nhà nước về giáo dục đại học, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia vào hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

2.2.2.3. Sử dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Sử dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là hình thức thực hiện pháp luật mà các chủ thể pháp luật tiến hành những hành vi mà pháp luật về giáo dục đại học cho phép hay nói cách khác, chủ thể thực hiện quyền, tự do pháp lý của mình trong phạm vi pháp luật quy định. Việc sử dụng pháp luật về giáo dục đại học của các chủ thể là không mang tính chất bắt buộc mà phụ thuộc vào ý chí, lựa chọn của các chủ thể, tức là chủ thể có quyền thực hiện hoặc không thực hiện các quyền của mình. Các quy phạm pháp luật về giáo dục đại học thể hiện dưới những quy phạm trao quyền, tức là quy định những quyền và tự do pháp lý của các chủ thể được thực hiện dưới hình thức này.

Trong hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, pháp luật quy định cho các chủ thể tham gia nhiều quyền, nhằm mục đích phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục đại học và nguồn nhân lực cho quân đội. Ví dụ, trong quá trình công tác, giảng viên được quyền bồi dưỡng kiến thức chuyên môn ngành, nghề, lĩnh vực, nghiệp vụ và kỹ năng sư phạm theo chương trình, kế hoạch, quy hoạch, quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng nhằm nâng cao trình độ. Học viên được quyền bảo đảm về điều kiện học tập theo mục tiêu đào tạo; được đề đạt ý kiến về công tác đào tạo, phương pháp dạy học, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của học viên và công tác bảo đảm cơ sở vật chất đào tạo, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần của nhà trường; hay được quyền đề đạt nguyện vọng bố trí công tác sau tốt nghiệp phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của quân đội [13].

2.2.2.4. Áp dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Nếu như tuân thủ pháp luật, chấp hành pháp luật và sử dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là các hình thức thực hiện pháp luật mà mọi chủ thể pháp luật đều có thể thực hiện được thì áp dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện là hình thức mà chỉ có các cơ quan nhà nước hoặc cá nhân có thẩm quyền được phép thực hiện. Đây là hình thức mà các chủ thể có thẩm quyền sẽ tổ chức cho các chủ thể pháp luật khác thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục đại học hoặc căn cứ vào các quy định của pháp luật hiện hành về giáo dục đại học, các chủ thể có thẩm quyền sẽ tự mình ban hành các quyết định làm phát sinh, thay đổi, đình chỉ hoặc chấm dứt những quan hệ pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Hoạt động áp dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước, được áp dụng đối với những quan hệ xã hội nhất định, trong những tình huống cụ thể đối

với những cá nhân, tổ chức cụ thể. Hình thức áp dụng pháp luật về giáo dục đại học có thể được tiến hành trong những trường hợp sau: (i) Khi những quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể trong các quan hệ pháp luật về giáo dục đại học không mặc nhiên phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt nếu thiếu sự can thiệp của các chủ thể có thẩm quyền; (ii) Khi xảy ra tranh chấp về quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia quan hệ pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng mà các bên đó không thể giải quyết được; (iii) Khi cần truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể vi phạm pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện; (iv) Khi áp dụng các biện pháp tác động Nhà nước trong lĩnh vực giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nhưng không liên quan đến trách nhiệm pháp lý; hoặc xác nhận sự tồn tại hay không tồn tại của một số sự việc, sự kiện thực tế nào đó.

Hoạt động áp dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thể được tiến hành theo trình tự thủ tục đơn giản hoặc phức tạp nhưng phải đảm bảo sự tuân thủ những nguyên tắc, quy định về trình tự, thủ tục và yêu cầu của pháp luật. Thông thường, quá trình áp dụng pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trải qua bốn giai đoạn: phân tích, đánh giá đúng, chính xác các tình tiết, điều kiện, hoàn cảnh của sự kiện pháp lý đã xảy ra; lựa chọn quy phạm pháp luật phù hợp để áp dụng; ban hành và tổ chức thực hiện quyết định áp dụng pháp luật.

2.3. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG

Điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học là tổng hợp những nhân tố khách quan và chủ quan tạo ra cơ sở vững chắc cho việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả trong thực tế. Để bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần có những điều kiện cơ bản sau:

2.3.1. Điều kiện về chính trị

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là tương lai của dân tộc, là động lực then chốt để đưa đất nước bứt phá trong kỷ nguyên phát triển mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Trong đó, Nghị quyết 71 – NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã nhấn mạnh vai trò của giáo dục đại học là “nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo” [9]. Nghị quyết đã đặt ra mục tiêu đến năm 2030, “nâng tầm các cơ sở giáo dục đại học trở thành các trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp của quốc gia và của các vùng” [9]; đến năm 2035 có ít nhất 2 cơ sở giáo dục đại học; và đến năm 2045 có ít nhất 5 cơ sở giáo dục đại học thuộc nhóm 100 đại học hàng đầu thế giới. Một trong những giải pháp then chốt để thực hiện mục tiêu này là đổi mới mạnh mẽ thể chế, xây dựng các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển giáo dục và đào tạo, đặc biệt “tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật” [9].

Bên cạnh đó, để xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh đất nước đang vững bước vào kỷ nguyên mới, Đảng ta đã nhấn mạnh mục tiêu đến năm 2030 “có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế thực hiện nghiêm minh, nhất quán”, tầm nhìn đến năm 2045 “có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội” [8]. Đồng thời, Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng vũ trang nhân dân, lực lượng chính trị, chiến đấu tuyệt đối trung thành, tin cậy của Đảng, Nhà

nước và Nhân dân. Do đó, Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với Quân đội nhân dân Việt Nam là nguyên tắc cơ bản, nhất quán, bất biến trong suốt quá trình xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội.

Đây là cơ sở chính trị quan trọng để Nhà nước thể chế hóa quan điểm đường lối của Đảng về giáo dục đại học thành pháp luật, và việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học đã góp phần đưa quan điểm, đường lối của Đảng vào trong cuộc sống. Thực tiễn đã chứng minh, nếu chủ trương, đường lối của Đảng ngày càng hoàn thiện thì chất lượng của các văn bản pháp luật về giáo dục đại học càng được nâng cao, tạo cơ sở đưa các đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống nhanh và hiệu quả. Ngược lại, nếu không có chủ trương, đường lối có tính định hướng, chiến lược đúng đắn thì việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học cũng như đưa những quy định đó vào thực tiễn sẽ gặp nhiều khó khăn và thách thức.

Do đó, bảo đảm về chính trị đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là vấn đề tất yếu, với bản chất là sự bảo đảm và phát huy tốt nhất vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động này. Vì thế, các cấp ủy Đảng của các học viện phải thường xuyên quán triệt và triển khai kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, nhằm nâng cao trình độ hiểu biết, ý thức trách nhiệm của các chủ thể đối với hoạt động này. Khi đã có những tri thức pháp luật về giáo dục đại học, có ý thức chính trị cao thì các chủ thể sẽ có những hành vi pháp luật tích cực.

Ngoài ra, môi trường chính trị ổn định cũng góp phần quan trọng, bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay. Sự ổn định chính trị sẽ bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước và Bộ Quốc phòng đối với các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Nhờ đó, các chủ trương, đường lối của Đảng và các quy định pháp luật về giáo dục đại học được quán triệt đầy đủ, thực hiện nghiêm túc, thống nhất, không bị gián đoạn hay lệch

hướng, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế về giáo dục đại học ngày càng sâu rộng. Đồng thời, môi trường chính trị ổn định còn góp phần tạo niềm tin chính trị và sự đồng thuận cao của các chủ thể trong toàn quân, hạn chế các tác động tiêu cực từ bên ngoài, bảo đảm cho thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện nghiêm minh, hiệu quả.

2.3.2. Điều kiện về pháp lý

Pháp luật thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn, đồng thời là tiền đề, cơ sở pháp lý của thực hiện pháp luật. Điều kiện pháp lý bao gồm cả những chủ trương, chính sách và các biện pháp động viên, khuyến khích hoặc bắt buộc các chủ thể tham gia vào hoạt động giáo dục đại học. Điều kiện này được bảo đảm sẽ tạo môi trường thuận lợi cho việc triển khai các hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Vì thế, chất lượng và sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật về giáo dục đại học, các quy định pháp luật về quân sự, điều lệnh, điều lệ quân đội là yếu tố căn bản và quan trọng để bảo đảm hiệu quả hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các đơn vị này. Nếu chất lượng của pháp luật về giáo dục đại học thấp, tính khả thi kém, không đáp ứng với đòi hỏi của yêu cầu phát triển giáo dục đại học thì sẽ gây khó khăn trong quá trình thực hiện, thậm chí là không thực hiện được.

Do đó, bảo đảm về pháp luật trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trước tiên đòi hỏi phải có hệ thống pháp luật về giáo dục đại học hoàn thiện, đáp ứng được tiêu chí cơ bản như đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi. Đặc biệt, trong kỷ nguyên mới, khi mà quá trình toàn cầu hóa và tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tạo ra nhiều thời cơ cũng như thách thức đối với lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam nói chung, giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng thì càng cần phải đổi mới tư duy pháp lý, kỹ thuật lập pháp và hoàn thiện các nội dung pháp luật về giáo dục đại học theo hướng

vừa phù hợp với các yếu tố đặc thù của hoạt động giáo dục đại học ở các đơn vị này, vừa không mâu thuẫn với các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan như pháp luật về quân sự, quốc phòng, điều lệnh, điều lệ của quân đội. Khi đó, pháp luật về giáo dục đại học sẽ trở thành quy chuẩn để định hướng, điều chỉnh hành vi của các chủ thể trong thực tế, là điều kiện bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Mặt khác, thực tiễn thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn là môi trường kiểm nghiệm khách quan chất lượng của các quy định pháp luật trong lĩnh vực này.

2.3.3. Điều kiện về nguồn nhân lực

Điều kiện về nguồn nhân lực, bao gồm đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục và học viên, là yếu tố then chốt, tác động trực tiếp tới hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Đây chính là lực lượng trực tiếp triển khai và duy trì hiệu quả của hệ thống pháp luật về giáo dục đại học trong môi trường quân sự ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Nếu như mỗi chủ thể này đều có nhận thức đầy đủ, thống nhất về vai trò và tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học; có năng lực, kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, kỹ năng sử dụng pháp luật, trách nhiệm cao sẽ góp phần giúp cho thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học được diễn ra minh bạch, công bằng, đúng quy định và phù hợp với đặc thù quân đội. Ngược lại, nếu đội ngũ này yếu về năng lực và kỹ năng sử dụng pháp luật hoặc nhận thức chưa đúng đắn, tinh thần trách nhiệm chưa cao thì sẽ ảnh hưởng tới chất lượng và hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Bên cạnh đó, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục còn có vai trò định hướng việc thực hiện pháp luật, thông qua việc tuyên truyền, quán triệt, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học cho học viên và các chủ thể khác tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong giáo dục đại học. Vì vậy,

việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực cả về trình độ, nhận thức và hiểu biết pháp luật sẽ có tác dụng tích cực tới hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Nguồn nhân lực chất lượng không chỉ giúp tổ chức, triển khai và giám sát việc thực hiện pháp luật mà còn góp phần xây dựng môi trường giáo dục quân sự chuẩn mực, kỷ cương. Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, pháp luật về giáo dục đại học không ngừng cập nhật và điều chỉnh để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, thì nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, hiểu biết pháp lý và tư duy đổi mới sẽ là động lực thúc đẩy việc vận dụng pháp luật linh hoạt, phù hợp với thực tiễn quân sự nhưng vẫn thống nhất với các văn bản pháp luật có liên quan.

2.3.4. Điều kiện về nguồn lực vật chất

Các điều kiện về cơ sở vật chất là yếu tố thiết yếu bảo đảm cho quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được diễn ra thuận lợi, đạt được kết quả và mục tiêu mong muốn. Hệ thống pháp luật về giáo dục đại học hiện hành đều quy định rõ ràng về nguồn tài chính và những điều kiện về cơ sở vật chất tối thiểu để các cơ sở giáo dục đại học được phép hoạt động, mở ngành đào tạo, tuyển sinh và cấp văn bằng. Quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng gồm việc thực hiện nhiều nhóm quy định khác nhau, có sự tham gia của rất nhiều chủ thể với các hình thức đa dạng, phong phú. Do vậy, nếu thiếu các yếu tố thiết yếu này, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng không thể hoặc gặp khó khăn trong việc triển khai các quy định của pháp luật về giáo dục đại học, gây ảnh hưởng tới quyền lợi của các chủ thể tham gia. Ngoài ra, mức độ bảo đảm kinh phí, hệ thống cơ sở vật chất còn thể hiện mức độ quan tâm, thái độ, trách nhiệm của các chủ thể đối với hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo này.

Do vậy, các các nhà trường quân đội, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tiếp tục quan tâm, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và nguồn lực tài chính nhằm bảo đảm cho quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng “Nhà trường thông minh, tiếp cận Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Bên cạnh đó, các phương tiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật ở các học viện thuộc Bộ quốc phòng cần được đầu tư hợp lý, xây dựng các tủ sách pháp luật ở các đơn vị, biên soạn, xuất bản, phát hành tài liệu, sách giáo trình nhằm đảm bảo cho mọi đối tượng có thể tự học tập, nghiên cứu, tìm hiểu về pháp luật, trong đó có các quy định về giáo dục đại học. Nhờ vậy, tri thức pháp luật của các chủ thể được bồi đắp, từ đó nâng cao ý thức pháp luật, tôn trọng và chấp hành pháp luật, tự giác và chủ động thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

2.4. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN TRONG QUÂN ĐỘI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ NHỮNG GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.4.1. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội ở một số nước trên thế giới

Luận án tập trung nghiên cứu kinh nghiệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện quân đội của các nước Trung Quốc, Nga và Mỹ dựa trên những lý do sau: (i) Các quốc gia này đều là những cường quốc quân sự hàng đầu trên thế giới, có nhiều kinh nghiệm trong xây dựng và hoàn thiện khung pháp lý về giáo dục đại học ở các học viện quân đội, đồng thời có cơ chế thực hiện pháp luật hiệu quả; (ii) Các nước này đều có quan hệ hợp tác quốc phòng, an ninh với Việt Nam, đặc biệt là Nga và Trung Quốc có mối quan hệ truyền thống tốt đẹp với nước ta. Do đó, việc học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia này sẽ có thêm cơ sở để nghiên cứu sinh so sánh, đối chiếu, từ đó lựa chọn và đưa ra những giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo

dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phù hợp với điều kiện, đặc thù và truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam.

2.4.1.1. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội Trung Quốc

Trung Quốc đã tiến hành tinh gọn và hiện đại hóa quân đội từ năm 2015, trong đó giải thể và tinh giảm biên chế các học viện, chỉ giữ lại các trường đào tạo chuyên ngành trong quân đội, đồng thời sắp xếp bộ máy quản lý thống nhất và có hiệu quả từ Quân ủy Trung ương đến các chiến khu, quân chủng. Hiện nay, các học viện trong quân đội Trung Quốc được phân chia thành các học viện trực thuộc Quân ủy Trung ương (học viện Khoa học Quân sự Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc) và thuộc các quân chủng:

(i) Quân chủng Lục quân (học viện Chỉ huy Lục quân, học viện Bộ binh Lục quân, học viện Tăng thiết giáp Lục quân, học viện Phòng không và Pháo binh Lục quân, học viện Tác chiến Đặc biệt Lục quân, học viện Biên phòng và Duyên hải Lục Quân, học viện Phòng thủ Hóa học, học viện Vận tải Quân sự, học viện Hậu cần Lục quân)

(ii) Quân chủng Hải quân (học viện Hải quân, học viện Chỉ huy Hải quân; học viện Hải quân Đại Liên, học viện Tàu ngầm Hải quân)

(iii) Quân chủng Không quân (học viện Không quân, học viện Chỉ huy Không quân, học viện Cảnh báo sớm không quân, Học viện Bay cấp Nhĩ Tân, học viện Bay Thạch Gia Trang, học viện Bay Tân An, học viện Dịch vụ Không Quân).

(iv) Quân chủng Tên lửa (học viện Chỉ huy tên lửa)

(v) Bộ tư lệnh bảo đảm hậu cần liên hợp (học viện Khoa học Quân y Quân đội giải phóng nhân dân Trung Quốc)

Với mục tiêu đến năm 2035 trở thành cường quốc giáo dục, Trung Quốc đã và đang tiến hành thực hiện chiến lược cải cách giáo dục với mục tiêu đến năm 2030 phổ cập giáo dục đại học, nhằm đào tạo nhân tài cho đất

nước và xây dựng xã hội học tập. Luật Giáo dục năm 1995, luật Giáo dục đại học năm 1998 đã cụ thể hóa chính sách, pháp luật của nước này về đầu tư nhằm hiện đại hóa giáo dục đại học. Ngoài ra, chính sách quản lý quân đội bằng pháp luật đã được thực hiện mạnh mẽ từ sau cải cách quân sự năm 2016, nhằm mục tiêu xây dựng và quản lý quân đội theo khuôn khổ luật pháp, bảo đảm kỷ cương và hiệu quả của hoạt động quân sự. Giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội nói chung, các học viện quân sự nói riêng là một cấu phần chiến lược của xây dựng quân đội chính quy hiện đại, vì vậy phải quản lý, vận hành và kiểm soát chặt chẽ bằng hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở đó, giáo dục đại học ở các học viện quân đội Trung Quốc được vận hành và quản lý bằng hệ thống pháp luật chặt chẽ, từ tuyển sinh, đào tạo, nghiên cứu khoa học đến quản lý giảng viên, học viên, đánh giá chất lượng đào tạo. Theo quy định tại Điều 82, Luật Giáo dục năm 1995 của Trung Quốc, các hoạt động giáo dục đại học diễn ra trong nhà trường quân sự sẽ tuân thủ quy chế giáo dục do Quân ủy Trung ương xây dựng, trên nguyên tắc và quy định của các quy định của luật Giáo dục, luật Giáo dục đại học; giúp cho việc tổ chức và quản lý giáo dục đại học trong các học viện quân đội vừa phù hợp pháp luật quốc gia, vừa đảm bảo kỷ luật và yêu cầu bảo mật đặc thù của môi trường quân sự. Đồng thời, quyền lợi hợp pháp cho giáo viên, nhân viên giáo dục được nhà nước bảo hộ. Theo Điều 50 của Luật Giáo dục đại học năm 1998, nhà nước có các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc và điều kiện sống cho giáo viên và nhân viên giáo dục khác ở các trường đại học. Đội ngũ giáo viên có trình độ cao luôn được quan tâm đầu tư, chú trọng đến đào tạo kỹ năng, chế độ đãi ngộ, nâng cao vị trí người giáo viên trong xã hội.

Trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội luôn tuân thủ tuyệt đối nguyên tắc bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với quân đội. Tại văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XIX xác định một số nhiệm vụ trọng tâm về

chính sách phát triển quân đội, trong đó nhấn mạnh: (1) tập trung tăng cường toàn diện việc quản lý quân đội theo luật pháp, xây dựng một hệ thống pháp quyền quân sự hoàn hảo, nâng cao trình độ pháp trị trong xây dựng quân đội; (2) thực hiện mạnh mẽ dự án chiến lược tài năng, cải thiện hệ thống nhân lực quân sự, đào sâu cải cách học viện quân sự; đào tạo lực lượng quân nhân có đạo đức, bản lĩnh, giữ vững tính chất, tôn chỉ của quân đội; thực hiện chính sách, chế độ đãi ngộ trong quân đội. [141].

Cốt lõi của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện quân sự trong quân đội Trung Quốc nằm ở các cơ chế sau: *một là*, tăng cường sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Quân ủy Trung ương và các cấp ủy, phân quyền một cách khoa học, kết hợp hài hòa cơ chế phối hợp giữa quản lý quân đội theo pháp luật và quản trị đất nước toàn diện theo pháp luật; *hai là*, có những cải cách đột phá trong công tác lập pháp, đẩy nhanh hoàn thiện hệ thống pháp luật quân sự nói chung, pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội nói riêng, tăng cường công tác tư vấn và đánh giá pháp luật quân sự; *ba là*, hoàn thiện và vận hành cơ chế thực thi quản lý quân đội theo pháp luật theo mô hình “Đảng ủy quyết định theo pháp luật – cơ quan chỉ đạo theo pháp luật – đơn vị hành động theo pháp luật – cán bộ chiến sĩ thực hiện theo pháp luật”, đồng thời tăng cường kiểm tra và đánh giá thực thi pháp luật; *bốn là*, hoàn thiện và vận hành cơ chế giám sát quản lý quân đội theo pháp luật mà trọng tâm là quản lý cán bộ và quyền lực theo pháp luật, làm rõ chế độ trách nhiệm, quyền hạn, thiết lập bộ máy giám sát như thanh tra, điện thoại và hòm thư tố cáo chuyên dụng, xây dựng khen thưởng và xử phạt; *năm là*, hoàn thiện cơ chế bảo đảm quản lý quân đội theo pháp luật, trong đó tập trung vào ba yếu tố: xây dựng hệ thống lý luận; xây dựng đội ngũ cán bộ pháp trị quân sự với phẩm chất chính trị tốt, năng lực chuyên môn cao, cơ cấu hợp lý, với chiến lược dài hạn rõ ràng; phát triển và lồng ghép văn hóa pháp trị với văn hóa quân sự, huấn luyện, đời sống hàng ngày của cán bộ chiến sĩ.

Ngoài ra, giáo dục pháp luật cũng rất được chú trọng, các chương trình đào tạo đều quy định việc bắt buộc học về pháp luật quân sự, kỷ luật quân đội, từ đó giúp học viên nhận thức rõ trách nhiệm tuân thủ pháp luật. Đáng chú ý, giảng viên tại các học viện quân đội Trung Quốc được đào tạo về pháp luật quân sự, họ không chỉ giảng dạy kiến thức chuyên môn mà còn phải tuyên truyền cho học viên các nguyên tắc pháp trị và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật và kỷ luật quân đội. Mặt khác, các nhà trường quân đội cũng rất được đầu tư phát triển, trên cơ sở nguồn ngân sách nhà nước được cấp, dưới sự quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính. Ngân sách quốc phòng của nước này tăng hàng năm, một phần chủ yếu dùng vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng, đầu tư trang thiết bị cho các học viện quân sự, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cho quân đội, đầu tư cho cán bộ, giảng viên, học viên đi đào tạo, huấn luyện ở các trường dân sự [141].

2.4.1.2. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội Nga

Nga là một trong những quốc gia có hệ thống các trường quân sự đào tạo sĩ quan và chuyên gia quân sự rất bài bản, gắn chặt với đáp ứng nhu cầu chiến lược quốc phòng. Đặc biệt, kể từ năm 2007, các cải cách sâu rộng đã được triển khai trong Lực lượng vũ trang Liên bang Nga, dẫn đến việc ban hành các quy định điều chỉnh hoạt động giáo dục đại học trong các nhà trường quân sự cũng đã được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn. Mục tiêu của quá trình này bao gồm: (i) Nâng cấp các học viện và trường quân sự bằng cách thành lập các trung tâm giáo dục và nghiên cứu quân sự áp dụng chương trình đào tạo ở nhiều cấp độ, lĩnh vực và chuyên ngành khác nhau; (ii) Sáp nhập các cơ sở quân sự và giáo dục dựa trên nguyên tắc hợp nhất các trường thuộc nhiều lực lượng và binh chủng khác nhau; (iii) Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng và điều kiện vật chất - kỹ thuật hiện có của các học viện quân sự và thúc đẩy sự phát triển thêm của chúng; (iv) Loại bỏ việc thực hiện những nhiệm vụ bị

coi là dư thừa trong các học viện quân sự, thay vào đó, đầu tư phần kinh phí tiết kiệm được vào việc phát triển hệ thống giáo dục quân sự [125].

Hiện nay, hệ thống các học viện trong quân đội Nga được phân cấp rõ ràng, với các học viện cấp chiến lược có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan chỉ huy cấp cao và tham mưu trưởng cho lực lượng vũ trang Liên Bang Nga (học viện Tham mưu trưởng Lực lượng Vũ trang Nga, học viện Liên quân Lực lượng vũ trang Nga, Học viện Quân y S.M.Kirov, Học viện phòng thủ Hóa học, sinh học và hạt nhân, học viện Hậu cần quân sự) và các học viện chuyên biệt theo quân chủng và lực lượng: Lực Quân (Học viện Pháo binh Quân sự Mikhailovskaya, học viện Quân sự Phòng không chiến thuật, Học viện Quân sự Quân đoàn thông tin Budyonny), Lực lượng hàng không vũ trụ (Học viện Kỹ thuật không quân Zhukovsky, Học viện Chỉ huy Phòng không Zhucov), Lực lượng Tên lửa chiến lược (Học viện tên lửa chiến lược Peter).

Bên cạnh đó, Pháp luật Liên bang Nga đã tạo cơ sở pháp lý tương đối toàn diện, đầy đủ cho hoạt động giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các học viện quân đội. Luật Giáo dục năm 2012 đã được ban hành vào ngày 26/12/2012, thay thế cho Luật Giáo dục năm 1992, có hiệu lực từ ngày 1/9/2013, với 15 chương và 111 điều đã đặt nền tảng cho sự hội nhập của hệ thống giáo dục Liên Bang Nga với các hệ thống giáo dục của các nước trên thế giới. Trong đó, tại Điều 69, Luật Giáo dục 2012 quy định, mục đích của giáo dục đại học là đào tạo các cán bộ có trình độ cao trong tất cả các lĩnh vực chính của hoạt động lợi ích công cộng, phù hợp với các nhu cầu của xã hội và nhà nước, nhu cầu của các cá nhân nhằm phát triển trí tuệ, văn hóa và đạo đức, kỹ năng khoa học và sự phạm [140].

Theo quy định tại Điều 81, Luật Giáo dục Liên bang Nga 2012, việc quản lý hoạt động giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo quân đội phải tuân thủ pháp luật liên bang, quy định quân đội và các văn bản pháp lý của Bộ Quốc phòng. Bởi vậy, các học viện quân sự có những quy định riêng biệt liên quan

đến đào tạo và tuyển sinh nhằm bảo đảm bí mật quân sự, nhưng vẫn phải tuân theo các nguyên tắc cơ bản của Luật Giáo dục 2012. Tại các học viện quân sự ở Nga, quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện quân sự được diễn ra theo hướng chuyên nghiệp, hiệu quả, bảo đảm tính minh bạch và thống nhất với hệ thống pháp luật quốc gia. Việc thực hiện các quy định về tuyển sinh và đào tạo theo một quy trình với yêu cầu nghiêm ngặt; giảng viên, học viên phải tuân thủ kỷ luật quân sự được quy định tại Điều lệ nội vụ của lực lượng vũ trang Liên bang Nga và theo quy định của từng học viện quân sự, bao gồm giờ giấc, đồng phục, các quy tắc ứng xử và quản lý thời gian. Mặt khác, theo quy định trong các văn bản pháp lý của Chính phủ và Bộ Quốc phòng Nga liên quan đến chế độ đãi ngộ cho quân nhân và học viên quân sự, các học viên tại các học viện quân sự Nga được hưởng hỗ trợ học phí và sinh hoạt, học bổng [140].

Bên cạnh đó, quá trình thực hiện các quy định pháp luật về kiểm định chất lượng đào tạo, ngoài việc thực hiện các quy chế kiểm tra nội bộ, các học viện quân sự còn được giám sát bởi các đoàn thanh tra của Bộ Quốc phòng Nga, kết hợp với các cơ quan kiểm định liên bang thuộc chính phủ Liên bang Nga là Rosobrnadzor (Cơ quan giám sát giáo dục Liên bang Nga). Theo quy định tại khoản 3, Điều 92, Luật Giáo dục Liên bang Nga năm 2012, tất cả các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm cả các học viện quân sự, đều phải được kiểm định, nhằm xác nhận sự phù hợp của hoạt động giáo dục với tiêu chuẩn giáo dục quốc gia. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt của các học viện quân sự, việc thực hiện các quy định pháp luật về kiểm định chất lượng đào tạo phải đảm bảo có sự kiểm soát nghiêm ngặt các thông tin liên quan đến bí mật quân sự và bí mật quốc gia.

2.4.1.3. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội Mỹ

Trong quân đội Mỹ, hệ thống các cơ sở giáo dục đại học được phân chia theo chức năng đào tạo, bao gồm các học viện liên bang đào tạo sĩ quan cơ sở: Học viện Quân sự Hoa Kỳ (U.S. Military Academy), học viện Hải quân Hoa kỳ (U.S. Naval Academy), Học viện Không quân Hoa kỳ (U.S. Air Force Academy), Học viện cảnh sát biển Hoa Kỳ (U.S. Coast Guard Academy), học viện Hàng hải Thương mại Hoa Kỳ (U.S. Merchant Marine Academy) và các trường đào tạo sau đại học và nghiên cứu chuyên sâu.

Hoạt động giáo dục đại học ở các học viện quân đội Mỹ chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật quân sự riêng biệt, nằm tách biệt chủ yếu trong Bộ luật Hoa Kỳ, tiêu đề 10 – Các lực lượng vũ trang (US. Code, Title 10 – Armed Forces). Đây là phần riêng của Bộ luật Hoa Kỳ quy định các vấn đề liên quan đến quân đội, trong đó có quy định về giáo dục đại học như tuyển sinh, học phí và chi phí, cam kết phục vụ, hệ thống kỷ luật, trang bị, hậu cần, đào tạo và quản lý nhân sự. Bên cạnh đó, Title 10 – US. Code có quy định từng chương luật riêng cho mỗi học viện quân sự như học viện Quân sự West Point được điều chỉnh bởi Title 10, Chapter 403 (từ điều 4331 – 4359); học viện Hải quân được điều chỉnh bởi Title 10, Chapter 603 (từ điều 6951 – 6980)...

Điểm nổi bật trong các quy định về giáo dục đại học ở các học viện quân sự Mỹ là những quy định nghiêm ngặt trong tuyển sinh, mọi chỉ tiêu đều theo quy định của Quốc hội và phải qua đề cử của nghị sĩ, tổng thống, phó tổng thống hoặc theo diện đặc biệt; học viên được miễn học phí, hưởng phụ cấp hàng tháng nhưng phải cam kết phục vụ trong quân đội tối thiểu 5 năm; các hành vi vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định của Bộ luật Tư pháp quân sự (Uniform Code of Military Justice - UCMJ). UCMJ bao gồm một loạt các quy tắc và quy trình liên quan đến các hành vi phạm tội của quân nhân, cũng như các quy trình tố tụng tại tòa án quân sự và hình phạt áp dụng.

Đồng thời mỗi học viện sẽ có hệ thống quy định riêng biệt về tuyển sinh, học thuật, tác phong, trang phục và một số quy định khác. Chẳng hạn như Học viện Quân sự Hoa Kỳ West Point ban hành bộ quy tắc ứng xử West Point Regulation quy định cụ thể về tuyển sinh, ứng cử viên phải từ 17 tuổi đến dưới 23 tuổi, phải là công dân Mỹ, chưa kết hôn và không có nghĩa vụ pháp lý phải nuôi con, cần có thư giới thiệu của một thượng nghị sĩ hoặc hạ nghị sĩ, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về học lực, y tế và thể chất. Bên cạnh đó, ở các học viện quân sự Mỹ, các quy định pháp luật nói chung và các quy định pháp luật về giáo dục đại học, kỉ luật quân đội, đạo đức nghề nghiệp, quy định của đơn vị trong quá trình huấn luyện đều được tích hợp sâu rộng trong toàn bộ chương trình đào tạo sĩ quan.

Nghiên cứu thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội Mỹ, có thể thấy được, quân đội Mỹ tổ chức và vận hành giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo trong quân đội trên cơ sở các quy định mang tính đặc thù dành riêng cho các học viện trong quân đội Mỹ (Title 10 – US. Code), có sự tách bạch rõ ràng với các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các trường đại học dân sự. Ngoài ra, cơ chế phân cấp, phân quyền rõ ràng giữa Quốc hội, Bộ Quốc phòng, các quân chủng và các cơ sở đào tạo giúp quá trình tổ chức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong quân đội thống nhất, minh bạch, hạn chế sự chồng chéo, đồng thời nâng cao trách nhiệm giải trình. Quốc hội Mỹ chịu trách nhiệm phê chuẩn ngân sách, giám sát thực thi pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện quân đội, còn Bộ Quốc phòng Mỹ và các quân chủng sẽ có trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, trên cơ sở ban hành các quy định hướng dẫn triển khai luật.

Giáo dục pháp luật rất được coi trọng trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường trong quân đội Mỹ. Giáo dục pháp luật thường mang tính ứng dụng thực tiễn cao, học viên không chỉ nắm được kiến thức pháp luật, mà còn biết vận dụng nó trong thực tiễn quân sự, để giải quyết

những vấn đề pháp lý mà sĩ quan thường gặp phải như khi chỉ huy, thi hành mệnh lệnh, xử lý vi phạm... Mô hình “facts-issue-rule-analysis-conclusion process”- “sự kiện- vấn đề- quy định- phân tích- kết luận” được giới thiệu trong quá trình giảng dạy luật và phát triển tư duy phản biện, nhằm giúp cho người học có thể tự giải quyết vấn đề pháp lý trong đơn vị hay chiến trường [144]. Đội ngũ giảng viên giảng dạy pháp luật không chỉ bao gồm sĩ quan quân đội mà còn có đội ngũ giảng viên dân sự [144], tạo nên môi trường học thuật đa chiều, tăng cường năng lực nghiên cứu, cân bằng các quan điểm trong chủ đề giảng dạy; đồng thời giúp cho học viên được rèn luyện tư duy phản biện và giải quyết vấn đề khi phân tích các tình huống thực tế và áp dụng chúng vào môi trường quân sự.

Mặt khác, trong thực hiện các pháp luật về giáo dục đại học, các nhà trường trong quân đội Mỹ vẫn thực hiện các quy định về tự chủ trong xây dựng chương trình, tuyển dụng giảng viên, hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, nhưng chịu sự kiểm soát của cơ chế kiểm định độc lập và đánh giá định kỳ, chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý. Mặc dù là các trường thuộc quân đội, nhưng các học viện vẫn phải được kiểm định chất lượng như trong các trường dân sự, vẫn phải tham gia kiểm định bởi các tổ chức kiểm định khu vực, như học viện West Point được kiểm định bởi Middle States Commission on Higher Education (MSCHE) hay học viện Hải quân Mỹ được kiểm định bởi MSCHE và kiểm định chương trình kỹ thuật bởi ABET (Accreditation Board for Engineering and Technology). Đây là những tổ chức kiểm định độc lập, phi chính phủ và được Bộ Giáo dục Mỹ công nhận. Các trường sẽ được kiểm định theo chu trình 8-10 năm/ lần trên các tiêu chí như chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, học viên, hệ thống bảo đảm chất lượng nội bộ. Có thể khẳng định, việc thực hiện các quy định pháp luật về kiểm định chất lượng giáo dục đại học tại các học viện quân sự Mỹ được thực hiện nghiêm túc, định kỳ, có sự kết hợp giữa việc giám sát từ Quốc hội Mỹ và các tổ chức kiểm định độc lập. Việc đề cao tính

minh bạch, kỉ luật và trách nhiệm cá nhân là yếu tố bảo đảm pháp luật được ban hành và được thực thi có hiệu quả.

2.4.2. Những giá trị tham khảo đối với Việt Nam

Qua nghiên cứu tình hình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện quân đội ở một số nước trên thế giới như Trung Quốc, Nga, Mỹ, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm có giá trị tham khảo cho Việt Nam trong việc hoàn thiện các quy định về giáo dục đại học cũng như nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, cụ thể như sau:

Một là, hoàn thiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học hiện hành theo hướng bổ sung nội dung các quy định về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội hoặc xây dựng một văn bản pháp luật chuyên biệt cho hệ thống các học viện quân đội. Các quy định pháp luật về giáo dục đại học cần được thiết kế phù hợp với đặc thù của các nhà trường quân đội, phục vụ trực tiếp yêu cầu xây dựng lực lượng, phát triển khoa học quân sự và công nghệ quốc phòng. Hiện nay, được xây dựng chủ yếu để điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong các cơ sở đào tạo dân sự, dẫn đến vẫn có quy định của Luật Giáo dục và Luật Giáo dục đại học hiện hành vẫn chưa phù hợp với đặc thù của tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học trong quân đội, như vấn đề tự chủ đại học, chương trình đào tạo, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục đại học...Điều này dẫn đến khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Bên cạnh đó, các nhà trường quân đội ở Trung Quốc hay Mỹ đều có các quy chế nội bộ cụ thể, chi tiết và chặt chẽ, có tính cường chế pháp lý cao. Do đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần chú ý tới việc rà soát và xây dựng ban hành thống nhất quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động giáo dục học theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, nhằm xây dựng tập trung, thống

nhất các quy phạm pháp luật về giáo dục đại học, tránh chồng chéo, mâu thuẫn. Từ đó tạo cơ sở cho việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng diễn ra thống nhất, hiệu quả và nghiêm túc trong môi trường đặc thù quân sự.

Hai là, qua kinh nghiệm của Mỹ có thể thấy, cần hoàn thiện cơ chế phối hợp và phân định thẩm quyền giữa các cơ quan quản lý một cách rõ ràng và minh bạch, có cơ chế kiểm soát hiệu quả và phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các chủ thể, nhằm hạn chế sự chồng chéo và nâng cao trách nhiệm giải trình. Việc phân cấp quản lý cần gắn với phạm vi, chức năng và năng lực của từng chủ thể, đồng thời đi đôi với trách nhiệm giải trình rõ ràng, xuyên suốt, hạn chế tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc lạm quyền trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Pháp luật vì thế được thực hiện vừa bảo đảm tính thống nhất vừa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Quyền tự chủ ở một số hoạt động như tự chủ trong tổ chức đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, quản lý học viên, nghiên cứu khoa học có thể được trao cho các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trên cơ sở khuôn khổ pháp luật và cơ chế giám sát chặt chẽ thông qua một cơ quan kiểm định độc lập và chịu trách nhiệm giải trình trước cơ quan quản lý và Bộ Quốc phòng.

Ba là, các học viện trong quân đội các nước rất chú trọng tới việc giáo dục, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cũng như trách nhiệm, ý thức tôn trọng pháp luật về giáo dục đại học, đồng thời có năng lực xử lý các tình huống pháp luật trong thực tiễn quân sự. Do vậy, cần đẩy mạnh và đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, kết hợp với việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp, kỷ luật và tinh thần thượng tôn pháp luật cho đội ngũ học viên, nhằm xây dựng và lan tỏa văn hóa thượng tôn pháp luật trong nhà trường quân đội; đồng thời chú trọng hơn nữa tới tính thực tiễn huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và quản lý quân nhân. Bên cạnh đó, tiếp tục xây dựng và đào tạo đội ngũ giảng viên pháp luật trong các học viện thuộc

Bộ Quốc phòng không những giỏi về chuyên môn mà còn năng lực thực hành pháp luật và am hiểu thực tiễn của hoạt động quân sự. Đổi mới phương pháp giảng dạy pháp luật theo hướng tăng cường các hình thức thảo luận, xử lý các tình huống pháp lý thực tiễn, án lệ trong hoạt động quân sự, mô phỏng phiên tòa, từ đó tạo môi trường cho học viên chủ động học tập, tìm hiểu pháp luật, hình thành tư duy phản biện và xử lý tình huống pháp luật độc lập.

Bốn là, bảo đảm nguồn lực cho thực hiện pháp luật về giáo dục đại học như tăng cường ngân sách nhà nước cho các nhà trường quân đội nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng để đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí; đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, cán bộ giáo dục, đặc biệt là đội ngũ giảng viên pháp luật và cán bộ pháp chế chuyên trách. Bên cạnh đó, cần tạo xây dựng những chính sách quan tâm, ưu tiên về chế độ đãi ngộ cho những đối tượng này, đặc biệt là thu hút, phát triển và giữ chân cán bộ tài giỏi. Nâng cao hiệu quả của việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về giáo dục đại học. Bên cạnh đó, theo kinh nghiệm của các nước như Nga, Mỹ, cần thiết lập một cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục đại học độc lập, có thể trực thuộc Bộ Quốc phòng, với một bộ tiêu chí rõ ràng, riêng biệt, phù hợp với tính chất đặc thù của các học viện quân đội.

Năm là, thiết lập cơ chế hợp tác trong nước và quốc tế đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Trong xu thế chung của thời đại về hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, các quốc gia đều coi trọng việc thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục đại học, cũng như học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, thông tin nhằm xây dựng, chuẩn hóa hệ thống pháp luật về giáo dục đại học; đảm bảo tính khả thi của các quy định này ở các cơ sở giáo dục trong quân đội. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học còn tạo điều kiện cho việc tiếp cận với các chuẩn mực chất lượng giáo dục đại học quốc tế và khu vực, tăng cường năng lực ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, từ đó nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Tiểu kết chương 2

Trong chương này, luận án đã xây dựng được khung khái niệm về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trên cơ sở các khái niệm liên quan. Bên cạnh đó, luận án cũng đã có sự phân tích và luận giải vai trò cũng như các đặc điểm cơ bản của quá trình này, xuất phát từ tính đặc thù trong hoạt động giáo dục đại học ở các học viện trong quân đội.

Bên cạnh đó, để có cơ sở cho việc đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong chương 3 của luận án, nghiên cứu sinh đã tập trung phân tích nội dung pháp luật, các hình thức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Đồng thời, tác giả cũng đã có sự nghiên cứu khung pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở một số quốc gia trên thế giới với nền giáo dục quân sự tiên tiến, từ đó đưa ra những sự đối chiếu, so sánh và rút ra được những kinh nghiệm quý báu có giá trị tham khảo cho quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

Chương 3

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

3.1. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

3.1.1. Khái quát về các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam

** Chức năng, nhiệm vụ của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam*

Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là một bộ phận trong hệ thống cơ sở giáo dục đại học của quốc gia, chịu sự quản lý của Bộ Quốc phòng. Chức năng, nhiệm vụ của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được quy định tại Điều 9, Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2016. Theo đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nằm trong hệ thống nhà trường quân đội, “có tư cách pháp nhân, thực hiện nhiệm vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học, xây dựng nhà trường quân đội chính quy, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng” [13]. Cũng theo quy định tại điều này, hoạt động giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được “đặt dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Đảng ủy và Thủ trưởng cấp trên, sự hướng dẫn nghiệp vụ của các cơ quan chức năng và các quy định của pháp luật về giáo dục đại học” [13].

Hệ thống các học viện thuộc Bộ Quốc phòng bao gồm: các học viện trực thuộc Bộ Quốc phòng, gồm 06 học viện (học viện Quốc phòng, học viện Chính trị, học viện Lục quân; học viện Kỹ thuật quân sự, học viện Quân y, học viện Hậu cần) và các học viện trực thuộc các Tổng cục, Quân chủng, Binh chủng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng (học viện Biên phòng, học viện Khoa học quân sự, học viện Hải quân, học viện Phòng không - Không quân). Khác với các trường ngoài quân đội, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, sĩ quan, nhân viên cho toàn quân theo trình độ

học vấn và chức danh với các loại đối tượng, thể hiện mục tiêu kép trong quá trình đào tạo. Về trình độ đào tạo đại học, các học viện đào tạo các trình độ cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ; đào tạo theo nhóm ngành gồm: sĩ quan chỉ huy tham mưu, sĩ quan chính trị, sĩ quan hậu cần, sĩ quan kỹ thuật; sĩ quan chuyên môn khác; đào tạo theo chức vụ gồm: cán bộ cấp chiến thuật; cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược. Mỗi học viện thuộc Bộ Quốc phòng lại có các chức năng, nhiệm vụ cụ thể, theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo của từng nhà trường.

Trong đó, Học viện Quốc phòng là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cao cấp của Đảng, Nhà nước và quân đội, có nhiệm vụ “đào tạo, bồi dưỡng sĩ quan chỉ huy, tham mưu cao cấp, chiến dịch, chiến lược; quân sự địa phương; cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu khoa học quân sự; đào tạo cao học, nghiên cứu sinh về khoa học quân sự theo quy chế văn bằng của Nhà nước; nghiên cứu khoa học quân sự và nghệ thuật quân sự; hợp tác quốc tế về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cao cấp quân sự” [146]. Học viện Lục quân có nhiệm vụ “đào tạo sĩ quan chỉ huy, sĩ quan tham mưu cấp trung đoàn, sư đoàn binh chủng hợp thành và các binh chủng; đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ khoa học quân sự; đào tạo cán bộ giảng dạy chiến thuật binh chủng hợp thành cấp trung đoàn, sư đoàn cho các học viện, trường sĩ quan...” [147]. Học viện Chính trị có nhiệm vụ đào tạo cán bộ chính trị trung đoàn, sư đoàn, đào tạo cao học và nghiên cứu sinh chuyên ngành xã hội và nhân văn; đào tạo vào hoàn chỉnh kiến thức cao cấp lý luận chính trị; bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành công tác đảng, công tác chính trị [148].

Các học viện khác trực thuộc Bộ Quốc phòng đào tạo cán bộ, sĩ quan theo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chức danh đào tạo. Học viện Hậu cần có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan hậu cần cấp phân đội trình độ đại học, sĩ quan hậu cần cấp chiến thuật - chiến dịch theo chức vụ trình độ sau đại học; đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ chuyên ngành hậu cần quân sự và tài chính quân đội; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu [149]. Học viện Kỹ thuật quân sự có nhiệm vụ chính là đào tạo cán bộ kỹ thuật và quản lý kỹ thuật

trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; nghiên cứu khoa học, tư vấn khoa học kỹ thuật, triển khai dịch vụ khoa học công nghệ... phục vụ quốc phòng, an ninh và kinh tế xã hội [150]. Học viện Quân y là cơ sở đào tạo bác sĩ, dược sĩ trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ phục vụ cho quân đội; là trung tâm nghiên cứu y học quân sự [151].

Ngoài ra, các học viện thuộc quyền quản lý của các tổng cục, quân chủng, binh chủng có những nhiệm vụ theo mục tiêu đào tạo, như: Học viện Hải quân (trực thuộc Quân chủng Hải quân) có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan chỉ huy kỹ thuật hải quân trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [152]; Học viện Biên phòng (trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) có nhiệm vụ đào tạo cán bộ biên phòng trình độ đại học, sau đại học [153]; Học viện Khoa học quân sự (trực thuộc Tổng cục II) có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan ngoại ngữ, khoa học quân sự, trinh sát kỹ thuật, quan hệ quốc tế trình độ đại học và sau đại học [154]; Học viện Phòng không – Không quân (trực thuộc Quân chủng Phòng không – Không quân) có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu phòng không-không quân bậc đại học, kỹ sư hàng không và đào tạo sau đại học [155].

** Cơ cấu tổ chức của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng*

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tổ chức và hoạt động theo những quy định của Bộ Quốc phòng, nhằm phù hợp với đặc thù là đơn vị quân đội. Về mô hình tổ chức, theo Điều lệ công tác Nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2016, cơ cấu tổ chức của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được quy định cụ thể như sau: Ban giám đốc; cơ quan quản lý giáo dục, đào tạo; các Khoa – Bộ môn; Đơn vị quản lý học viên; các cơ quan, đơn vị, cơ sở phục vụ giáo dục, đào tạo. Ban giám đốc có số lượng từ 5 – 7 đồng chí, được biên chế thành giám đốc, chính ủy, các phó giám đốc và phó chính ủy. Về cơ bản, các cơ quan quản lý về giáo dục, đào tạo bao gồm các phòng đào tạo, phòng chính trị, phòng hậu cần - kỹ thuật, phòng khoa học quân sự, phòng (ban) khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục; riêng Học viện Quốc phòng có các cục thay cho các phòng. Ngoài ra,

một số học viện có các đơn vị trực thuộc, như Bệnh viện Quân y 103, Viện bỏng Quốc gia Lê Hữu Trác, Viện Mô phôi lâm sàng Quân đội, Viện Nghiên cứu và đào tạo Dược.... trực thuộc Học viện Quân y, với chức năng điều trị và nghiên cứu. Các khoa giáo viên gồm: các khoa (bộ môn) khoa học cơ bản, khoa (bộ môn) khoa học cơ sở, khoa (bộ môn) khoa học chuyên ngành với cơ cấu tổ chức gồm chỉ huy khoa (bộ môn) và đội ngũ giảng viên. Các đơn vị quản lý học viên gồm các hệ, tiểu đoàn, được biên chế thành các đại đội, trung đội, tiểu đội. Bên cạnh cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ Công tác nhà trường quân đội năm 2016, hội đồng quân nhân được thiết lập ở các phòng, khoa, các đơn vị quản lý học viên và các tổ chức quần chúng trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng như đoàn thanh niên, công đoàn, hội phụ nữ cũng được thành lập ở các đơn vị cơ sở.

Như vậy, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tổ chức thống nhất, chặt chẽ và ổn định, với các cấp học, bậc học, ngành học phù hợp với nhu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ cho quân đội. Những quy định chặt chẽ trong tổ chức và hoạt động của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là yếu tố thuận lợi để hiện thực hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về giáo dục đại học, bảo đảm tính thống nhất của hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.

3.1.2. Đặc điểm, tình hình đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục vừa là chủ thể tham mưu, xây dựng các quy định pháp luật về giáo dục đại học, vừa là lực lượng trực tiếp tham gia thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, đưa pháp luật vào cuộc sống. Do vậy, cơ cấu, trình độ, ý thức trách nhiệm của đội ngũ này có ảnh hưởng nhiều tới hiệu quả triển khai và khả năng thực thi các quy định pháp luật về giáo dục đại học. Hiện nay, hầu hết các giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đều được tuyển chọn, đào

tạo cơ bản; đáp ứng đầy đủ yêu cầu về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn nhằm thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Do đó, các chủ thể này đa phần có trình độ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm, hiểu biết pháp luật, là tấm gương trong chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội, duy trì nghiêm nền nếp chính quy, rèn luyện kỷ luật trong đơn vị. Đây là những cơ sở, tiền đề quan trọng giúp cho quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện được diễn ra thuận lợi, đạt kết quả tốt.

Về số lượng, tính đến hết năm học 2024 - 2025, ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, số lượng giảng viên hiện có là 3975 đồng chí, trong đó có 7 giáo sư, 208 phó giáo sư, 1246 tiến sĩ, 2021 thạc sĩ, 490 trình độ đại học, 49 đồng chí đã qua chiến đấu, 1301 đồng chí đã thực tế cấp trung đoàn trở lên [Phụ lục 1]; số lượng cán bộ quản lý giáo dục hiện có là 2025 đồng chí, trong đó có 10 giáo sư, 114 phó giáo sư, 307 tiến sĩ, 697 thạc sĩ, 1027 trình độ đại học, 8 trình độ cao đẳng, 6 trình độ trung cấp, 22 đồng chí đã qua chiến đấu, 440 đồng chí đã thực tế cấp trung đoàn trở lên [Phụ lục 2]. Có thể thấy rằng, với 3482 giảng viên (chiếm 87,6%) và 1128 cán bộ quản lý giáo dục (chiếm 55,7%) có trình độ từ thạc sĩ trở lên, trong đó giảng viên có trình độ tiến sĩ là 31,92% đã đáp ứng cơ bản yêu cầu pháp luật về tiêu chuẩn giảng viên của chuẩn cơ sở giáo dục đại học [11].

Tuy nhiên, tỉ lệ giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư chỉ chiếm 5,5%, có thể ảnh hưởng tới hiệu quả thực hiện các quy định pháp luật về đào tạo chương trình chất lượng cao và nghiên cứu khoa học. Một vấn đề đáng quan tâm là còn tới 1041 cán bộ quản lý giáo dục có trình độ từ đại học trở xuống, chiếm 51,4% tổng số, có thể gây ảnh hưởng tới năng lực quản lý chuyên môn, đặc biệt trong việc triển khai các quy định của pháp luật về giáo dục đại học trong thực tiễn quân sự. Bên cạnh đó, tỉ lệ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục đã qua chiến đấu và có kinh nghiệm thực tế cấp trung đoàn trở lên mặc dù đã tăng lên về số lượng qua các năm học, nhưng chỉ chiếm 34,6% đối với giảng viên và 22,81% đối với cán bộ quản lý giáo dục, đã đặt ra những

thách thức trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của pháp luật. Theo mục tiêu của Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”, ban hành kèm theo Quyết định số 3525/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 3/8/2023, đến hết năm 2025, tỉ lệ giảng viên qua cương vị chỉ huy, quản lý đơn vị là trên 50%. Ngoài ra, thiếu kinh nghiệm thực tiễn có thể gây khó khăn trong việc hiểu và vận dụng các quy định của pháp luật về giáo dục đại học vào từng tình huống cụ thể, cũng như làm giảm chất lượng trong việc phản hồi, góp ý để hoàn thiện các quy định pháp luật cho phù hợp với thực tiễn.

Bên cạnh đó, ý thức trách nhiệm của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có ảnh hưởng sâu sắc tới chất lượng và hiệu quả của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Điều này thể hiện ở sự nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng và sự tác động của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học đối với chất lượng giáo dục đào tạo. Nếu đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục giữ chức vụ từ lãnh đạo chỉ huy tới mỗi giảng viên có ý thức trách nhiệm cao sẽ là động lực để nghiên cứu sâu, hiểu đúng các quy định pháp luật về giáo dục đại học, từ đó xây dựng các cơ chế, quy trình nội bộ phù hợp và đồng bộ.

Ngoài ra, họ sẽ có những hành vi tích cực, không chỉ dừng ở việc rèn luyện lối sống tuân thủ pháp luật mà còn chủ động tìm hiểu, cập nhật và triển khai các quy định mới một cách kịp thời, đồng bộ và ít sai sót, không chỉ tiết kiệm chi phí, thời gian mà còn tránh được những rủi ro pháp lý có thể phát sinh. Từ đó góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Ngược lại, nếu các chủ thể trên thiếu đi ý thức trách nhiệm trong hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học thì sẽ làm cho quá trình này chỉ mang tính chất hình thức, hiệu quả không cao, quyền và lợi ích chính đáng của các chủ thể sẽ không được bảo vệ.

3.1.3. Đặc điểm tình hình và phương thức quản lý đội ngũ học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Đội ngũ học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tuyển chọn từ nhiều nguồn khác nhau, có thể là học viên quân sự (cán bộ, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, học sinh....), học viên dân sự hoặc học viên nước ngoài. Họ phải đáp ứng được những tiêu chuẩn về sức khỏe, phẩm chất chính trị, trình độ học vấn phù hợp với quy định của Bộ Quốc phòng và của từng học viện. Phần lớn học viên đều xác định rõ xu hướng nghề nghiệp với mục tiêu phục vụ trong quân đội, có tính ràng buộc cao về nghĩa vụ sau khi tốt nghiệp. Điều này tạo động lực cho sự hình thành tính tự giác, thái độ nghiêm túc và bền bỉ trong việc thực hiện các quy chế, quy định, từ đó tác động tích cực đến quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Ngoài ra, học viên được học tập, sinh hoạt trong môi trường tập thể quân nhân, biên chế thành các đại đội, mỗi đại đội được chia thành trung đội và tiểu đội, chịu sự quản lý của đội ngũ cán bộ chuyên trách. Tất cả đều được duy trì theo đúng điều lệnh, điều lệ quân đội, mỗi chủ thể phải thực hiện các chế độ quy định trong ngày, trong tuần với các quy định chuẩn mực của người quân nhân cách mạng và các chế độ trực ban, trực chiến, tuần tra, canh gác. Vì thế, đa phần học viên có ý chí kỉ luật cao, dễ dàng hình thành tinh thần đoàn kết, phối hợp trong việc thực hiện các quy định pháp luật. Những đặc điểm này đã tạo ra một môi trường thuận lợi đặc biệt cho việc thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học một cách nghiêm túc và nhất quán, giảm thiểu các vi phạm và tạo nên tính bền vững của quá trình này.

Tuy nhiên, phần lớn học viên đang học tập tại các học viện quân đội xuất thân từ nhiều địa phương, vùng miền giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nên tư tưởng, nhận thức, tư duy của họ chịu ít nhiều ảnh hưởng của phong tục, tập quán, lối sống của vùng miền, dân tộc mà gia đình sinh sống. Do đó, họ có những hiểu biết, cách tiếp cận khác nhau đối với các quy định của pháp

luật, tạo ra những rào cản trong việc bảo đảm tính thống nhất khi thực hiện. Mặt khác, đa số học viên tuổi đời còn trẻ, vốn sống, kinh nghiệm thực tiễn còn có phần hạn chế, ý thức pháp luật còn chưa vững chắc, dễ chịu sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường, những tiêu cực và tệ nạn xã hội...Điều này sẽ dẫn tới những hành vi bột phát, dễ vi phạm pháp luật, tạo ra những khó khăn nhất định trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

3.1.4. Tác động của xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, các yếu tố môi trường bên ngoài đã tạo ra những tác động mạnh mẽ và đa chiều tới việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Sự hợp tác song phương và đa phương trong lĩnh vực giáo dục đại học đòi hỏi các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải thực hiện đồng bộ các quy định khác nhau, vừa phải tuân thủ các quy định pháp luật trong nước, vừa phải đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về giáo dục đại học.

Không những thế, xu hướng toàn cầu hóa về giáo dục đại học đặt ra áp lực phải điều chỉnh khung pháp lý hiện hành để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về chất lượng giáo dục đại học. Điều này đã làm cho các chủ thể thực hiện pháp luật, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, không những phải nắm vững các quy định pháp luật về giáo dục đại học của Việt Nam mà còn phải cập nhật các quy định pháp luật quốc tế liên tục để có thể thực hiện nhanh chóng, linh hoạt và hiệu quả. Ngoài ra, việc mở rộng quyền tự chủ cho các cơ sở đại học trên thế giới đã đặt ra những thách thức trong việc thay đổi các quy định pháp luật về giáo dục đại học cũng như quá trình thực hiện ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nhằm bảo đảm sự cân bằng giữa quyền tự chủ và đặc thù của các nhà trường quân đội.

Bên cạnh đó, quá trình hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu khách quan phải nâng cao chất lượng nguồn cán bộ trong toàn quân, nhằm xây

dựng và phát triển quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”, đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Áp lực đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo đòi hỏi các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải thực hiện hiệu quả và nghiêm túc các quy định pháp luật về giáo dục đại học, đặc biệt là các quy định về chuẩn đầu ra và quy trình kiểm định chất lượng. Bên cạnh đó, để đáp ứng yêu cầu tinh gọn đòi hỏi phải tối ưu hóa quy mô đào tạo, ảnh hưởng trực tiếp việc thực hiện các quy định pháp luật về cơ cấu tổ chức hay tuyển sinh. Ngoài ra, nhu cầu nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên phù hợp với sự phát triển của công nghệ mới đòi hỏi các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải thực hiện hiệu quả các quy định về phát triển nguồn nhân lực.

Tuy nhiên, hợp tác quốc tế cũng mang lại cho các học viện thuộc Bộ Quốc phòng những cơ hội học hỏi kinh nghiệm quốc tế để nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thể nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm của các học viện quân sự nước ngoài về cách thức xây dựng và thực hiện những quy định nội bộ về giáo dục đại học; các cơ chế giám sát và ứng dụng mạnh mẽ thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong theo dõi và kiểm tra việc tuân thủ pháp luật một cách có hệ thống, giúp việc thực hiện pháp luật được chủ động và hiệu quả hơn. Hoặc thông qua việc hợp tác quốc tế, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thể học hỏi những phương thức đào tạo cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên có năng lực thực hiện pháp luật trong môi trường quân sự và quốc tế hoặc mô hình phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan và các cấp trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

Trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, mỗi nhóm quy định pháp luật sẽ được thực hiện dưới

các hình thức khác nhau, tùy thuộc vào nội dung và địa vị pháp lý của chủ thể trong mỗi quan hệ pháp luật cụ thể. Do đó, trên cơ sở lý luận về các hình thức thực hiện pháp luật, tác giả sẽ tập trung đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng theo từng hình thức thực hiện điển hình tương ứng với từng nhóm nội dung pháp luật.

Bên cạnh đó, đối với thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, tác giả chủ yếu đánh giá ưu điểm và hạn chế trong thực hiện các quy định của Luật Giáo dục đại học năm 2012, sửa đổi, bổ sung năm 2018 và Luật Giáo dục năm 2019. Đối với Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục sửa đổi năm 2025 mới được ban hành và có hiệu lực thi từ 1/1/2026, việc thực hiện pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay đang ở giai đoạn chuẩn bị triển khai và hoàn thiện các điều kiện pháp lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, cơ sở vật chất cần thiết cho thực hiện pháp luật.

Trên cơ sở các quy định mới, Bộ Quốc phòng và các cơ quan có thẩm quyền, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đang tiến hành rà soát, đối chiếu với các quy định hiện hành nhằm bảo đảm sự phù hợp với khuôn khổ pháp luật mới, đồng thời chuẩn bị xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành hoặc ban hành các văn bản hướng dẫn, nhằm triển khai thống nhất, đầy đủ các quy định pháp luật mới trong thời gian tới. Bên cạnh đó, việc quán triệt, phổ biến nội dung của các quy định pháp luật mới về giáo dục đại học cũng đang được triển khai trong toàn quân và từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng, bước đầu tác động đến nhận thức của các chủ thể, sẵn sàng thực hiện thống nhất và hiệu quả các quy định Luật Giáo dục đại học năm 2025 trong thực tiễn.

3.2.1. Ưu điểm trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam và nguyên nhân

3.2.1.1. Ưu điểm trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam

Thứ nhất, ưu điểm trong thực hiện pháp luật về cơ cấu tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Trong thực hiện pháp luật về cơ cấu tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, tác giả lựa chọn khảo sát hai hình thức thực hiện điển hình là chấp hành pháp luật và áp dụng pháp luật nhằm phù hợp giữa lý luận và thực tiễn. Áp dụng pháp luật giữ vai trò quyết định trong việc cụ thể hóa các quy phạm pháp luật thành các quyết định có thẩm quyền về tổ chức, phân định chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đó, chấp hành pháp luật phản ánh mức độ thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của các chủ thể, thể hiện hiệu quả của pháp luật trong thực tiễn.

Một là, việc chấp hành các quy định pháp luật về tổ chức và quản trị ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được diễn ra nghiêm túc, thống nhất, đúng pháp luật.

Những năm qua, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng về tổ chức bộ máy, gắn với việc kiện toàn cơ cấu tổ chức với yêu cầu “tinh, gọn, mạnh”, đặc biệt là các hướng dẫn của Bộ Quốc phòng về biểu tổ chức biên chế theo tinh thần Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/4/2022 của Quân ủy Trung ương; Kế hoạch số 1228/KH-Bộ Quốc phòng ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng “về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và những năm tiếp theo”. Nhờ vậy, việc thực hiện các quy định về sắp xếp, tổ chức bộ máy ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được diễn ra nghiêm túc, đúng pháp luật, hợp lý. Đánh giá về hiệu quả thực hiện pháp luật về tổ chức và quản trị ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, trong Báo cáo của Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng Tham mưu đã khẳng định: “Đến nay, hệ thống các nhà trường quân đội được tổ chức phù hợp; trong từng nhà trường không còn chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, khoa giáo viên” [29].

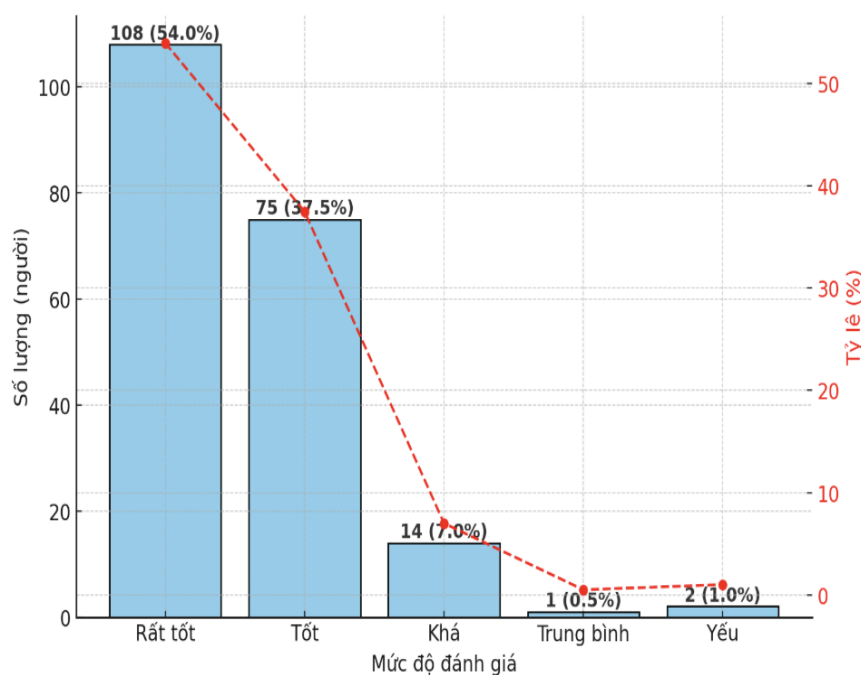
Qua đó bảo đảm sự vận hành ổn định trong tổ chức của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng và phát huy hiệu quả của pháp luật trong quản trị nhà trường.

Cụ thể, bộ máy tổ chức của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được xây dựng theo hướng tinh gọn, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, nâng cao chất lượng hoạt động. Đồng thời, một số nhà trường được quy hoạch phát triển theo hướng hiện đại, đáp ứng quy mô, nhiệm vụ đào tạo trong thời kỳ mới. Trong đó, Học viện Quân y và Học viện Kỹ thuật Quân sự được định hướng xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia; Học viện Kỹ thuật Quân sự được Bộ Quốc phòng thí điểm đầu tư xây dựng theo mô hình “Nhà trường thông minh, tiếp cận Cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0”.

Mặt khác, các quy định của pháp luật về giáo dục đại học, đặc biệt là các quy định pháp luật mới như Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Giáo dục năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) hay các văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức, biên chế, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều được quán triệt đầy đủ, kịp thời tới tất cả các đối tượng. Trên cơ sở đó, mỗi cán bộ, học viên đều nhận thức rõ ràng nghĩa vụ, trách nhiệm của mình, tích cực, chủ động trong thực hiện các quy định của pháp luật.

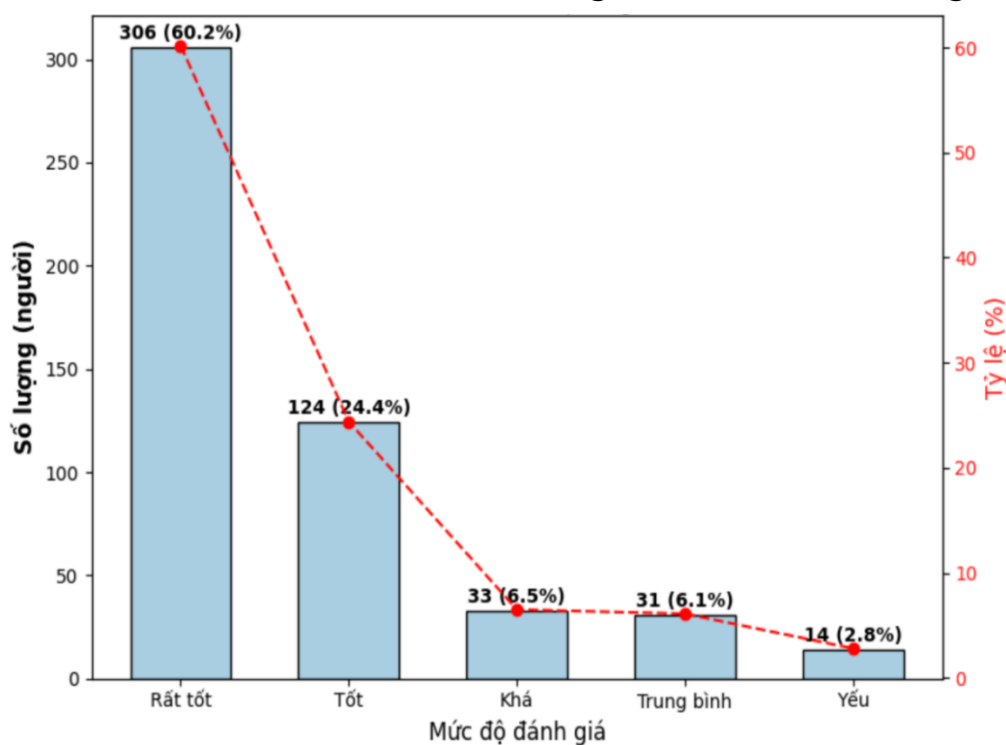
Đánh giá tình hình chấp hành pháp luật về giáo dục đại học trong tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, trên cơ sở khảo sát, thu thập số liệu từ các phiếu điều tra xã hội học ở 4 học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đa số cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên đánh giá mức độ chấp hành pháp luật ở mức độ “Rất tốt” với 108 ý kiến (54%), và “Tốt” với 75 ý kiến (37.5%). Bên cạnh đó, theo khảo sát ý kiến học viên, tỷ lệ đánh giá theo các mức độ “Rất tốt” và “Tốt” cũng rất cao, với 306 ý kiến lựa chọn “Rất tốt” (60,2%) và 124 ý kiến lựa chọn “Tốt” (24,4%); được minh họa bằng biểu đồ dưới đây. Kết quả này phản ánh rằng, trong phạm vi các nhà trường được khảo sát, việc chấp hành pháp luật về tổ chức và quản trị nhìn chung được thực hiện nghiêm túc,

có hiệu quả, góp phần bảo đảm sự ổn định trong tổ chức bộ máy và thực hiện nhiệm vụ, chức năng của từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng.



Biểu đồ 3.1. Đánh giá của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục về mức độ chấp hành pháp luật về giáo dục đại học trong tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án



Biểu đồ 3.2. Đánh giá của học viên về mức độ chấp hành pháp luật về giáo dục đại học trong tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Hai là, áp dụng pháp luật về tổ chức và quản trị ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện tương đối kịp thời, thống nhất, đúng thẩm quyền, qua đó bảo đảm sự đồng bộ giữa quy định pháp luật và thực tiễn.

Trong quá trình triển khai các quy định của pháp luật về giáo dục đại học về tổ chức và quản trị, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng đã tập trung ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các học viện thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy, điều chỉnh mô hình quản lý và quản trị nhà trường theo yêu cầu nhiệm vụ giáo dục đào tạo và xây dựng quân đội theo từng giai đoạn, từng năm học. Trên cơ sở đó, lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành các quy chế, quy định về tổ chức và quản trị trong phạm vi thẩm quyền, phù hợp với mô hình tổ chức chung của các nhà trường quân đội và chức năng, nhiệm vụ của từng học viện. Kết quả, cơ cấu tổ chức của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tương đối ổn định, chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị rõ ràng, làm cơ sở cho sự vận hành thống nhất các quy chế quản lý, quản trị nội bộ phục vụ hoạt động giáo dục đại học của từng nhà trường.

Cụ thể, với mục tiêu sắp xếp bộ máy theo hướng tinh, gọn, mạnh, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã tổ chức rà soát, đề xuất, điều chỉnh tổ chức biên chế, thành lập mới, sáp nhập, giải thể các cơ quan, khoa giáo viên đảm bảo chặt chẽ, khách quan, đúng pháp luật. Việc tuyển dụng, luân chuyển, điều động cán bộ, giảng viên bảo đảm yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng học viện, bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, công bằng, tăng cường đi thực tế ở các đơn vị để nắm vững thực tiễn về giảng dạy tốt hơn. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ,

phẩm chất chính trị vững vàng. Nổi bật là Học viện Kỹ thuật quân sự đã chủ động xây dựng đề án phát triển thành trường đại học nghiên cứu hàng đầu vào năm 2030, tầm nhìn đến 2045 lọt vào top 500 các trường đại học tiên tiến trên thế giới, tổ chức triển khai thực hiện theo từng tiêu chí đã được xây dựng theo lộ trình, có trọng tâm, trọng điểm nhằm đạt được kết quả tốt nhất.

Ngoài ra, trong thực hiện pháp luật về tổ chức và quản trị ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tăng cường, kiểm tra giám sát, tổ chức sơ kết, tổng kết nhằm nắm bắt tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong từng năm học nhằm phát hiện những vướng mắc, khó khăn của mỗi nhà trường trong quá trình áp dụng pháp luật để có ý kiến chỉ đạo kịp thời. Qua số liệu tổng hợp kết quả điều tra xã hội học khảo sát ý kiến về đánh giá mức độ áp dụng pháp luật về giáo dục đại học trong tổ chức và quản trị ở 4 học viện thuộc Bộ Quốc phòng cho thấy, có 89 (44.5%) cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên và 283 (55,7%) ý kiến học viên được hỏi đánh giá rất tốt; 96 (48%) cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên và 148 (29.1%) học viên được hỏi đánh giá tốt [Phụ lục 7,9]. Như vậy, trên cơ sở khảo sát ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng, việc áp dụng các quy định pháp luật về tổ chức và quản trị nhìn chung được các chủ thể đánh giá nghiêm túc, hiệu quả và đúng thẩm quyền.

Thứ hai, ưu điểm trong thực hiện pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học

Một là, việc tuân thủ pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học được thực hiện tương đối nghiêm túc, đảm bảo cho hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng diễn ra thống nhất, phát huy tốt vai trò của từng chủ thể.

Trong tuyên truyền các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn chú trọng

đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục các quy định pháp luật trong đơn vị. Theo khảo sát, có đến 91,5% cán bộ, giảng viên và 89% học viên được khảo sát tại 4 học viện thuộc Bộ Quốc phòng được lựa chọn đã đánh giá hoạt động này được thực hiện thường xuyên ở đơn vị mình [Phụ lục 7,9]. Từ kết quả khảo sát có thể khẳng định rằng, phổ biến giáo dục pháp luật về giáo dục đại học không mang tính hình thức hay nhất thời mà được thực hiện tương đối ổn định tại các nhà trường được nghiên cứu.

Bên cạnh đó, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học được tiến hành với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, như lồng ghép phổ biến các nội dung pháp luật trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn, các bài giảng của giảng viên; xây dựng tủ sách pháp luật tại các đơn vị quản lý học viên; đăng tải lên các trang thông tin nội bộ; tổ chức các buổi tọa đàm, đối thoại, hội thi tìm hiểu pháp luật... Trong quá trình phổ biến, đội ngũ báo cáo viên pháp luật, giảng viên đều lựa chọn những nội dung trọng tâm, gắn với chức trách, nhiệm vụ của từng cơ quan, cá nhân ở mỗi nhà trường. Từ đó đã tạo chuyển biến tích cực trong ý thức của các chủ thể đối với yêu cầu tuân thủ pháp luật và các hành vi không được phép thực hiện trong giáo dục đại học.

Hai là, các chủ thể luôn tự giác, nghiêm túc trong việc không thực hiện những hành vi bị pháp luật cấm, đồng thời có những hành vi pháp luật tích cực trong quá trình quản lý, giảng dạy và học tập, qua đó hạn chế hành vi vi phạm và bảo đảm hoạt động giáo dục đại học diễn ra thống nhất, kỷ cương và nề nếp. Theo Báo cáo tổng kết năm học từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2024 – 2025 của Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng Tham mưu cho thấy, tỷ lệ vi phạm kỷ luật và mất an toàn trong huấn luyện ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng qua các năm rất ít, chỉ chiếm dưới 5% so với tổng số vụ việc vi phạm pháp luật, kỷ luật của toàn quân [Phụ lục 3]. Đồng thời, cũng theo khảo sát ý kiến về mức độ tuân thủ pháp luật ở các học viện được lựa

chọn nghiên cứu, tỷ lệ đánh giá “Rất tốt” và “Tốt” là rất cao, với 95,5% cán bộ, giảng viên và 86,2% học viên [Phụ lục 7,9]. Qua đó, có thể thấy rằng, đa phần các chủ thể ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã được tiếp cận, nhận thức đầy đủ và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật về đội ngũ giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học.

Hai là, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã thể hiện nhiều ưu điểm nổi bật trong việc chấp hành pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học

Các chủ thể đều thể hiện được tinh thần trách nhiệm cao khi thực hiện nghĩa vụ của mình trong quá trình tiến hành các hoạt động giáo dục đại học. Đa số các giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đều thực hiện nghiêm túc các nghĩa vụ trong đào tạo và đối với học viên như giảng dạy đúng kế hoạch, quy chế, quy định, đáp ứng yêu cầu về thời gian, tiến độ, nội dung, chương trình đào tạo; tôn trọng nhân cách, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của học viên; tổ chức kiểm tra, thi chặt chẽ, đánh giá kết quả học tập của học viên khách quan, công bằng, đúng quy định. Nghĩa vụ thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng được phần lớn các giảng viên chấp hành tích cực. Mỗi giảng viên đều gương mẫu trong lời nói, hành động, thực hiện nghiêm pháp luật Nhà nước, kỉ luật quân đội, quy chế, quy định của đơn vị, là tấm gương cho học viên noi theo. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục cũng đã nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ đã được quy định, bảo đảm cho hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được diễn ra nghiêm túc, đúng pháp luật.

Mặt khác, nghĩa vụ chấp hành nghiêm pháp luật về giáo dục đại học, điều lệnh, điều lệ của quân đội và các quy chế, quy định của nhà trường liên quan đến nghĩa vụ của người học đã được đa số học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chấp hành tốt. Đồng thời, đội ngũ này còn tích cực tìm hiểu những quy định của pháp luật về giáo dục đại học, phối hợp với đội ngũ cán

bộ quản lý và giảng viên trong việc duy trì kỉ luật, xây dựng môi trường giáo dục đại học kỷ cương, văn minh.

Đánh giá về vấn đề này, qua ý kiến khảo sát ở 4 học viện thuộc Bộ Quốc phòng, có 85,5% đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục cho rằng, đội ngũ học viên đã thể hiện thái độ rất tích cực và tích cực trong tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về giáo dục đại học [Phụ lục 7]. Đồng thời, đa số chủ thể được khảo sát có sự đánh giá cao về mức độ chấp hành các nghĩa vụ của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục và người học, với 96,5% ý kiến cán bộ, giảng viên; 85,1% ý kiến học viên đánh giá “Rất tốt” và “Tốt” [Phụ lục 7,9]. Đây là minh chứng cho thấy, cùng với việc tuân thủ các quy định của pháp luật về giáo dục đại học, đội ngũ giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn tự giác, nghiêm túc chấp hành các nghĩa vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

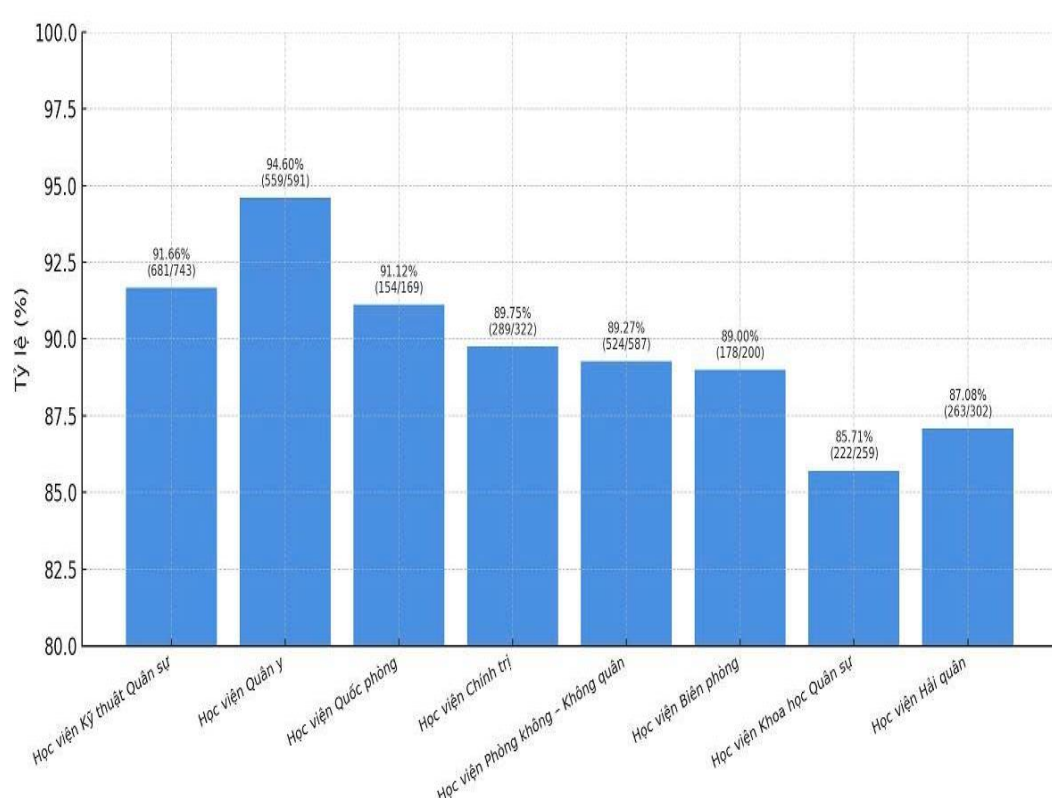
Ba là, sử dụng các quy định pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học đã đạt được những kết quả tích cực, bảo đảm hài hòa giữa quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia và đặc thù quân sự.

Trong quá trình triển khai các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nhờ làm tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học và học viên đều được tiếp cận và hưởng thụ các quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo chức trách, nhiệm vụ được giao. Đối với đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục được các học viện thuộc Bộ Quốc phòng từng bước khai thác và sử dụng các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách đãi ngộ theo quy định pháp luật, nhằm phục vụ hoạt động quản lý, học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Đội ngũ cán bộ, giảng viên đều được tạo điều kiện để hưởng thụ các quyền về nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa

học, kiến thức thực tiễn, trình độ ngoại ngữ, tin học từng bước đạt chuẩn theo quy định.

Kết quả, nhờ việc thực hiện đồng bộ chính sách, pháp luật, đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã có sự phát triển toàn diện cả về số lượng và chất lượng. Số lượng giảng viên có trình độ thạc sĩ ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tăng từ 1813/3785 (47,9%) năm học 2018 - 2019 lên 2021/3975 (50,84 %) ở năm học 2024 - 2025; trình độ tiến sĩ tăng từ 919/3785 (24,3%) lên 1246/3975 (31,35%). Số lượng cán bộ quản lý giáo dục có trình độ thạc sĩ tăng từ 562/1887 (29,78%) năm học 2018 – 2019 lên 697/2025 (34,42%) năm học 2024-2025; trình độ tiến sĩ tăng từ 208/1887 (11,02%) lên 307/2025 (15,16%) [24, 29].

Đặc biệt, đa số các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có tỷ lệ giảng viên có trình độ sau đại học trong năm học 2024 – 2025 cao hơn mục tiêu của Đề án “nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030” (Ban hành kèm theo Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ) đặt ra là Học viện Kỹ thuật quân sự: 681/743 (91,66%); Học viện Quân y: 559/591 (94,6%); Học viện Quốc phòng 154/169 (91,12%); Học viện Chính trị: 289/322 (89,75%); Học viện Phòng không – Không quân: 524/587 (89,27%); Học viện Biên phòng 178/200 (89%), Học viện Khoa học quân sự: 222/259 (85,71%), Học viện Hải quân: 263/302 (87,08%) [Phụ lục 1,2], được thể hiện thông qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ đội ngũ giảng viên có trình độ sau đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng năm học 2024 – 2025, so sánh với mục tiêu của Đề án 89/QĐ-TTg là 80% giảng viên các trường đại học đạt trình độ thạc sĩ trở lên. [Phụ lục 1]

Bên cạnh đó, đội ngũ học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã được tạo điều kiện trong việc hưởng thụ các quyền của mình theo quy định của pháp luật trong quá trình học tập ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Nhờ việc được tiếp cận với các quy định pháp luật về giáo dục đại học, học viên đã tích cực chủ động sử dụng các quyền của mình trong học tập như đề xuất ý kiến đối với công tác đào tạo, phương pháp dạy học của giảng viên, đánh giá kết quả học tập, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho học viên, đề đạt nguyện vọng bố trí công tác sau khi tốt nghiệp...Việc thực hiện các quyền lợi khác được pháp luật bảo đảm như quyền được tham gia nghiên cứu khoa học; phong trào, hội thi, hội thao cũng được nhiều học viên quan tâm và sử dụng hiệu quả, theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định.

Trong khuôn khổ điều lệnh và kỉ luật quân đội, việc các chủ thể sử dụng pháp luật đã góp phần chuyển hóa các quyền được pháp luật ghi nhận thành các hành vi tích cực trong thực tiễn, từng bước hình thành thói quen sử dụng pháp luật như một công cụ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Qua đó góp phần bảo đảm tính pháp chế trong hoạt động giáo dục đại học, đồng thời tạo điều kiện cho mỗi chủ thể phát huy được năng lực, sở trường của mình trong quá trình công tác, học tập ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Bốn là, việc áp dụng pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện tương đối kịp thời, thống nhất và đúng thẩm quyền.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học, thủ trưởng Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng đã tập trung chỉ đạo, ban hành các quyết định, hướng dẫn cụ thể cho các học viện thuộc Bộ Quốc phòng về đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục đạt chuẩn theo quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Theo Báo cáo tổng kết năm học từ 2018 – 2019 đến 2024 – 2025, Bộ Quốc phòng đã tổ chức cho 226 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở giáo dục đại học khác trong toàn quân về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo [24,25,26,27,28,29].

Trên cơ sở đó, lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn quan tâm, kịp thời ban hành những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về việc xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên, thực hiện hiệu quả Quyết định số 89/QĐ – TTg ngày 18/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 – 2030” và Đề án “xây dựng đội ngũ

nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội đáp ứng với yêu cầu tổ chức căn bản toàn diện giáo dục, đào tạo giai đoạn 2021 – 2030”.

Căn cứ vào tổ chức biên chế và nhiệm vụ của đơn vị trong từng năm học, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành các quyết định cá biệt liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên đảm bảo có chất lượng toàn diện, cơ cấu hợp lý. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên được thực hiện nghiêm túc, công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn liên quan. Các tiêu chí về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn được đánh giá khách quan và toàn diện. Đồng thời, hướng dẫn, tổ chức xét và công nhận các chức danh Giáo sư, Phó giáo sư, Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo ưu tú và chức danh sĩ quan chuyên môn - kỹ thuật - nghiệp vụ đảm bảo chặt chẽ, đúng đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, quy định, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên.

Mặt khác, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn chú trọng bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, các quy định về đãi ngộ đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, thực hiện các mức hỗ trợ cho nhà giáo có học vị tiến sĩ, chức danh giáo sư, phó giáo sư theo đúng Quyết định số 1487/QĐ-BQP ngày 5/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về “việc hỗ trợ đối với giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ trực tiếp nghiên cứu, giảng dạy tại các học viện, nhà trường trong Bộ Quốc phòng”; kịp thời đề xuất nâng hỗ trợ chi phí cho các nhà giáo phấn đấu đạt trình độ sau đại học, các chức danh và danh hiệu, tạo động lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục phấn đấu và cống hiến, tham gia các hoạt động xây dựng nhà trường. Đồng thời, thường xuyên chăm lo, đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, ưu tiên bố trí nhà ở công vụ, tạo điều kiện, môi trường làm việc thuận

lợi cho đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, nhằm thu hút cán bộ có kinh nghiệm và năng lực sư phạm về nhà trường công tác.

Cùng với đó, lãnh đạo, chỉ huy các các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn chủ động ban hành các quy định hướng dẫn, triển khai chính sách, quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng về tiếp nhận, quản lý, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện, chế độ đối với học viên, chỉ đạo sâu sát các hệ quản lý học viên trong việc chăm lo đời sống bộ đội, xây dựng môi trường giáo dục đào tạo chuẩn mực trong mỗi nhà trường để học viên có điều kiện thuận lợi nhất trong việc học tập, tham gia hoạt động phong trào, hội thi, hội thao và xây dựng nhà trường.

Mặt khác, trên quy định Luật Thi đua khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành của các Bộ, ngành liên quan, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã kịp thời ban hành các văn bản cụ thể hóa đối với từng đối tượng để kịp thời khen thưởng, tôn vinh những giảng viên, cán bộ, học viên có thành tích xuất sắc, tạo động lực cho những chủ thể này tự phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện. Do đó, trong phạm vi khảo sát tại 4 học viện thuộc Bộ Quốc phòng về mức độ áp dụng pháp luật, có 83,5% ý kiến của cán bộ, giảng viên và 83,8% ý kiến học viên đánh giá “rất tốt” và “tốt” [Phụ lục 7,9], thể hiện sự đánh giá tích cực đối với hình thức này. Đây là minh chứng cho thấy, việc áp dụng pháp luật đã góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Thứ ba, ưu điểm trong thực hiện pháp luật về hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Trong đánh giá thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, luận án lựa chọn chấp hành và áp dụng pháp luật là hai hình thức trọng tâm, phù hợp với nội dung các quy định pháp luật điều chỉnh và thực tiễn. Chấp hành pháp luật phản ánh mức độ chủ động của các chủ thể khi

thực hiện các nghĩa vụ pháp lý trong đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Còn áp dụng pháp luật thể hiện vai trò của các chủ thể có thẩm quyền trong tổ chức và ban hành các quyết định quản lý cụ thể, bảo đảm sự chuyển hóa các quy định pháp luật về đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học vào trong thực tiễn.

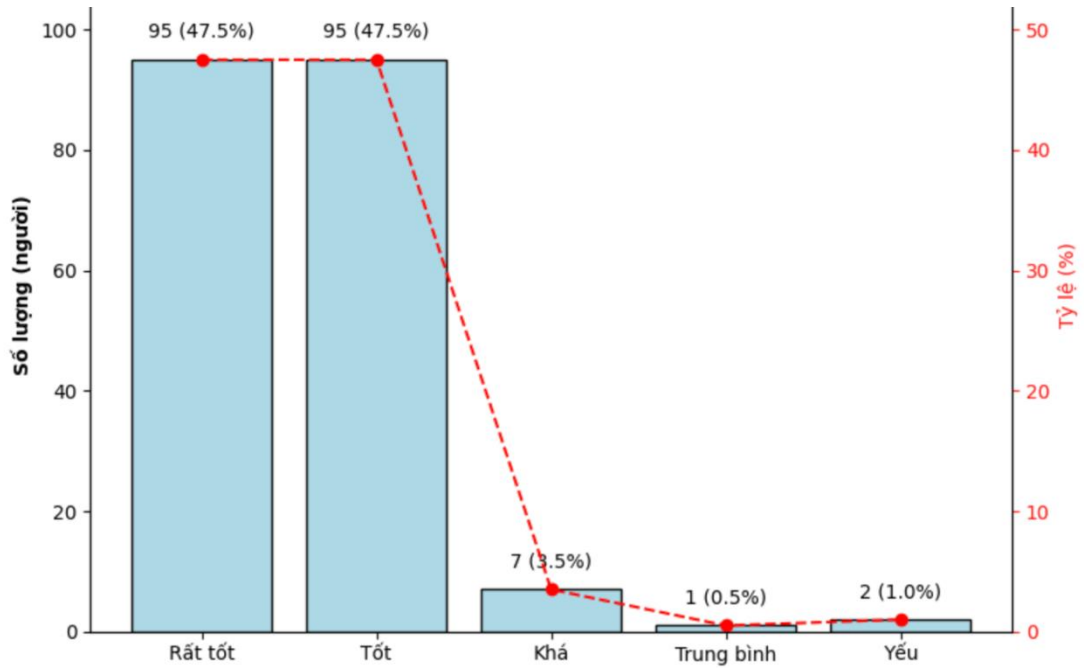
Một là, chấp hành pháp luật trong hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện nghiêm túc và thống nhất, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

Trong hoạt động đào tạo, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã thực hiện nghiêm túc các quy định pháp luật về mở ngành đào tạo; tuyển sinh; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo đúng quy định, có nền nếp, kỷ cương. Công tác tuyển sinh được các nhà trường triển khai đồng bộ, đúng quy chế của Nhà nước, chỉ lệnh của Bộ Quốc phòng, các tiêu chí, điều kiện tuyển sinh, quy trình xét tuyển đều được công khai, đảm bảo công bằng và khách quan, minh bạch.

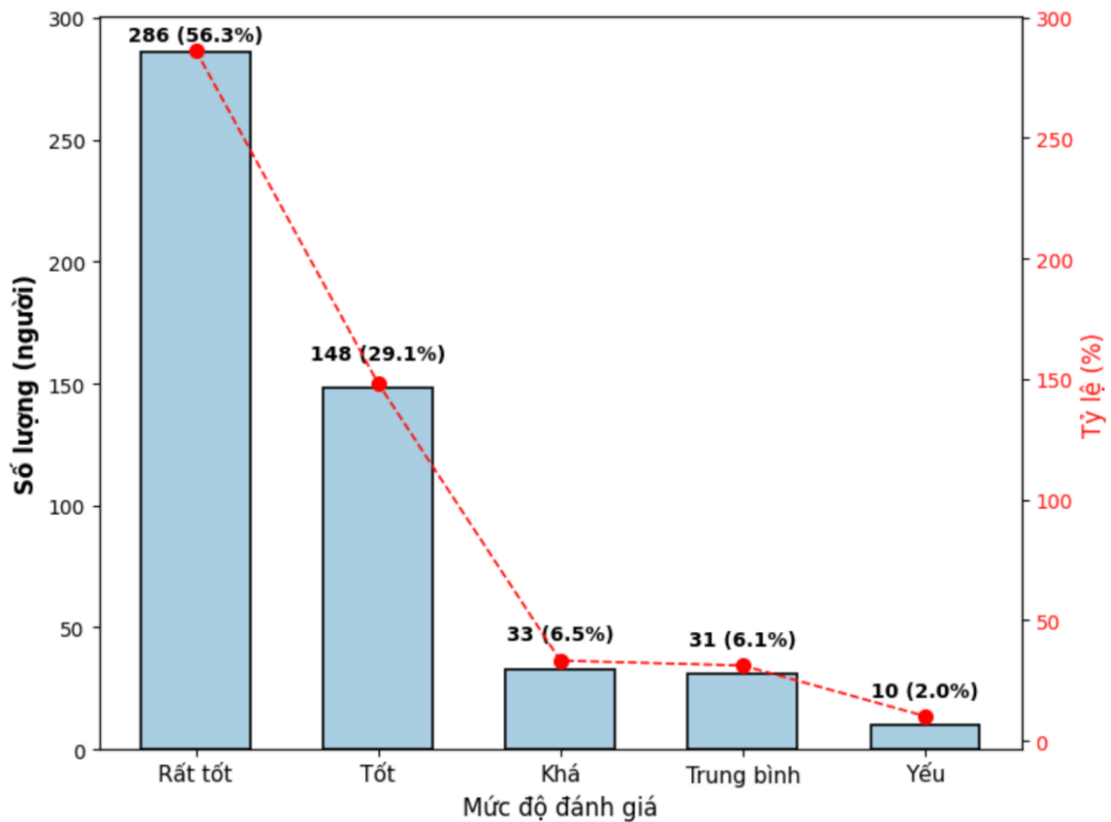
Hàng năm, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều tập trung đổi mới phương thức, nội dung tuyên truyền, hướng nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, tờ rơi, băng đĩa, tài liệu, nền tảng mạng xã hội... làm rõ các chính sách ưu đãi của Đảng, Nhà nước đối với công tác giáo dục, đào tạo trong quân đội, nhằm thu hút các học sinh giỏi, xuất sắc đăng ký thi tuyển. Đồng thời tổ chức thẩm định hồ sơ, thi tuyển, xét tuyển đúng quy chế; tuyển đúng, đủ chỉ tiêu, phù hợp với chuyên ngành đào tạo, báo gọi, bàn giao, tiếp nhận thí sinh trúng tuyển nhập học chặt chẽ, hậu kiểm đúng quy trình; hệ thống sổ theo dõi, đăng ký, quản lý đầy đủ, đúng quy định. Công tác thi, xét tuyển, chiêu sinh đầu vào trình độ thạc sĩ và tiến sĩ đảm bảo đúng quy chế. Số lượng các thí sinh trúng tuyển và nhập học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đảm bảo đúng chỉ tiêu đề ra theo từng năm học.

Chương trình đào tạo các trình độ đại học được xây dựng phù hợp với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam và các quy định pháp luật, đồng thời bám sát mục tiêu, mô hình đào tạo của từng nhà trường. Hằng năm, cơ quan đào tạo của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều hướng dẫn các khoa giáo viên trong việc xây dựng, chỉnh sửa cấu trúc, nội dung, chương trình đào tạo trình độ đại học hợp lý, phù hợp với thời gian đào tạo và khối lượng kiến thức cho từng đối tượng. Kết quả, từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2024 – 2025, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã mở mới được 24 ngành đào tạo; xây dựng và hoàn chỉnh 1422 chuẩn đầu ra chương trình đào tạo; xây dựng mới 656 chương trình đào tạo; điều chỉnh, bổ sung 1085 chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra [Phụ lục 4].

Bên cạnh đó, việc xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện thống nhất, chặt chẽ, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước và Bộ Quốc phòng. Các quy định về hoạt động kiểm tra, đánh giá môn học, học phần được xây dựng và thực hiện nghiêm túc; đề thi, đáp án, bài thi của học viên được quản lý chặt chẽ; kiểm tra đầu vào, thi, chấm thi kết thúc học phần, môn học, thi tốt nghiệp, đánh giá luận văn, luận án đảm bảo nghiêm túc, đúng quy chế, bảo đảm an toàn, bí mật quân sự. Các học viện tổ chức tự đánh giá cơ sở giáo dục theo đúng quy trình, quy định, bảo đảm chặt chẽ. Kết quả điều tra xã hội học cho thấy, tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được lựa chọn khảo sát, đa số người được hỏi (95% cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên và 85,4% học viên) đồng ý với lựa chọn việc chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo, kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đạt “Rất tốt” và “Tốt”, được thể hiện qua biểu đồ dưới đây.



Biểu đồ 3.4. Đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục về mức độ chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng



Biểu đồ 3.5. Đánh giá của học viên về mức độ chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Nguồn: Khảo sát của tác giả luận án

Việc chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học đã góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội. Điều này được thể hiện qua kết quả tốt nghiệp của các đối tượng đào tạo trình độ đại học và sau đại học hằng năm, với tỷ lệ học viên tốt nghiệp trung bình đạt trên 98%, trong đó tỷ lệ học viên tốt nghiệp khá, giỏi ở trình độ đại học duy trì mức trung bình trên 75% [24,25,26,27,28,29].

Hai là, áp dụng pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, góp phần duy trì sự ổn định, đồng bộ trong quản lý đào tạo và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học.

Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng, luôn tích cực tổ chức thực hiện, áp dụng các quy định của pháp luật về tuyển sinh, hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học. Trong quá trình tuyển sinh, Ban Tuyển sinh Quân sự Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các học viện thuộc Bộ Quốc phòng xây dựng và triển khai các quy định về phương án tuyển sinh, phù hợp với quy chế của Bộ giáo dục và Đào tạo và đặc thù quân sự. Trên cơ sở đó, lãnh đạo các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã chủ động xây dựng các văn bản quản lý tuyển sinh, ban hành các kế hoạch, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời chủ động phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ quan chức năng trong việc cung cấp và đối chiếu dữ liệu xét tuyển, kịp thời hỗ trợ điều chỉnh sai sót trước khi xét tuyển; chỉ đạo tổ chức, khám sức khỏe cho thí sinh

đăng ký chặt chẽ, đúng quy định; phối hợp với các cơ quan, đơn vị trong toàn quân tổ chức bàn giao học viên tốt nghiệp và tiếp nhận học viên nhập học theo đúng kế hoạch, đảm bảo an toàn.

Cùng với đó, Bộ Tổng Tham mưu đã tổ chức tập huấn, hướng dẫn các học viện thuộc Bộ Quốc phòng và các cơ sở giáo dục trong quân đội trong việc triển khai các quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về mở mã ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo. Trên cơ sở đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chủ động xây dựng, ban hành và thực hiện kịp thời các quy định của cấp trên về mở mã ngành, điều chỉnh chương trình đào tạo, phê duyệt kế hoạch đào tạo hàng năm, công nhận kết quả học tập, xét tốt nghiệp.

Việc áp dụng các quy định về bảo đảm và kiểm định chất lượng đào tạo được triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất, đúng quy định. Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Quốc phòng đã tổ chức triển khai, thực hiện đồng bộ, thống nhất, đúng quy định về công tác khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục đào tạo; chỉ đạo kiện toàn tổ chức, biên chế cơ quan, cán bộ khảo thí và bảo đảm chất lượng giáo dục đại học; hướng dẫn các học viện, nhà trường thực hiện các quy định về tổ chức tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đúng quy trình, quy định. Ngoài ra, tiến hành tổ chức kiểm định chất lượng 20 học viện, nhà trường chặt chẽ, nghiêm túc, đúng quy định; kiểm tra, phúc tra 297 lượt trường sĩ quan, học viện thuộc Bộ Quốc phòng; tăng cường kiểm tra thực hiện lịch huấn luyện và chấp hành quy chế giáo dục đào tạo [Phụ lục 5]. Qua đó kịp thời phát hiện những khâu yếu, mặt yếu trong quá trình tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện, nhà trường, kịp thời rút kinh nghiệm, phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã tổ chức thực hiện và áp dụng các quy định pháp luật về bảo đảm chất lượng giáo dục như tiến hành thành

lập hội đồng và báo cáo tự đánh giá chất lượng trường, tự đánh giá chương trình đào tạo; xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đúng quy trình, quy định, chặt chẽ, bảo đảm tính công bằng, khách quan, thống nhất. Đồng thời, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trên cơ sở hướng dẫn của cơ quan cấp trên đã tiến hành tổ chức sơ kết theo kế hoạch việc thực hiện quy định pháp luật về giáo dục đại học trong đơn vị mình như sơ kết Luật Giáo dục năm 2019 giai đoạn 2020-2024; Luật Giáo dục đại học giai đoạn 2019-2023; sơ kết thực hiện các nghị định của Chính phủ...qua đó kịp thời rút kinh nghiệm, đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết những vướng mắc, bất cập và tham gia ý kiến vào các dự án luật về giáo dục đại học, sửa đổi, bổ sung các quy định nhằm phù hợp với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của quân đội. Chính vì thế, việc áp dụng các quy định pháp luật về hoạt động đào tạo, đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nhìn chung được triển khai theo trình tự, thủ tục rõ ràng, đúng thẩm quyền, qua đó bảo đảm tính nhất quán và kỷ cương trong tổ chức và điều hành hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học.

Thứ tư, ưu điểm trong thực hiện pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học

Trong đánh giá việc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hợp tác về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nghiên cứu sinh lựa chọn đánh giá hình thức chấp hành và áp dụng pháp luật, bởi đây là hai hình thức thể hiện rõ nét và điển hình nhất, phản ánh trực tiếp việc chủ động thực hiện các nghĩa vụ pháp lý bắt buộc cũng như hoạt động ban hành, tổ chức thực hiện các quyết định quản lý của cơ quan có thẩm quyền trong lĩnh vực này.

Một là, việc chấp hành pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện nghiêm túc, có nền nếp, phù hợp với đặc thù quân sự.

Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã và đang thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, kế hoạch của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cấp trên về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, đặc biệt là kế hoạch số 536/KH-BQP ngày 31/1/2025 của Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 9/1/2025 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Việc xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ, đề xuất, xét duyệt đề tài, sáng kiến, biên soạn giáo trình, tài liệu chặt chẽ, đúng quy định về trình tự, thủ tục, bảo mật thông tin, đồng thời tuân thủ quy tắc đạo đức, liêm chính trong nghiên cứu khoa học; tạo điều kiện cho các đề tài, nhiệm vụ khoa học được triển khai, bảo đảm đúng tiến độ, tỷ lệ đề tài, sáng kiến ứng dụng vào thực tế được nâng lên. Kết quả, từ năm học 2018 – 2019 đến 2024 – 2025, đã có 7705 đề tài, sáng kiến các cấp của cán bộ, giảng viên và học viên được nghiệm thu và triển khai ứng dụng vào thực tế, trong đó nhiều đề tài được nghiệm thu xuất sắc, tiêu biểu là Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y, Học viện Chính trị, Học viện Phòng Không – Không Quân [24,25,26,27,28,29].

Đồng thời các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã thực hiện nghiêm túc các quy định về gắn kết nghiên cứu với đào tạo; quản lý, sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiên cứu, chế thử; tiếp tục phát triển, nâng cao hiệu quả các mô hình hợp tác, liên kết nghiên cứu, ứng dụng với các đơn vị, tổ chức trong và ngoài quân đội theo đúng pháp luật của nhà nước và Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, công tác thông tin khoa học quân sự được duy trì và thực hiện có nền nếp, đúng quy định của Bộ Quốc phòng, mục đích

và định hướng chính trị, phục vụ hiệu quả hoạt động giáo dục và đào tạo và nghiên cứu khoa học của các đối tượng.

Đặc biệt, các quy định về chuyển đổi số, trong đó ưu tiên phát triển hạ tầng số, dữ liệu số và nguồn nhân lực chất lượng cao có kỹ năng làm chủ công nghệ số được đẩy mạnh thực hiện trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nhằm đạt được mục tiêu của Dự án “xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số trong công tác giáo dục và đào tạo” thuộc Đề án chuyển đổi số trong Bộ Quốc phòng. Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã tích cực tổ chức và triển khai các chỉ thị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, hướng dẫn cơ quan cấp trên về tăng cường công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành có chữ ký số, tiến hành số hóa giáo trình, tài liệu dạy học; xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử; sử dụng mạng số liệu quân sự tổ chức các hội nghị, hội thảo, dạy học trực tuyến, bảo đảm an toàn hệ thống công nghệ thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân đội.

Trên cơ sở đó, hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, chuyển đổi số ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm trên các lĩnh vực, “trình độ khoa học công nghệ có sự phát triển, từng bước đáp ứng nhiệm vụ thiết kế, chế tạo, khai thác làm chủ, hiện đại hóa vũ khí, trang bị kỹ thuật... Kết quả nghiên cứu được áp dụng vào thực tiễn, huấn luyện, đào tạo, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng quân đội, góp phần tăng cường quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị của đất nước” [20].

Ngoài ra, việc chấp hành các quy định pháp luật về hợp tác, liên kết trong nước và nước ngoài của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đặc biệt là các quy định về thẩm quyền phê duyệt, nội dung, nguyên tắc hợp tác được thực hiện chặt chẽ, bảo đảm yêu cầu quốc phòng và an ninh. Đồng thời thể hiện sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Giáo dục và Đào tạo,

giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các cơ quan, nhà trường, đơn vị trong và ngoài quân đội.

Trong đó, việc thực hiện các quy định về phối hợp giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các đơn vị, tổ chức, các bên liên quan trong tham quan, thực tế, thực tập của cán bộ, giảng viên, học viên, xây dựng chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học được tăng cường, mở rộng, hiệu quả ngày càng cao. Mặt khác, các quy định về hợp tác quốc tế về giáo dục đại học mà nổi bật là đào tạo và nghiên cứu khoa học được ký kết giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với cơ sở đào tạo của một số nước có quan hệ truyền thống hoặc có thế mạnh trong từng lĩnh vực như Lào, Campuchia, Nga, Trung Quốc, Đức, Cuba, Singapore... đang được tích cực thực hiện trên cơ sở phù hợp với sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ của từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng, chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các điều ước quốc tế được ký kết giữa Bộ Quốc phòng Việt Nam và Bộ Quốc phòng của một số nước trên thế giới.

Cụ thể, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hằng năm đã phối hợp chặt chẽ với các nhà trường thuộc Bộ Công An trong việc tiếp nhận, quản lý, đào tạo học viên học tập tại các trường của 2 Bộ; tiếp nhận, đào tạo học viên quân sự Lào, học viên quân sự Campuchia và tập huấn cho cán bộ quân đội một số nước trên thế giới, thực hiện tốt nguyên tắc tôn trọng pháp luật, phong tục tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo, bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật quân sự. Đồng thời chấp hành nghiêm túc việc quản lý, duy trì kỉ luật đối với học viện quốc tế theo đúng quy chế quản lý, đào tạo học viên quân sự nước ngoài.

Mặt khác, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều tổ chức cho các đoàn cán bộ, giảng viên đi tham quan, chia sẻ kinh nghiệm, học tập tại một số trung tâm, cơ sở đào tạo tiên tiến hiện đại, có thế mạnh trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học công nghệ trong nước và thế giới. Có thể kể đến như Học viện Quân y đã có sự hợp tác chặt chẽ với Đại học Quốc gia Singapore bằng việc thực

hiện các biên bản hợp tác về đổi mới chương trình đào tạo y khoa và phát triển giảng viên thông qua các khóa học ngắn hạn, trao đổi sinh viên và giảng viên, hội nghị hội thảo trực tuyến và trực tiếp. Qua đó, Đại học Quốc gia Singapore đã giúp Học viện Quân y nâng cao trình độ cho hơn 180 lượt giảng viên về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, đồng thời tạo cơ hội cho giảng viên được thử thách giảng dạy ở môi trường đào tạo và sinh viên quốc tế [64].

Hai là, áp dụng pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thực hiện tương đối chủ động và nhất quán.

Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện, cụ thể hóa các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng và các nhà trường trong toàn quân như Kế hoạch số 536/KH-BQP ngày 31/01/2025 của Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Chỉ thị số 87/CT-BQP ngày 22/8/2025 của Bộ trưởng BQP về tăng cường đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ và công nghệ thông tin, chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội trong tình hình mới...

Trên cơ sở đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng ban hành các quyết định phê duyệt danh mục, giao thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; thành lập hội đồng khoa học để tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nghiên cứu theo đúng trình tự, thủ tục. Bên cạnh đó, tích cực ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện hướng dẫn của cơ quan cấp trên về hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ trẻ và học viên. Mặt khác, tham gia ý kiến với các cơ quan chức năng trong việc sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về khoa

học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tiễn của nhà trường quân đội.

Vì vậy, hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên và học viên được duy trì và phát triển, đạt nhiều giải thưởng về khoa học và công nghệ cấp quốc tế, cấp quốc gia, cấp Bộ Quốc phòng. Theo Báo cáo tổng kết năm học 2024 – 2025 của Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng Tham mưu, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cùng với các nhà trường quân đội đã tham gia giải thưởng Tuổi trẻ sáng tạo trong Quân đội lần thứ 25 với 229 công trình khoa học (đạt 2 giải nhất, 20 giải nhì, 52 giải ba và 55 giải khuyến khích); tham gia và đạt 202 giải trong kì thi cấp quốc gia, quốc tế (38 giải nhất, 67 giải nhì, 59 giải ba và 38 giải khuyến khích) [29].

Đồng thời các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tích cực hoàn thiện thể chế, ưu tiên phát triển, trọng dụng nhân tài, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phát triển khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong quân đội, trên tinh thần Nghị quyết số 3488-NQ/QUTW ngày 29/1/2025 của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong Quân đội. Việc áp dụng pháp luật đã tạo cơ sở để các học viện điều chỉnh và hoàn thiện quy định về quỹ phát triển khoa học và công nghệ, học bổng khuyến khích học viên theo hướng linh hoạt, khả thi, đáp ứng yêu cầu phát triển hoạt động này trong bối cảnh mới.

Ngoài ra, Bộ Quốc phòng cùng các cơ quan chức năng đã tổ chức thực hiện các quy định về chuyển đổi số, trong đó chú trọng đến việc triển khai các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, thống nhất về phát triển hạ tầng số và nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số, trong đó chú trọng nâng cao kiến thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, học viên. Đặc biệt, trong năm học 2024-2025, Bộ Tổng Tham mưu đã chỉ đạo tổ chức 2 lớp bồi dưỡng về chuyển đổi số cho 107 nhà giáo, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin [29]. Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tích cực triển khai các chỉ thị của Bộ

Quốc phòng thực hiện phong trào “Bình dân học vụ số” năm 2025, phổ cập kiến thức khoa học công nghệ cho cán bộ, học viên thông qua nền tảng số và các phương tiện điện tử khác.

Bộ Quốc phòng đã có sự phối hợp hiệu quả với Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Công an và các cơ quan liên quan trong việc xây dựng và ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động hợp tác về giáo dục đại học giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội. Cùng với đó, luôn chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ hợp tác, liên kết về giáo dục, đào tạo hàng năm và dài hạn đối với các đối tác trong và ngoài nước khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Với mục tiêu trở thành trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học ngang tầm quốc gia và quốc tế, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành các văn bản cá biệt, chỉ đạo hoạt động liên kết với các cơ sở đào tạo nước ngoài trong việc đào tạo các ngành nghề mũi nhọn, trọng điểm. Ngoài ra, các học viện đã căn cứ vào các quy định hướng dẫn của Bộ Quốc phòng để quyết định chỉ tiêu, chọn gửi học viên quân sự đi đào tạo ở các trường ngoài Quân đội và nước ngoài, thông qua cơ chế phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền. Mặt khác, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong quản lý, đào tạo đối với học viên quân sự các nước đang học tập tại trường đã có sự vận dụng thống nhất các quy định của pháp luật, điều ước quốc tế đã được ký kết để tổ chức thực hiện các chế độ quản lý, đào tạo phù hợp với từng đối tượng học viên.

Qua khảo sát 200 giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục và 508 học viên ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng đánh giá về mức độ thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học, có tới 93% cán bộ, giảng viên và 82,3% học viên đánh giá việc chấp hành pháp luật là rất tốt và tốt; 91,5% cán bộ, giảng viên và 83,3% học viên đánh giá việc áp dụng pháp luật là rất tốt và tốt [Phụ lục 7,9]. Đây là minh chứng phản ánh thực trạng chấp hành và áp dụng pháp luật về

hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát được thực hiện tốt.

Thứ năm, ưu điểm trong thực hiện pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Thực hiện các quy định về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được thể hiện chủ yếu thông qua chấp hành các nghĩa vụ bắt buộc và áp dụng pháp luật trong quản lý và sử dụng nguồn lực tài chính, tài sản. Do đó, nghiên cứu sinh sẽ lựa chọn khảo sát hai hình thức thực hiện điển hình này để đánh giá thực trạng thực hiện pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Một là, chấp hành pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian qua được thực hiện thống nhất, nghiêm túc và có nền nếp

Các quy định của nhà nước, Bộ Quốc phòng về tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập, đầu tư cơ sở vật chất theo quy định về đầu tư công đã được các học viện thuộc Bộ Quốc phòng quán triệt, thực hiện nghiêm túc. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có thẩm quyền trong thẩm định nội dung và nhiệm vụ chi ngân sách cho nhà trường đúng với quy định, bảo đảm sử dụng ngân sách đúng mục đích, hiệu quả. Công tác đảm bảo cơ sở vật chất đối với hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn được chấp hành đầy đủ, kịp thời, bảo đảm cho việc thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất.

Việc bổ sung nhu cầu trang thiết bị đào tạo được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Quốc phòng và tiến độ đầu tư theo giai đoạn. Hệ thống giảng đường, thao trường, bãi tập, cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tiếp tục được xây dựng, củng cố, sửa chữa, đáp ứng cơ bản nhu cầu vật chất cho huấn luyện thực hành diễn tập của cán bộ, học viên. Đặc biệt, các học viện chủ động trong cân đối, trích nguồn vốn của đơn vị để

mua sắm, bổ sung các trang thiết bị dạy học hiện đại, tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, trung tâm học liệu số.

Các chế độ tiêu chuẩn, quân nhu, quân trang, quân y cho cán bộ, học viên được đảm bảo đầy đủ, đúng quy định. Các đơn vị, cá nhân có thẩm quyền thực hiện đúng các nghĩa vụ pháp lý trong quản lý và sử dụng tài chính, tài sản, tuân thủ chặt chẽ các định mức, chế độ, tiêu chuẩn, góp phần bảo đảm sử dụng ngân sách và tài sản đúng mục đích và hiệu quả, hạn chế vi phạm và tham nhũng, lãng phí. Hệ thống doanh trại, nhà ở, hội trường, phòng học được xây dựng và củng cố đáp ứng nhu cầu của cán bộ, học viên. Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đều tăng cường kiểm tra, bảo quản, sửa chữa, khắc phục hỏng hóc, đồng bộ vũ khí, trang bị, ứng dụng các phần mềm trong quản lý vũ khí, trang thiết bị phục vụ huấn luyện, bảo đảm an toàn.

Hai là, áp dụng pháp luật về tài chính và tài sản ở học viện thuộc Bộ Quốc phòng thời gian qua cơ bản được thực hiện đúng thẩm quyền, công khai, minh bạch và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Trong thời gian qua, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng đã tập trung ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong việc định hướng nhiệm vụ giáo dục đào tạo, lập nhu cầu, dự toán ngân sách của từng năm học; rà soát, tổng hợp nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất đối với hoạt động giáo dục đại học. Đặc biệt, nhằm thực hiện đề án về chuyển đổi số lĩnh vực đào tạo, Bộ Quốc phòng đã tiến hành triển khai xây dựng và ban hành khung danh mục trang thiết bị cho phòng học, phòng thi, phòng phương pháp, thư viện trong các nhà trường và học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Trên cơ sở đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã báo cáo lên cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng để xây dựng các đề án, kế hoạch trang bị cơ sở vật chất phục vụ giáo dục đào tạo, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế của đất nước và sự phát triển trang thiết bị vũ khí của quân đội. Đồng thời,

các chủ thể có thẩm quyền trong học viện thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ kịp thời vào các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và các văn bản hướng dẫn của Bộ Quốc phòng để giải quyết các vấn đề cụ thể phát sinh trong quản lý, sử dụng tài chính và tài sản, như phân bổ và điều chỉnh dự toán, tổ chức mua sắm, sửa chữa, thanh lý tài sản. Trên cơ sở đó tổ chức hiệu quả việc triển khai các kế hoạch phân bổ ngân sách nhà nước, huy động nguồn lực từ các khoản thu hợp pháp khác theo quy định, các nguồn tài trợ từ doanh nghiệp, từ hoạt động hợp tác quốc tế để đầu tư vào cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục đại học.

Có thể thấy được rằng, việc ban hành các văn bản tổ chức thực hiện pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian qua đã bảo đảm tính kịp thời, đầy đủ, thể hiện rõ nét đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về huy động mọi nguồn lực nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Chính vì thế, đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục và học viên ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát đã đánh giá cao hiệu quả thực hiện pháp luật về tài chính và tài sản ở đơn vị mình, thể hiện qua số liệu điều tra cho thấy, 87,5% cán bộ, giảng viên, 82,3% học viên được hỏi đánh giá hình thức chấp hành pháp luật ở mức “rất tốt” và “tốt”; 86% cán bộ, giảng viên, 83,7% học viên được hỏi đánh giá hình thức áp dụng pháp luật ở mức “rất tốt” và “tốt” [Phụ lục 7,9].

3.2.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam

Về nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian qua. Với vai trò quan trọng trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ, sĩ quan chất lượng cao cho toàn quân, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn được đầu tư xây

dựng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, bám sát thực tiễn nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới. Đây là cơ sở quan trọng góp phần xây dựng tình cảm, củng cố niềm tin, hình thành thái độ đúng đắn của mỗi cán bộ, giảng viên, học viên trong việc thực hiện những quy định của pháp luật về giáo dục đại học một cách tự giác, tự nguyện, thống nhất.

Thứ hai, sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng về giáo dục đại học và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, Quân ủy Trung ương đã ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động này căn cứ vào tình hình thực tiễn của hệ thống nhà trường quân đội, yêu cầu, nhiệm vụ của từng học viện, đồng thời triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp tập trung làm chuyển biến rõ nét chất lượng, hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam.

Thứ ba, hệ thống pháp luật về giáo dục đại học tương đối đồng bộ, toàn diện, thống nhất, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho thực hiện các hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Pháp luật đã cụ thể hóa những chủ chương, chính sách của Đảng và nhà nước trong việc đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế.

Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về giáo dục đại học đã được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với tính chất quân sự đặc thù của các học viện, nhà trường của lực lượng vũ trang, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Đặc biệt các chính sách, quy định về chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong Quân đội nhân dân Việt Nam đã được quy định tại Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Nhà giáo năm 2025, Nghị định 363/2025/NĐ – CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về chính sách, thu hút

nhân tài đối với Quân đội nhân dân Việt Nam... là bước đột phá táo bạo trong xây dựng pháp luật, tạo cơ sở pháp lý quan trọng để “trải thảm đỏ” đón nhân tài làm việc tại các nhà trường quân đội, thể hiện quyết tâm xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam không chỉ tinh, gọn, mạnh về tổ chức mà còn hiện đại, trí tuệ về nguồn nhân lực.

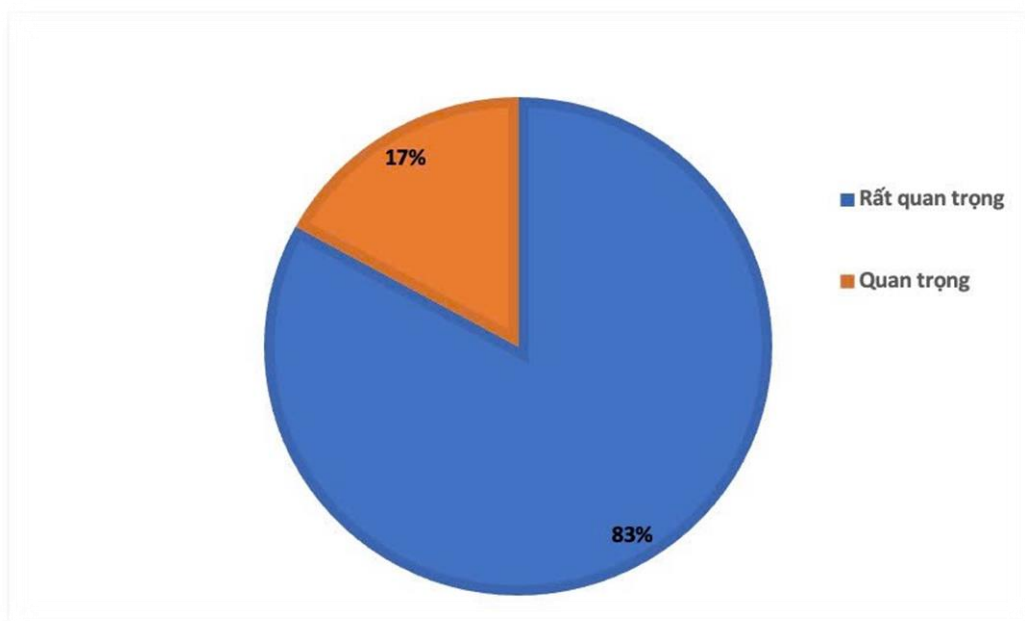
Do đó, khi đánh giá về các quy định pháp luật về giáo dục đại học đang được áp dụng ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát, từ 90,5% đến 96% cán bộ, giảng viên và từ 65% đến 70,1% đối với học viên hoàn toàn đồng ý với các nhận định các pháp luật về giáo dục đại học toàn diện, thống nhất, phù hợp, khả thi, ngôn ngữ chính xác, rõ ràng, dễ hiểu. [Phụ lục 8, 10].

Thứ tư, hội nhập quốc tế đã tạo áp lực tích cực thúc đẩy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cải cách toàn diện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, thay đổi cách thức quản lý nhằm nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh trong đào tạo.

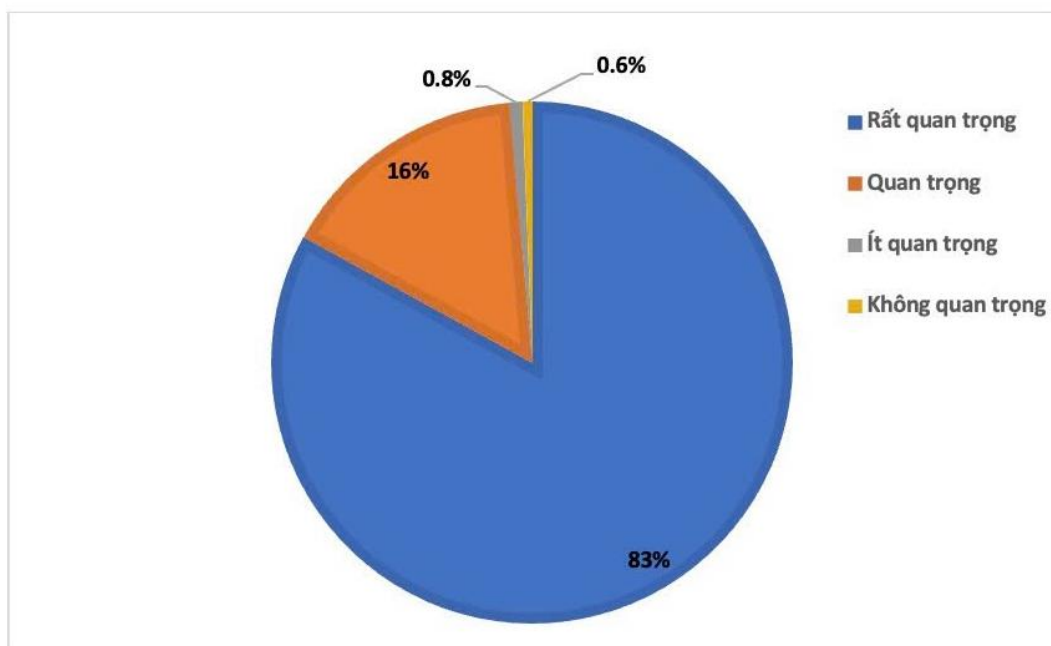
Về nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, sự thay đổi tư duy, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Trong quá trình triển khai thường xuyên quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, góp phần làm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên nhận thức sâu sắc hơn về hoạt động này.

Dựa trên khảo sát xã hội học về đánh giá mức độ quan trọng của việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát, phần lớn cán bộ, giảng viên và học viên được hỏi cho rằng, việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học là “rất quan trọng” (83% cán bộ, giảng viên; 83% học viên) và “quan trọng” (17% cán bộ, giảng viên; 15,6% học viên) [Phụ lục 7,9], thể hiện qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 3.6. Đánh giá của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên về tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát



Biểu đồ 3.7. Đánh giá của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên về tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát

Nguồn: khảo sát của tác giả luận án

Thứ hai, lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp quyết liệt, phù hợp trong việc thực hiện các quy định về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Bên cạnh đó, sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ giữa các học viện với cơ quan cấp trên, các cơ quan đơn vị trong và ngoài quân đội, sự giúp đỡ của các tổ chức, các lực lượng liên quan đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện pháp luật về giáo dục đại học được diễn ra thuận lợi, thống nhất, hiệu quả.

Thứ ba, năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về giáo dục đại học, đồng thời nắm vững những quan điểm về đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đại học; đội ngũ học viên thường xuyên được phổ biến và giáo dục các quy định của pháp luật về giáo dục đại học, hiểu rõ được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình trong hoạt động này.

Thứ tư, đa số cán bộ, giảng viên và học viên đều thể hiện sự tự giác, tích cực, chủ động trong tự giáo dục, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội. Đây là một trong những nguyên nhân trực tiếp quyết định đến kết quả tích cực trong việc thực hiện pháp luật về các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Thứ năm, Nhà nước có sự đầu tư tăng cường về nguồn lực vật chất phục vụ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần, nâng cao trình độ chuyên môn, tạo điều kiện cho việc bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên tích cực thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học.

Đánh giá chung về mức độ đồng thuận hoặc phản đối với nguyên nhân cơ bản của các ưu điểm đạt được trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát cho thấy rằng, mức độ đồng thuận với nguyên nhân nêu trên từ 68% đến 82% “hoàn

toàn đồng ý” (đội ngũ cán bộ, giảng viên) và từ 72,2% đến 75% “hoàn toàn đồng ý” (học viên) [Phụ lục 7,9]. Đặc biệt, các nguyên nhân về sự quan tâm của Đảng, Nhà nước; sự lãnh đạo toàn diện, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và chỉ huy các cấp có tỷ lệ đồng thuận cao nhất, cho thấy vai trò của điều kiện bảo đảm về chính trị và sự chỉ đạo thống nhất từ cấp trên là nhân tố then chốt tạo nên hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

3.2.2. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam và nguyên nhân

3.2.2.1. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam

Thứ nhất, hạn chế trong thực hiện pháp luật về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Một là, việc chấp hành các quy định về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng theo hướng tinh gọn bộ máy, đặc biệt là việc sắp xếp lại các bộ phận hiện có và thành lập các đơn vị mới theo quy định vẫn còn gặp trở ngại, khó khăn.

Mặc dù việc chấp hành pháp luật về tổ chức và quản trị ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nhìn chung được thực hiện nghiêm túc, song thực tiễn vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Trước hết, mức độ chấp hành pháp luật giữa các cơ quan, đơn vị chưa thật sự đồng đều giữa các đơn vị và các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, thể hiện ở việc thực hiện một số quy định về chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị đôi khi chưa được thực hiện đầy đủ và nhất quán. Điều này dẫn đến tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ hoặc nhiệm vụ được giao không phù hợp với năng lực thực tế của đơn vị. Biên chế được giao có lúc chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị, dẫn đến có đơn vị thừa hoặc thiếu biên chế, chưa đáp ứng được với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra. Điều này được phản ánh qua Báo cáo Tổng kết năm học năm

2024 – 2025, đội ngũ giảng viên có học viện thuộc Bộ Quốc phòng thừa biên chế như: Học viện Quốc phòng 169 (biên chế 165), Học viện Chính trị 322 (Biên chế 295), Học viện Hậu cần 419 (biên chế 341) , Học viện Kỹ thuật quân sự 743 (biên chế 728), Học viện Quân y 520 (biên chế 419), Học viện Hải quân 302 (biên chế 295), Học viện Phòng không – Không quân 587 (biên chế 476), Học viện Khoa học Quân sự 259 (biên chế 200); có học viện thiếu biên chế như: Học viện Lục Quân 383 (biên chế 389), Học viện Biên phòng 200 (biên chế 241) [29].

Ngoài ra, tính chất đặc thù về vị trí pháp lý của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, vừa là cơ sở giáo dục đại học nhưng đồng thời lại là đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, đã tác động tới việc chấp hành các quy định của pháp luật về tổ chức và quản trị của các học viện. Các quy định về cơ chế tự chủ và tự chịu trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học, trong đó có tự chủ về tổ chức và nhân sự ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng khó được thực hiện giống như các cơ sở giáo dục đại học dân sự. Chẳng hạn như các vị trí lãnh đạo như giám đốc, phó giám đốc, trưởng phòng... phải được sự phê duyệt từ Bộ Quốc phòng và các cơ quan cấp trên. Điều này sẽ làm giảm khả năng điều chỉnh bộ máy nhanh chóng và linh hoạt theo yêu cầu phát triển giáo dục và xu hướng hội nhập quốc tế.

Hai là, quá trình áp dụng pháp luật về tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng vẫn còn bộc lộ một số hạn chế nhất định.

Sự phối hợp giữa cơ quan chức năng với khoa, bộ môn, đơn vị quản lý học viên áp dụng pháp luật về tổ chức biên chế, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị có thời điểm chưa thật sự chặt chẽ, ảnh hưởng tới tính thống nhất và hiệu quả của việc cụ thể hóa các quy định pháp luật trong quản trị nhà trường.

Qua kết quả ý kiến đánh giá của giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục và học viên ở các học viện được khảo sát về sự phối hợp giữa các phòng ban

chuyên môn trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học cho thấy, mặc dù đa số đánh giá tích cực song vẫn có một phần nhỏ ý kiến với 4,9% học viên và 6,5% cán bộ, giảng viên được hỏi cho rằng, mức độ phối hợp vẫn còn thiếu đồng bộ hoặc độc lập, rời rạc [Phụ lục 7,9].

Mặc dù hạn chế này không mang tính phổ biến, thường xuyên nhưng làm cho thủ tục hành chính rườm rà, mất nhiều thời gian. Không những vậy còn làm giảm sự linh hoạt và chủ động trong xây dựng các kế hoạch, quy trình áp dụng pháp luật, đồng thời còn ảnh hưởng tới chất lượng giải thích, áp dụng các quy định pháp luật về tổ chức và quản trị. Những phản ánh này tuy chưa mang tính khái quát cho tất cả các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nhưng đã đặt ra những vấn đề cần được quan tâm trong việc tăng cường phối hợp nội bộ khi áp dụng các quy định pháp luật về tổ chức và quản trị nhà trường.

Thứ hai, hạn chế trong thực hiện pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học

Một là, việc tuân thủ pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học tuy đã vào nề nếp, nhưng chưa thực sự đồng đều và bền vững

Công tác phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về giáo dục đại học, các chỉ thị, hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng ở một số đơn vị trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chưa thực sự thường xuyên. Điều này thể hiện qua kết quả điều tra xã hội học cho thấy, vẫn còn một tỷ lệ nhỏ cán bộ, giảng viên (9%) và học viên (11%) được hỏi ở 4 học viện thuộc Bộ Quốc phòng cho rằng, hoạt động này chưa được duy trì đều đặn. [Phụ lục 7,9]. Bên cạnh đó, hình thức và phương pháp phổ biến, giáo dục pháp luật vẫn chưa thực sự đa dạng, phong phú, chưa sát với đặc điểm, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; chưa kết hợp hiệu quả giữa giáo dục chính khóa với các hoạt động ngoại khóa. Hiện nay, việc phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chủ yếu thực hiện bằng hình thức

lên lớp trực tiếp hoặc tổ chức các lớp tập huấn, buổi sinh hoạt, học tập chính trị, tờ rơi, tờ gấp pháp luật. Các hoạt động ngoại khóa như thi tìm hiểu pháp luật, sân khấu hóa, lồng ghép với biểu diễn văn hóa văn nghệ, chiếu phim... vẫn chưa được chú trọng đúng mức và triển khai thường xuyên.

Trong Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Quốc phòng đã chỉ rõ: “Ở một số cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật, còn rập khuôn, cứng nhắc, chưa phát huy tốt vai trò của các tổ chức quần chúng và hội đồng quân nhân trong công tác này” [18]. Nội dung tuyên truyền pháp luật về giáo dục đại học chủ yếu được lồng ghép vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật nói chung, cũng như chỉ tập trung vào thời điểm các văn bản luật mới được ban hành. Trong quá trình thực hiện chưa thực sự chú trọng đến việc cập nhật và phổ biến kịp thời các văn bản, hướng dẫn cụ thể. Ngoài ra, sự hạn chế về trình độ, năng lực sư phạm và kinh nghiệm thực tiễn của một số giảng viên, báo cáo viên pháp luật đã ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục pháp luật về giáo dục đại học.

Bên cạnh đó, nhận thức các quy định pháp luật của cán bộ, giảng viên, học viên vẫn chưa được đồng đều, chủ yếu dựa hiệu quả của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chứ không phải việc chủ động, tự giác, cập nhật các quy định pháp luật mới. Điều này dẫn đến việc tuân thủ giữa các nhóm chủ thể còn chưa thật sự đồng đều và bền vững, chưa thật sự dựa trên sự hiểu biết đầy đủ về pháp luật mà chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và quy định nội bộ.

Hai là, trình độ hiểu biết và ý thức pháp luật của một số chủ thể còn chưa cao, chưa nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học.

Hạn chế này thể hiện ở chỗ vẫn còn tồn tại một bộ phận cán bộ, học viên có biểu hiện đối phó, thậm chí ngấm ngấm phản ứng tiêu cực, chống đối lại chỉ huy, cán bộ quản lý trong thực hiện nghĩa vụ pháp lý về giáo dục đại

học, có hiện tượng coi thường pháp luật, kỷ luật, nhất là trong ngày nghỉ, giờ nghỉ. Một số cá nhân vẫn còn tồn tại thói quen tự do tùy tiện, ngại rèn luyện tự giác trong chấp hành pháp luật nhà nước nói chung, pháp luật về giáo dục đại học nói riêng, điều lệnh, điều lệ của quân đội, quy định của từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Bên cạnh đó, vẫn còn có các chủ thể có thái độ thờ ơ, lãnh đạm, thiếu kiên quyết với những biểu hiện tiêu cực trong giáo dục và đào tạo, hiện tượng vi phạm pháp luật, kỷ luật, quy định của nhà trường, không kịp thời ngăn chặn, đấu tranh không kiên quyết. Một số cơ quan, đơn vị, cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, thậm chí có trường hợp cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý không chấp hành quy chế, quy định về giáo dục đại học, buông lỏng lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra gây hậu quả nghiêm trọng, phải xử lý kỷ luật. Trong Báo cáo tổng kết năm học 2023- 2024 của Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng Tham mưu đã nhận định: *“Công tác giáo dục, quản lý học viên của một số trường có thời điểm chưa tốt, còn có học viên chưa tự giác, tích cực học tập, rèn luyện, vi phạm quy chế giáo dục và đào tạo”* [27].

Thực tế cho thấy, các biểu hiện vi phạm pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tập trung ở vi phạm chế độ trong ngày, vi phạm quy chế đào tạo. Chính vì vậy, tình hình chấp hành pháp luật về giáo dục đại học trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng những năm qua có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa vững chắc, vẫn còn xảy ra vụ việc vi phạm pháp luật, cá biệt còn có vụ việc rất nghiêm trọng. Cụ thể, năm học 2018 – 2019: 9 vụ/356 vụ; năm học 2020 – 2021: 7 vụ/ 272 vụ; năm học 2021- 2022: 7 vụ/ 294 vụ; năm học 2022 – 2023: 12 vụ/290 vụ; năm học 2023 – 2024: 2 vụ/279 vụ; năm học 2024 – 2025: 12 vụ/254 vụ. [Phụ lục 3].

Diễn hình như vụ việc vi phạm xảy ra ở Học viện Biên phòng, Đ.V.T, Trợ lý phòng Đào tạo đã lợi dụng chức vụ để đặt vấn đề thỏa thuận về chi phí tiền bạc với các gia đình thí sinh S.S.H, N.A.T để giúp trúng tuyển vào Học viện

Biên phòng, tự ý tiếp nhận hồ sơ xét tuyển quá thời hạn, thiếu thủ tục, giấy tờ và tư vấn cho thí sinh chuyển nguyện vọng không đúng quy định; nắm điểm thi tốt nghiệp trung học phổ thông của các thí sinh trước khi Bộ Quốc phòng cho tải điểm về trường. V.H.K, Trưởng phòng Đào tạo đã chưa làm tốt chức năng tham mưu giúp hội đồng tuyển sinh trong việc thực hiện quy chế, quy định, hướng dẫn về công tác tuyển sinh, để xảy ra nhiều sai sót như trong quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh không đề nghị phân công nhiệm vụ cụ thể cho thành viên, không thành lập Ban thư ký, đề xuất thành lập Ban Thường trực Hội đồng tuyển sinh không đúng với quy định, không kiểm tra, thẩm định việc thực hiện nhiệm vụ của cấp dưới, ký vào văn bản trình Hội đồng tuyển sinh, dẫn đến Hội đồng tuyển sinh không phát hiện được sai phạm của quân nhân Đ.V.T. Những hành vi này đã vi phạm nghiêm trọng quy chế, quy định pháp luật về tuyển sinh đại học, gây dư luận xấu, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đào tạo và thành tích, phong trào thi đua của Học viện Biên phòng [25].

Ba là, sử dụng pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn có một số hạn chế nhất định, bị giới hạn bởi với yêu cầu tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về bảo mật, bí mật nhà nước và bí mật quân sự.

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc sử dụng các quyền pháp lý trong hoạt động giáo dục đại học như tiếp cận thông tin để nghiên cứu khoa học, đào tạo, công bố kết quả nghiên cứu và trao đổi học thuật trong nước và quốc tế của cán bộ, giảng viên, học viên trong một số trường hợp bị thu hẹp do phải tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, bí mật quân sự, bí mật nhà nước, dẫn đến các quyền được ghi nhận trong pháp luật về giáo dục đại học còn gặp khó khăn trong thực hiện. Ngoài ra, do đặc thù môi trường quân đội và tâm lý tuân thủ mệnh lệnh của chỉ huy đã hạn chế phần nào việc các chủ thể này, nhất là đội ngũ học viên sử dụng các quy định pháp luật để làm cơ sở kiến

ngợi, phản ánh hay đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Bốn là, áp dụng pháp luật về giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chưa thực sự chủ động, linh hoạt và kịp thời

Trong quá trình áp dụng các quy định, hướng dẫn về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao số lượng và tỷ lệ nhà giáo có trình độ tiến sĩ, đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn tồn tại một số bất cập. Việc ban hành các văn bản hướng dẫn nội bộ để cụ thể hóa các quy định của pháp luật về đào tạo, bồi dưỡng giảng viên có còn chậm và thiếu tính đồng bộ, khả thi. Điều này dẫn tới chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục có mặt còn hạn chế, tỉ lệ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có trình độ tiến sĩ, đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư, danh hiệu nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú mặc dù có tăng nhưng chưa đồng đều giữa các trường, đồng thời vẫn còn thấp so với các nhà trường trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đặc biệt là trong một số chuyên ngành đặc thù của quân đội như nhóm ngành khoa học quân sự (quân sự, chiến thuật, hậu cần, công tác đảng, công tác chính trị).

Hạn chế này có thể thấy rõ ở năm học 2024 – 2025, trong 10 học viện thuộc Bộ Quốc phòng chỉ có 2 học viện có giảng viên có chức danh giáo sư là Học viện quân y (5) và Học viện Kỹ thuật quân sự (3); 4 học viện có cán bộ quản lý giáo dục có chức danh giáo sư là Học viện Hậu cần (1), Học viện Kỹ thuật quân sự (4), Học viện quân y (4); Học viện Hải quân (1). Có thể thấy rằng, số lượng giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục có chức danh giáo sư ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng vẫn còn khiêm tốn và phát triển không đồng đều qua các năm học (Năm học 2018 – 2019: 22, năm học 2020 – 2021: 17;

năm học 2021-2022: 15; năm học 2022 – 2023:14; năm học 2023 - 2024: 8, năm học 2024 -2025: 17) [29].

Bên cạnh đó, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ chỉ đạt 31,35% (1246/3975) đã đặt ra thách thức trong việc đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng cao của pháp luật giáo dục đại học [Phụ lục 1]. Theo quy định tại Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 5/2/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đến năm 2030 không thấp hơn 30% đối với cơ sở không đào tạo tiến sĩ, hoặc tối thiểu 40-50% đối với cơ sở có đào tạo tiến sĩ. Một số nhà giáo vẫn chưa qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, đạt chuẩn về ngoại ngữ, hạn chế về khả năng truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn, chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ và có sự chênh lệch giữa các nhà trường cùng bậc đào tạo.

Ngoài ra, việc tổ chức thực hiện các quy định pháp luật nhằm tạo động lực, điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong quá trình công tác tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay vẫn chưa thật sự có hiệu quả, thể hiện ở việc bảo đảm nguồn kinh phí hỗ trợ cho khi đi học và tham gia nghiên cứu khoa học còn hạn chế (theo quy định hiện nay là mức hỗ trợ kinh phí cho cán bộ đào tạo sau đại học ngoài tiền học phí ra là 7 triệu đồng/người đào tạo thạc sĩ, 15 triệu/ người đào tạo tiến sĩ).

Một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng vẫn chưa có chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm cho đội ngũ cán bộ giảng viên, vẫn chủ yếu sinh hoạt nhờ đồng lương cơ bản do ngân sách nhà nước đảm bảo. Một số chính sách, pháp luật khi thực hiện đôi lúc còn thiếu dân chủ, chưa khoa học, chặt chẽ, thí dụ như chính sách thăng tiến đối với cán bộ, giảng viên hay việc phân công công tác cho học viên sau khi tốt nghiệp. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tâm tư và sự an tâm công tác lâu dài của một bộ phận cán bộ, giảng viên, học viên. Do đó vẫn còn có nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục chưa thực sự tâm huyết,

trách nhiệm với nghề nghiệp hay học viên chưa được bố trí công việc theo nguyện vọng và sở trường.

Thứ ba, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học

Một là, việc chấp hành pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chưa được thực sự nghiêm túc và đầy đủ.

Việc chấp hành các quy định về tuyển sinh quân sự có thời điểm còn chưa thật sự nghiêm túc, vẫn còn dễ xảy ra trường hợp thí sinh dự tuyển không đủ các tiêu chuẩn về sức khỏe, thí sinh quá tuổi dự tuyển [26] hay còn dễ xảy ra thất lạc hồ sơ, bỏ sót thí sinh khi xét tuyển [28], làm giảm hiệu quả của pháp luật trong tổ chức tuyển sinh. Bên cạnh đó, một số cơ quan, đơn vị vẫn chưa chấp hành đầy đủ các quy định về xây dựng, rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra, dẫn đến chất lượng xây dựng chuẩn chương trình đào tạo của một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn hạn chế, triển khai và báo cáo còn chậm; việc cập nhật, bổ sung các nội dung mới vào nội dung chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo chưa thống nhất và toàn diện [25].

Ở khía cạnh khác, việc chấp hành quy định về tổ chức đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thời điểm còn chưa nghiêm túc, vẫn còn xảy ra sai sót, vi phạm quy chế giáo dục và đào tạo. Mặc dù tỉ lệ vi phạm là rất ít nhưng vẫn còn tồn tại các trường hợp cán bộ, học viên vi phạm như ở Học viện Lục quân có 2 học viên vi phạm quy chế thi; Học viện Biên phòng có 3 cán bộ quản lý giáo dục vi phạm quy chế tuyển sinh [25]. Không chỉ vậy, xử lý các vụ việc vi phạm có thời điểm chưa kịp thời, vẫn còn biểu hiện chạy theo thành tích, giấu giếm khuyết điểm, né tránh, ngại va chạm. Việc xử lý các vụ việc vi phạm còn có lúc ít chú ý tới các hình thức như giáo dục, thuyết phục mà còn cứng nhắc, máy móc, thiên về xử phạt, dẫn đến việc giải quyết

các tình huống phát sinh chưa hiệu quả, thiếu tính thuyết phục. Chỉ huy các cấp vẫn chưa coi trọng việc rút kinh nghiệm các vụ việc vi phạm ở các đơn vị khác để ngăn chặn, phòng ngừa xảy ra trong đơn vị mình.

Trong hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, do tính đặc thù trong đào tạo quân sự và yêu cầu bảo đảm bí mật quốc phòng, an ninh trong một số chuyên ngành đào tạo nên các việc thực hiện các quy định về nguyên tắc công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình trong bảo đảm lượng giáo dục đại học cũng gặp nhiều khó khăn trong thực tiễn. Bên cạnh đó, việc chấp hành các quy định về quy trình kiểm tra đánh giá như chấm thi, đánh giá kết quả học tập có lúc, có nơi chưa khách quan, công bằng, vẫn còn tồn tại hiện tượng tiêu cực trong giáo dục đào tạo. Công tác sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm về thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động này chưa thường xuyên, kịp thời, có nội dung còn mang tính hình thức, thiếu tính cụ thể, chưa chỉ ra được những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong việc thực hiện quy định của pháp luật, dẫn đến nhiều khuyết điểm còn tồn tại kéo dài, chậm được khắc phục.

Hai là, việc áp dụng pháp luật về hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn chưa đồng bộ và bảo đảm sự thống nhất giữa quy định pháp luật và thực tiễn triển khai.

Trong thực tiễn áp dụng pháp luật về hoạt động đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng ở một số thời điểm còn chưa thật sự thống nhất và còn bộc lộ một số hạn chế nhất định trong tổ chức thực hiện. Cụ thể, việc ban hành và tổ chức các quyết định về tuyển sinh như tuyên truyền, hướng nghiệp tuyển sinh có thời điểm còn chưa phù hợp, kịp thời nên số lượng hồ sơ đăng kí sơ tuyển đại học có năm giảm, chưa thu hút được nhiều học sinh giỏi đăng kí dự thi [25]. Ngoài ra, một số quyết định áp dụng pháp luật về xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo có thời điểm ban hành còn chậm, chưa đúng

với hướng dẫn của cơ quan cấp trên và chuẩn đầu ra theo quy định của pháp luật, dẫn đến chất lượng xây dựng chương trình đào tạo của một số trường còn hạn chế, chưa liên thông giữa các bậc học, còn nặng về lý thuyết, chưa sát với sự phát triển của vũ khí, trang bị và thực tiễn huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu của đơn vị [18].

Bên cạnh đó, quá trình tổ chức thực hiện các quy định về quản lý đào tạo có thời điểm chưa hiệu quả, chưa cụ thể hóa các yêu cầu pháp lý về chuẩn đầu ra, kiến thức, cấu trúc chương trình, phương thức đánh giá người học vào kế hoạch đào tạo và tổ chức giảng dạy. Kết quả tổng kết, đánh giá quá trình đào tạo làm căn cứ cho việc ban hành các quyết định điều chỉnh chương trình đào tạo và phương thức quản lý đào tạo ở một số học viện chưa được thực sự thường xuyên, từ đó làm giảm hiệu quả điều chỉnh của pháp luật đối với hoạt động đào tạo. Vì thế, mặc dù tỉ lệ học viên tốt nghiệp các trình độ đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng là rất cao, nhưng vẫn có năm học, có học viên đào tạo sĩ quan cấp phân đội trình độ đại học không đủ điều kiện học tập, lưu ban hoặc không tốt nghiệp [28]. Chất lượng chuyên đề, luận án của một số nghiên cứu sinh còn thấp, tiến độ còn chậm, còn có nghiên cứu sinh xin thôi học [25].

Song song với đó, việc áp dụng các quy định pháp luật về xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thời điểm còn chưa thống nhất và chuẩn hóa trong tổ chức thực hiện. Cụ thể, việc ban hành các quyết định liên quan đến cơ cấu tổ chức, phân công chức năng, nhiệm vụ, quy chế phối hợp giữa các đơn vị chuyên trách còn thiếu tính đồng bộ, dẫn đến vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong chưa thật sự hiệu quả [30]. Ngoài ra, các yêu cầu pháp lý về bảo đảm tính khách quan, công bằng và minh bạch trong khảo thí khó được áp dụng đầy đủ, thống nhất trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng vì lý do bảo mật trong một số chuyên ngành đào tạo, làm giảm hiệu quả điều chỉnh của pháp luật trong lĩnh vực này.

Thứ tư, hạn chế trong thực hiện pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học

Một là, việc chấp hành pháp luật về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thời điểm còn chưa đầy đủ, đồng bộ, nghiêm túc

Trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, việc chấp hành các quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn bộc lộ một số hạn chế nhất định như việc chấp hành các quy định liên quan đến phát hiện, thu hút, quản lý, bố trí sử dụng các nguồn lực nghiên cứu khoa học còn thiếu đồng bộ, phù hợp, nghiêm túc. Một số quy định pháp luật về chế độ, chính sách động viên, khuyến khích cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học chưa được tuân thủ và thực hiện kịp thời. Việc thực hiện các quy định pháp lý về đảm bảo cơ sở vật chất, trang bị kỹ thuật, kinh phí chi trả cho nhiệm vụ nghiên cứu khoa học chưa đáp ứng với yêu cầu theo quy định; chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của nhà trường và công lao động khoa học, giá trị thực của sản phẩm.

Bên cạnh đó, việc chấp hành các quy định, hướng dẫn về nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo của một số cơ quan, khoa, đơn vị quản lý học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn mang tính hình thức, chưa thường xuyên, hiệu quả chưa cao, nội dung triển khai còn chưa sát với đặc điểm, tình hình của đơn vị và yêu cầu của thực tiễn. Điều này đã dẫn đến hoạt động khoa học quân sự có mặt chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn, chưa tạo được nhiều sản phẩm đưa vào trang bị; cơ sở hạ tầng, trình độ của một số tổ chức khoa học và công nghệ còn hạn chế, tụt hậu so với mặt bằng chung; tình trạng khép kín, thiếu liên kết trong thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ vẫn chưa được khắc phục; cơ sở dữ liệu về nhiệm vụ,

các nhà khoa học và trang thiết bị phòng thí nghiệm chưa được cập nhật đầy đủ [20]; từ đó giảm hiệu quả, hiệu lực thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này.

Ở khía cạnh khác, việc chấp hành quy định về hợp tác về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có thời điểm còn chưa nghiêm túc, vẫn còn xảy ra sai sót, vi phạm quy chế, quy định về nguyên tắc bảo mật thông tin, bí mật quân sự trong hợp tác quốc tế. Ví dụ như trường hợp của Trung úy V.M.Đ, Học viện Kỹ thuật quân sự, nguyên lưu học sinh tại Đại học Giao thông Tây An, Trung Quốc đã chấp hành không nghiêm các quy định, tự ý quan hệ với người nước ngoài, bị khống chế giao nhiệm vụ làm công tác cho họ [24].

Hai là, việc tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học còn thiếu tính cụ thể, chưa có được những biện pháp quyết liệt nhằm phát huy tốt vai trò của các lực lượng, nhất là giảng viên, học viên trong tham gia nghiên cứu khoa học.

Ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, công tác chỉ đạo, đôn đốc thực hiện các quy định về triển khai, thực hiện, nghiệm thu nhiệm vụ nghiên cứu khoa học còn chưa sâu sát dẫn đến có nhiệm vụ còn chưa thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và tính ứng dụng vào thực tế còn hạn chế [28]. Ngoài ra, do yêu cầu bảo mật đối với một số đề tài nghiên cứu khoa học liên quan đến quốc phòng, an ninh như kỹ thuật, chiến thuật và công nghệ quân sự đã làm cho việc thực hiện các quy định về công bố công khai hay thương mại hóa, chuyển giao công nghệ bị hạn chế, khó có khả năng thực hiện. Môi trường nghiên cứu khoa học chưa thực sự được đầu tư đúng mức, chưa phát huy được hiệu quả, lôi cuốn được mọi cán bộ, giảng viên và học viên tham gia nghiên cứu khoa học một cách tự giác, trở thành nhu cầu thường xuyên trong quá trình công tác. Hệ thống thư viện tuy đã được đầu tư nhất định nhưng về cơ bản vẫn chưa hiện đại hóa, chưa đáp ứng được yêu cầu, tài liệu chưa thực

sự phong phú, chưa cập nhật những nội dung mới, trang thiết bị tra cứu còn ít; bảo đảm giáo trình, tài liệu còn hạn chế.

Mặt khác, việc tổ chức thực hiện các quy định pháp luật trong hợp tác quốc tế của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng bị hạn chế do những đặc thù của các cơ sở này. Ví dụ như phạm vi hợp tác quốc tế cũng bị giới hạn ở một số lĩnh vực nhất định, nhất là các chuyên ngành, nội dung liên quan trực tiếp tới quốc phòng, an ninh. Bên cạnh đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chỉ được phép hợp tác với các tổ chức, cá nhân từ những quốc gia có quan hệ hữu nghị với Việt Nam và trong các lĩnh vực được cho phép. Việc trao đổi tài liệu, số liệu nghiên cứu, cử giảng viên và học viên đi đào tạo, thực tập ở nước ngoài cũng phải có sự kiểm duyệt chặt chẽ từ Bộ Quốc phòng và chỉ được thực hiện trong khuôn khổ hạn chế. Điều này làm giảm hiệu quả thực hiện các quy định về triển khai các thỏa thuận quốc tế về liên kết đào tạo, hạn chế sự tham gia các dự án nghiên cứu quốc tế cũng như cập nhật các kiến thức, công nghệ tiên tiến trên thế giới.

Thứ năm, hạn chế trong thực hiện pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Một là, việc chấp hành các quy định pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn chưa được đầy đủ, nghiêm minh, ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực công cho giáo dục đại học

Trước hết, ở một số cơ quan, đơn vị, việc thực hiện các quy định về tài chính và tài sản còn mang tính hình thức, vẫn còn tồn tại tình trạng thực hiện chưa nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công. Các quy định về quyết toán kinh phí ở một số đơn vị thực hiện còn thiếu chặt chẽ, chưa gắn với yêu cầu tiết kiệm, hiệu quả. Bên cạnh đó, trong thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng và bảo trì cơ sở vật chất có thời điểm còn chưa chấp hành nghiêm túc. Việc khai thác trang thiết bị dạy học hiện đại như phần

mềm, thiết bị mô phỏng, thư viện điện tử, thông tin tư liệu hiệu quả chưa cao [29]. Công tác kiểm tra, kiểm kê định kỳ chưa được tiến hành nghiêm túc, dẫn đến tình trạng chưa nắm bắt kịp thời hiện trạng, tình trạng sử dụng của từng loại tài sản, thiết bị.

Việc bảo dưỡng, bảo trì định kỳ có thời điểm còn chưa được quan tâm đúng mức, nguồn kinh phí dành cho công tác bảo trì, sửa chữa ở một số đơn vị còn hạn hẹp, chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Điều này đã dẫn đến vật chất bị xuống cấp nhanh, tuổi thọ giảm hoặc hư hỏng, ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sử dụng, gây lãng phí nguồn lực. Công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra tài chính, tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng tuy đã được chú trọng nhưng hiệu quả chưa cao, phát hiện và xử lý vi phạm ở một số trường hợp còn chậm, chưa đủ sức răn đe. Những hạn chế này không chỉ làm giảm hiệu lực, hiệu quả thực hiện pháp luật về tài chính và tài sản mà còn ảnh hưởng đến việc sử dụng nguồn lực công một cách minh bạch, bền vững.

Hai là, quá trình tổ chức và áp dụng các quy định pháp luật về tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng thiếu sự thống nhất và hiệu quả

Thực tiễn cho thấy, việc áp dụng các quy định pháp luật về phân bổ nguồn tài chính cho giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn chưa phù hợp trong khi thực tế, hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chủ yếu dựa vào nguồn thu từ ngân sách Nhà nước và từ học phí; nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn hạn chế. Điều này dẫn đến cơ sở vật chất đầu tư cho các học viện chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; một số nội dung đầu tư còn dàn trải, chưa tạo ra sự đột phá trong đầu tư cho một số nhà trường trọng điểm như Học viện Quốc phòng, Học viện Chính trị, Học viện Lục quân, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Quân y. Ngoài ra, diện tích phòng học, giảng đường mặc dù đã được đầu tư nhưng vẫn còn thiếu so với quy mô đào tạo.

Trang thiết bị dạy học, thực hành vẫn còn lạc hậu, chưa theo kịp với sự phát triển của khoa học công nghệ quốc phòng. Hệ thống thao trường, bãi tập chưa được đầu tư đầy đủ. Hệ thống thư viện, cơ sở dữ liệu vẫn còn chưa đáp ứng được nhu cầu học tập và nghiên cứu của giảng viên và học viên.

Mặt khác, việc thực hiện các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, biên soạn, phê duyệt đối với giáo trình, tài liệu còn chậm, chưa linh hoạt trong xử lý các tình huống cụ thể phát sinh như quy trình thẩm định kéo dài, trải qua nhiều khâu kiểm duyệt, dẫn đến mất nhiều thời gian từ khi phát hiện nhu cầu tới khi giáo trình được đưa vào sử dụng. Công tác rà soát, đánh giá chất lượng giáo trình đang sử dụng còn chưa được thực hiện thường xuyên theo định kì, đồng thời thiếu cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của giảng viên và học viên về sự phù hợp của giáo trình đối với mục tiêu môn học. Tài liệu, giáo trình cũ chậm bổ sung, thay thế, nhất là tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo ở thư viện còn hạn chế cả về số lượng và chất lượng, chưa đáp ứng được nhu cầu tra cứu, nghiên cứu của giảng viên, ảnh hưởng tới chất lượng dạy học của giảng viên và học viên.

3.2.2.2. Nguyên nhân của hạn chế trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam

Về nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, sự chống phá của các thế lực thù địch cùng với những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục đại học đã gây ra những ảnh hưởng nhất định đến thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Hiện nay, các thế lực thù địch, phản động vẫn không ngừng tăng cường xuyên tạc, kích động, ra sức chống phá Đảng, Nhà nước và Quân đội với nhiều thủ đoạn thâm độc, nhằm xóa bỏ bản chất giai cấp và sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội, với mục tiêu phi chính trị hóa quân đội. Bên cạnh đó, đất nước ta đang phải đối mặt với nhiều thách thức, khó khăn, nhất là Việt Nam đang trong quá trình hội nhập quốc tế và

chịu tác động mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Không chỉ có vậy, nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, an ninh đã đặt ra những yêu cầu mới đòi hỏi pháp luật về giáo dục đại học và việc thực hiện những quy định đó phải có sự điều chỉnh tương ứng phù hợp.

Thứ hai, vẫn còn tồn tại những quy định của pháp luật về giáo dục đại học còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với đặc thù quân sự của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, dẫn đến phát sinh điểm nghẽn trong quá trình thực hiện. Khi đánh giá về các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát, có tới 71% cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên và 61,4% học viên được hỏi cho rằng, một số quy định pháp luật vẫn còn mâu thuẫn, chưa thống nhất, dẫn đến gặp nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện [Phụ lục 7, 9]. Cụ thể:

Một là, mặc dù các quy định tại Điều 14, Luật Giáo dục đại học năm 2025 về quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học công lập trên phương diện tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, hoạt động đào tạo (tuyển sinh, xây dựng chương trình đào tạo) đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng bước đầu đáp ứng yêu cầu đặc thù của các nhà trường trong lực lượng vũ trang, song vẫn còn nội dung chưa được thiết kế đầy đủ, đồng bộ để phù hợp với hoạt động giáo dục đại học ở các cơ sở giáo dục đại học thuộc lực lượng vũ trang.

(i) Quy định về tự chủ trong tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điểm b, Khoản 1, Điều 14, Luật Giáo dục đại học năm 2025); trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học “phải công khai năng lực kết, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cập nhật thông tin hằng năm trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học” (Điểm đ, Khoản 3, Điều 28, Luật Giáo dục đại học năm 2025) chưa phù hợp với đặc thù hoạt động nghiên cứu khoa học trong nhà trường quân đội, do có nội dung phải công khai theo quy định trên liên quan đến bí mật

nhà nước, bí mật quân sự, gây khó khăn trong thực hiện các quy định này. Bên cạnh đó, mục tiêu của hoạt động nghiên cứu khoa học là phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của quân đội, cho nên cần quy định phải có sự giới hạn bởi các quy định pháp lý chuyên ngành.

(ii) Chưa quy định rõ thẩm quyền ban hành chuẩn chương trình đào tạo hoặc cơ chế phối hợp về ban hành chuẩn chương trình đào tạo đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh (Điểm a, Khoản 3, Điều 22, Luật Giáo dục đại học năm 2025).

Hai là, một số văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng, đặc biệt là Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội năm 2016 (ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Quốc phòng) chưa được sửa đổi phù hợp, thống nhất, đồng bộ với chủ trương, đường lối của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đột phá phát triển giáo dục đào tạo, Luật Giáo dục đại học năm 2025, Luật Nhà giáo năm 2025. Bên cạnh đó, còn thiếu các quy định hướng dẫn của Bộ Quốc phòng về việc cụ thể hóa các quy định của Nhà nước về chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, giảng viên trong quân đội phù hợp với chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài trong Quân đội nhân dân Việt Nam, chủ trương chính sách cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội phù hợp với đặc thù quân đội.

Về nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, một bộ phận cấp ủy, cán bộ chủ trì của một số cơ quan, đơn vị ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng chưa chủ động, kiên quyết, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về giáo dục đại học. Việc quán triệt, triển khai thực hiện văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, kế hoạch, hướng dẫn của cấp trên về hoạt động giáo dục đại học của một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế, có nội dung còn chậm, chất lượng chưa cao, chưa sát với đặc điểm, tình hình, chức năng, nhiệm vụ.

Thứ hai, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy ở một số cơ quan, đơn vị trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng còn có mặt hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Một số nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục còn chưa thực sự mẫu mực, gương mẫu trong chấp hành pháp luật Nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định của nhà trường; thiếu tính tự giác trong học tập, nâng cao phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Thứ ba, năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên trong thực hiện pháp luật về còn hạn chế. Năng lực xây dựng kế hoạch, tham mưu của một số cán bộ quản lý giáo dục còn những hạn chế nhất định như một số cán bộ chưa thực sự nắm vững các kiến thức chuyên ngành và liên ngành, đôi khi nắm chưa chắc các quy chế, quy định về giáo dục đại học, nhất là những quy định mới được ban hành. Năng lực dự báo tình hình nhiệm vụ giáo dục đại học còn có nhiều hạn chế, chưa phân tích, dự báo kịp thời những yếu tố tác động tới hoạt động giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, trình độ sử dụng công nghệ thông tin, đặc biệt là những ứng dụng mới của một số cán bộ, giảng viên còn hạn chế, do đó chưa khai thác được tiềm năng của việc sử dụng công nghệ vào quản lý, giáo dục chấp hành pháp luật và kỷ luật, phòng ngừa vi phạm pháp luật trong giáo dục đại học.

Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở một số học viện thuộc Bộ Quốc phòng được khảo sát, vẫn có một tỷ lệ nhỏ học viên (3,7%) đánh giá ở mức trung bình và yếu [Phụ lục 9]. Do đó, công tác tham mưu cho lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong việc xác định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai thực hiện các văn bản pháp luật, hướng dẫn của cấp trên của cơ quan chuyên môn như phòng đào tạo, phòng sau đại học, phòng khảo thí và bảo đảm chất lượng

giáo dục và đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng có lúc còn chưa đồng bộ và quyết liệt, hiệu quả chưa cao.

Qua thu thập và phân tích số liệu khảo sát về mức độ đồng thuận hoặc phản đối với nguyên nhân cơ bản của hạn chế trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nhìn chung có sự đồng thuận cao ở các nhóm đối tượng khảo sát đối với các nguyên nhân nêu trên. Các ý kiến “hoàn toàn đồng ý” và “đồng ý một phần” chiếm tỉ lệ từ 86% đến 92% (đội ngũ cán bộ, giảng viên) và từ 89% đến 92,5% “hoàn toàn đồng ý” và “đồng ý một phần” (học viên) [Phụ lục 7, 9]. Đáng lưu ý, những bất cập trong hệ thống pháp luật hiện hành và cơ chế tổ chức có sự đồng thuận cao, cho thấy đây vẫn được coi là điểm nghẽn quan trọng ảnh hưởng tới hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Tiểu kết chương 3

Ở chương 3, luận án luận giải, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đồng thời tiến hành khảo sát, đánh giá thực trạng của quá trình này, thông qua các hình thức cơ bản ở 4 nội dung điều chỉnh pháp luật. Qua nghiên cứu có thể thấy rằng, sự quan tâm của Đảng, Nhà nước; sự lãnh đạo toàn diện, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương, Thủ trưởng Bộ Quốc phòng và chỉ huy các cấp là nhân tố then chốt tạo nên những kết quả quan trọng trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau đã làm cho quá trình này vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định, ảnh hưởng tới kết quả thực hiện nhiệm vụ và đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục đào tạo ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Thông qua sự đánh giá khách quan những kết quả, hạn chế và làm rõ các nguyên nhân của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong chương này sẽ là cơ sở để nghiên cứu sinh xây dựng các quan điểm và giải pháp bảo đảm trong chương 4 của luận án.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

4.1.1. Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đột phá phát triển giáo dục đại học trong kỷ nguyên mới của dân tộc

Sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam là nguyên tắc cốt lõi, xuyên suốt trong quá trình xây dựng, trưởng thành của quân đội, bảo đảm quân đội luôn là lực lượng chính trị tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: *“Đảng có lãnh đạo chính trị đúng thì chuyên môn mới đúng. Công an nhân dân vũ trang hay Quân đội cũng thế, phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng từ trên xuống dưới.”* [77, tr. 403]. Do vậy, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải luôn đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của các cấp ủy Đảng, đặc biệt là các tổ chức Đảng trong quân đội. Đây là yêu cầu cơ bản, có ý nghĩa quyết định đến phương hướng, giải pháp bảo đảm hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Thực tiễn cho thấy, chỉ có quán triệt, vận dụng đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước, của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đổi mới giáo dục đại học mới bảo đảm cơ sở chính trị cho thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước, Đảng ta luôn chủ động, sáng tạo trong khai thác, vận dụng và phát triển các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục. Đảng luôn xác định chủ trương phát triển nền giáo dục của nước nhà, ở mọi cấp học, trong đó có giáo dục đại

học hội nhập, vươn tầm quốc tế, hướng tới một xã hội học tập suốt đời. Trong điều kiện hiện nay, để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu của Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị về giáo dục đại học như Nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Kết luận số 91-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 12/8/2024 tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo...

Đặc biệt, Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đã nhấn mạnh *“đất nước ta đang đứng trước vận hội lịch sử để phát triển bứt phá, yêu cầu xây dựng con người, xây dựng nguồn nhân lực đặt ra rất quan trọng và cấp bách, đòi hỏi phải đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”*, đồng thời chỉ rõ vai trò của giáo dục đại học *“là nòng cốt phát triển nhân lực trình độ cao, nhân tài, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”* [9]. Những chủ trương chiến lược của Đảng về nâng cao chất lượng giáo dục đại học đã thể hiện sự nhạy bén của Đảng với xu thế thời đại, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại, thành tựu giáo dục và đào tạo trên thế giới để áp dụng phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Để thực hiện được mục tiêu này, trong Nghị quyết cũng đã xác định phải *“hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo”*, đồng thời *“tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật”* [9].

Nghiêm túc với tinh thần đổi mới, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng đã xác định nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội là yêu cầu cấp thiết, nhiệm vụ chính trị trung tâm nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng,

chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Nghị quyết 1657 – NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới đã xác định: *“Giáo dục và đào tạo trong quân đội là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm, quan trọng hàng đầu của cấp ủy, chỉ huy các cấp; là một trong những khâu then chốt, đột phá, quyết định đến chất lượng xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật, góp phần xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, tăng cường quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc; cần được ưu tiên trong huy động và phân bổ các nguồn lực để phát triển trước một bước.”* [19, tr.2].

Chính vì vậy, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng luôn phải bảo đảm đúng định hướng, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đổi mới giáo dục đại học nhằm phù hợp với thực tiễn của đất nước và nhiệm vụ xây dựng quân đội hiện nay. Đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng đối với tất cả các khâu, các mặt của quá trình này, nhằm tạo nên sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các chủ thể, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

4.1.2. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả

Trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đồng thời để đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới, Nghị quyết 66 – NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ rõ *“công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước”* [8, tr.2], với

mục tiêu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 có cơ chế thực hiện pháp luật “*ng nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội*” [8, tr.2].

Do đó, thực pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng cần có sự đột phá, phải bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả, theo đúng quan điểm chỉ đạo của Đảng đã được nêu rõ trong Nghị quyết 66. Trước tiên, trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải phải chú trọng đến hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục đại học, bảo đảm bám sát thực tiễn giáo dục đại học quân sự. Mặt khác, thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học, nhằm bảo đảm sự thống nhất với các quy phạm pháp luật khác, đặc biệt là điều lệnh, điều lệ quân đội.

Thứ hai, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần phải tính đến đặc thù của môi trường giáo dục đại học quân sự cũng như đặc điểm của từng nhóm chủ thể, đồng thời bảo đảm nguyên tắc quyền và nghĩa vụ pháp lý của tổ chức, cá nhân được thực hiện bình đẳng, đầy đủ, không bị phân biệt đối xử giữa các đối tượng. Ngoài ra, cần phải chú nâng cao chất lượng hoạt động giải thích pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu lực thực tế của các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học.

Thứ ba, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần phải làm tốt việc đa dạng hóa phổ biến, giáo dục pháp luật, nhất là thông qua ứng dụng công nghệ số, kết hợp với phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục đại học nghiêm minh, kịp thời, phù hợp với tính chất và mức độ vi phạm. Xây dựng văn hóa pháp lý và tinh thần thượng tôn pháp luật cho mỗi chủ thể, trước hết là mỗi cấp ủy, tổ chức đảng

và từng đảng viên. Đây chính là cơ sở bền vững để các quy định pháp luật về giáo dục đại học được triển khai kịp thời và có hiệu quả ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

4.1.3. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quân đội nhân dân Việt Nam

Tại Điều 5, Luật Giáo dục đại học năm 2025 quy định về mục tiêu của giáo dục đại học ở các cơ sở đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân: “*Nhà nước xác định giáo dục đại học là nòng cốt trong phát triển nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển hệ thống giáo dục đại học hiện đại, chất lượng, linh hoạt, liên thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế và phát triển bền vững đất nước*” [92, tr.2]. Do vậy, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học không chỉ nhằm bảo đảm trật tự, kỉ cương trong hoạt động này mà quan trọng hơn là phải hiện thực hóa mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong kỉ nguyên mới của dân tộc.

Bên cạnh đó, Nghị quyết 1657 – NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới cũng nhấn mạnh, mục tiêu cụ thể của giáo dục đại học trong Quân đội nhân dân Việt Nam là “*đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên môn kỹ thuật có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; có phẩm chất đạo đức cách mạng; có kiến thức, năng lực toàn diện, chuyên nghiệp theo yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng tự học tập, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và thích ứng; có sức khỏe và độ tuổi phù hợp; có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế đáp ứng mục tiêu xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại*

và yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới” [19]. Đây cũng là một trong những đột phá trong nhiệm kỳ 2025 – 2027 đã được xác định trong Nghị quyết Đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XII, đó là “tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh thu hút, trọng dụng nhân tài, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội hiện đại” [95, tr.49].

Vì thế, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải bảo đảm hoàn thành mục tiêu kép, vừa phải góp phần hình thành những hành vi tích cực, hợp pháp của các chủ thể trong hoạt động giáo dục đại học, vừa phải hướng tới mục tiêu cuối cùng là thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đào tạo của từng học viện. Tính khả thi của các quy định pháp luật về giáo dục đại học sẽ thể hiện ở kết quả đào tạo của từng nhà trường, đó là đội ngũ cán bộ, sĩ quan quân đội có trình độ và năng lực toàn diện, đáp ứng chuẩn đầu ra của giáo dục đại học và yêu cầu xây dựng, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa của quân đội trong tình hình mới.

Trên cơ sở đó, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy phải bám sát mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục đào tạo và chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị mình, đồng thời gắn chặt với yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Từ đó xác định biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học thực chất, thống nhất và đồng bộ.

Mặt khác, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải được triển khai đồng bộ trên tất cả các mặt hoạt động giáo dục đại học, đảm bảo từng khâu của quá trình đào tạo phải được đặt trong khuôn khổ pháp luật, với mục tiêu chuyển hóa các quy định pháp luật thành chất lượng đào tạo thực chất, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải gắn với chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, giảng viên phát triển toàn diện cả về số lượng và chất lượng. Trong đó sự am hiểu và ý thức chấp hành pháp luật là một trong những yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị của người cán bộ, giảng viên, học viên trong thời kỳ mới. Ngoài ra, trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, cần phải kết hợp chặt chẽ giữa chuẩn mực chung của giáo dục đại học và yêu cầu về bản lĩnh chính trị, kỉ luật, tác phong và năng lực thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, sĩ quan quân đội.

4.1.4. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ với thực hiện các quy định pháp luật khác

Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải tiến hành đồng bộ với việc thực hiện các quy định pháp luật khác, đặc biệt là các quy định về quốc phòng, an ninh và kỉ luật quân đội. Quan điểm này nhằm bảo đảm sự vận hành thống nhất của hệ thống pháp luật trong việc điều chỉnh tất cả các lĩnh vực, mặt hoạt động của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng được diễn ra trong môi trường có tính chất quân sự đặc thù, chịu sự chi phối và điều chỉnh chủ yếu của các quy định về quốc phòng, an ninh và điều lệnh, điều lệ quân đội. Do vậy, nếu việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng không được triển khai đồng bộ với thực hiện các quy định pháp luật khác, sẽ dẫn đến nguy cơ áp dụng pháp luật thiếu nhất quán, làm giảm hiệu lực điều chỉnh của pháp luật nói chung.

Vì thế, trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần phải coi trọng và bảo đảm mối quan hệ

tương thích với hệ thống pháp luật có liên quan. Điều đó sẽ góp phần phòng ngừa xung đột, chòng chéo trong thực hiện pháp luật, bảo đảm nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, đồng thời tạo điều kiện để các quy định được vận dụng thống nhất trong thực tiễn, phù hợp với yêu cầu đặc thù của nhà trường quân đội. Trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả điều chỉnh của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, đồng thời hướng tới thực hiện đồng bộ mục tiêu phát triển giáo dục đại học và mục tiêu bảo đảm nhiệm vụ quốc phòng, xây dựng quân đội.

4.1.5. Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam phải gắn với yêu cầu ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, đồng thời phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 và hội nhập quốc tế đã và đang tác động toàn diện tới lĩnh vực quốc phòng, an ninh và quá trình xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Do đó, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng cần phải khai thác, phát huy triệt để các tác động tích cực mà cuộc cách mạng này mang lại, trong đó phải “ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, bảo đảm “đúng, đủ, sạch, sống”, liên thông, dễ khai thác, dễ sử dụng, an toàn thông tin và bí mật nhà nước” [8].

Chuyển đổi số phải đóng vai trò trung tâm trong công tác xây dựng, triển khai và kiểm tra quá trình tổ chức và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng ngang tầm các nước tiên tiến, tổ chức kết nối mạng rộng khắp trong toàn quân phải là những công cụ hỗ trợ nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả và khả năng

kiểm soát việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Đồng thời, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng phải gắn với quá trình hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về xây dựng, thực hiện pháp luật. Đồng thời tận dụng hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của các điều ước quốc tế về giáo dục đại học mà Việt Nam tham gia và ký kết. Tham khảo, tiếp thu có chọn lọc những quy định của pháp luật, kinh nghiệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội của một số quốc gia trên thế giới, từ đó kế thừa những yếu tố tiên bộ, áp dụng vào các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trên cơ sở phù hợp với đặc thù và điều kiện cụ thể của từng đơn vị.

Bên cạnh đó, cũng cần có cơ chế đặt biệt để thu hút chuyên gia pháp lý nước ngoài; đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ có trình độ, kinh nghiệm thực tiễn về pháp luật quốc tế và khả năng tổ chức thực hiện, áp dụng các quy định pháp luật quốc tế trong quá trình hợp tác. Điều này bảo đảm cho quá trình này vừa mang tính hội nhập, hiện đại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả, vừa giữ được những nét đặc thù, độc lập trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

4.2. GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG, VIỆT NAM

4.2.1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Nâng cao năng lực lãnh đạo và tăng cường sự lãnh đạo toàn diện, thường xuyên và có trọng tâm của các cấp ủy Đảng là yếu tố quyết định tới hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Để thực hiện tốt giải pháp này, trong thời gian tới cần tập trung vào một số nội dung sau:

Thứ nhất, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết định hướng chiến lược phát triển giáo dục đại học, đồng thời hoàn thiện khung pháp lý về giáo dục đại học trong các hệ thống cơ sở giáo dục đại học quốc dân nói chung và các học viện, nhà trường trong quân đội nói riêng. Trong bối cảnh nền giáo dục đại học quốc dân đang đổi mới căn bản, toàn diện, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng cần được định hướng phát triển rõ ràng, phù hợp với yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Vì thế, Đảng cần đề ra chủ trương, hoạch định đường lối, ban hành các nghị quyết chuyên biệt về phát triển giáo dục đại học trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Đặc biệt, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng cần tham mưu, đề xuất với Đảng về những định hướng phát triển giáo dục đại học quân sự gắn với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; xác định vị thế, vai trò và lộ trình phát triển của từng học viện, đồng thời đề ra những mục tiêu, giải pháp đột phá để nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong tình hình mới.

Bên cạnh đó, Đảng cần tiếp tục quan tâm, lãnh đạo việc hoàn thiện khung pháp lý về giáo dục đại học cũng như trong tổ chức và thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, nhằm đảm bảo công tác xây dựng và thi hành pháp luật “là đột phá của đột phá trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.” [8]. Do vậy, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng cần ban hành nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng nghiên cứu, đề xuất với Đảng, Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến giáo dục đại học trong quân đội, bảo đảm phù hợp với đặc thù quốc phòng, an ninh. Đồng thời chỉ đạo, tăng cường giám sát, kiểm tra, bảo đảm các quy định pháp luật về giáo dục đại học được triển khai đồng bộ, hiệu quả trong hệ thống nhà trường quân đội nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng.

Thứ hai, cấp ủy đảng các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, triển khai các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về giáo dục đại học, nhất là Nghị quyết 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo”, Nghị quyết 1657 - NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng “về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới”; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Trong quá trình triển khai cần nhận diện, nắm rõ những vấn đề mới, những yêu cầu đổi mới, bám sát chức năng, nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo của từng học viện để xác định những chủ trương, biện pháp lãnh đạo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Đồng thời, cấp ủy Đảng các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần thường xuyên quan tâm lãnh đạo, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc xây dựng và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở đơn vị mình theo kế hoạch và lộ trình cụ thể. Thường xuyên quán triệt, giáo dục, nâng cao nhận thức cho các chủ thể, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, giảng viên, học viên về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: “*Tư tưởng đúng thì hành động mới khỏi sai lạc và mới làm tròn nhiệm vụ cách mạng được*”. Trong tình hình hiện nay, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học phải được xác định là trách nhiệm chung của các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Khi nhận thức rõ được điều này, mỗi chủ thể sẽ hiểu và xác định rõ chức trách, nhiệm vụ của mình, tạo ra sự thống nhất cao giữa nhận thức và hành động, phát huy sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, cá nhân trong hoạt động này.

Thứ ba, cấp ủy Đảng các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần thực hiện nghiêm túc, có chất lượng các đợt sơ kết, tổng kết thực hiện các nghị quyết, chỉ thị về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học để làm rõ những mặt mạnh, mặt yếu, nguyên nhân về lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện trong từng giai đoạn, từng mặt hoạt động, làm rõ trách nhiệm của các chủ thể, phát hiện và giải quyết kịp thời những tồn tại, vướng mắc, vi phạm trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đó, cung cấp các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ cho việc tham mưu cho Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng những giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong các nhà trường quân đội.

Đồng thời, phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, các tổ chức đảng trong việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học; nêu cao vai trò tiên phong gương mẫu của các tổ chức đảng và đảng viên trong tuân thủ và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật về giáo dục đại học, tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong đơn vị. Qua đó góp phần xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, minh bạch, nâng cao ý thức pháp luật của toàn thể cán bộ, giảng viên và học viên, từ đó tạo nền tảng vững chắc nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

4.2.2. Hoàn thiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học

Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam nói chung và các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng đang có sự phát triển nhanh chóng với mục tiêu tiếp cận những nền giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển bền vững. Để làm được điều này cần có một hành lang pháp lý thống nhất và thông thoáng, thể hiện qua chất lượng chính sách, pháp luật về giáo dục đại học. Tuy nhiên hiện nay, hệ thống pháp luật về giáo dục đại học còn có điểm vướng mắc, bất cập, chưa phù hợp với thực tiễn là một trong những nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng nhất

định đến hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Tại Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8//2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục đào tạo đã nhấn mạnh phải “*đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển giáo dục và đào tạo*” [9, tr.6], trong đó “*tập trung hoàn thiện các quy định pháp luật để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt về thể chế, cơ chế, chính sách; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng và thực thi pháp luật*” [9, tr.6]. Do vậy, để thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đạt hiệu quả tốt cần phải hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục đại học, đáp ứng cơ bản các tiêu chí “*dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi*” [8].

Do vậy, các cơ quan có thẩm quyền thuộc Bộ Quốc phòng cần nghiên cứu, rà soát toàn diện văn bản pháp luật về giáo dục đại học nhằm phát hiện những nội dung còn mâu thuẫn, chồng chéo, không khả thi, gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện. Từ đó chủ động tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung một số nội dung văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về giáo dục đại học nhằm bảo đảm thống nhất, phù hợp với đặc điểm, tình hình, chức năng nhiệm vụ của Quân đội và thực tiễn của từng học viện; thay thế những văn bản vi phạm những quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành nhằm đảm bảo trật tự pháp lý của hệ thống pháp luật về giáo dục đại học. Trên cơ sở phân tích thực trạng và nguyên nhân, luận án đề xuất một số nội dung pháp luật cần hoàn thiện như sau:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện một số quy định trong Luật Giáo dục đại học năm 2025 nhằm tạo ra sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng:

(i) Cần bổ sung một số quy định liên quan đến vấn đề công khai, minh bạch thông tin như tại Điểm đ, Khoản 3, Điều 28, Luật Giáo dục đại học năm

2025 “việc công khai năng lực kết, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cập nhật thông tin hằng năm trên Nền tảng số quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học, trừ những nội dung thuộc bí mật quân sự, bí mật quốc gia”; hay Điểm c, Khoản 3, Điều 43 “Minh bạch thông tin, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người học và các bên liên quan; trừ những nội dung thuộc bí mật quân sự, bí mật quốc gia” nhằm phù hợp với nguyên tắc bảo đảm bí mật quốc gia trong lĩnh vực quân sự - quốc phòng ở các nhà trường quân đội và các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

(ii) Cần bổ sung nội dung quy định liên quan đến quyền tự chủ trong Luật Giáo dục đại học năm 2025 như Điểm b, Khoản 1, Điều 14: “tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, sử dụng, khai thác hợp pháp tài sản, tài nguyên, sở hữu trí tuệ, hoạt động hợp tác quốc tế, trừ các cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an” Đây là những đơn vị sự nghiệp công lập đặc biệt, thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác quốc tế nhằm thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

(iii) Quy định rõ cơ chế phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Quốc phòng về ban hành chuẩn chương trình đào tạo đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh (Điểm a, Khoản 3, Điều 22, Luật Giáo dục đại học năm 2025).

Thứ hai, nghiên cứu, sửa đổi các quy định hướng dẫn về giáo dục đại học của Bộ quốc phòng và các cơ quan chức năng theo hướng phù hợp với những quy định mới của Luật Giáo dục đại học 2025 và chủ trương, chính sách của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. Trong đó cần tập trung sửa đổi Điều lệ Công tác nhà trường Quân đội năm 2016 (ban hành kèm theo Thông tư số 51/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Quốc phòng) ở một số nội dung sau:

(i) Bổ sung các quy định liên quan đến mục tiêu, yêu cầu giáo dục đào tạo, nhiệm vụ công tác nhà trường quân đội được quy định tại Chương 1 theo hướng cập nhật những nội dung trong Nghị quyết 71 – NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; nhiệm vụ xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao cho quân đội trong tình hình mới.

(ii) Sửa đổi và bổ sung các quy định liên quan đến tổ chức và quản trị ở “Chương 2: Tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của nhà trường quân đội”; bổ sung các quy định về hoạt động đổi mới sáng tạo ở “Chương 3: Hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ”; bổ sung các quy định về nhân sự hỗ trợ giáo dục ở “Chương 4: Nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục” để bảo đảm sự tương thích và cập nhật các quy định mới của Luật Giáo dục đại học năm 2025. Đặc biệt, sửa đổi, bổ sung các quy định về chính sách về thu hút, trọng dụng nhân tài trong Quân đội nhân dân Việt Nam; chính sách đãi ngộ, chế độ đặc thù đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để thu hút cán bộ đơn vị về nhà trường công tác.

(iii) Sửa đổi các quy định tại “Chương VIII: Quản lý công tác nhà trường quân đội” nhằm phù hợp với các quy định về tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và tổ chức quân đội theo hướng “tinh, gọn, mạnh”; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực cho giáo dục đại học; giảm đầu mối cơ quan quản lý đối với các cơ sở giáo dục, đảm bảo nguyên tắc gắn trách nhiệm quản lý chuyên môn với quản lý nhân sự và tài chính.

4.2.3. Đẩy mạnh đầu tư nguồn lực vật chất cho thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Để hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng diễn ra thuận lợi, hiệu lực, hiệu quả thì việc bảo đảm về nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất và trang thiết bị là rất cần thiết và cần được chú trọng ưu tiên. Đây cũng là giải pháp được nhấn mạnh tại Nghị quyết 66-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi

hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới “Bố trí nguồn ngân sách phù hợp, tương xứng cho công tác tổ chức thi hành pháp luật. Ưu tiên nguồn lực tương xứng cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” [8, tr.7]. Do đó cần chú ý một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần phối hợp với các cơ quan chức năng tham mưu với Quân ủy Trung ương, Bộ quốc phòng về phương hướng, giải pháp phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở đơn vị mình, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách Nhà nước bảo đảm cho Bộ Quốc phòng hằng năm. Trên cơ sở đó, Bộ Quốc phòng cần đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật về giáo dục đại học; chú trọng bảo đảm kinh phí, ngân sách cho: (i) xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục đại học (công tác nghiên cứu, soạn thảo, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức hội thảo, tọa đàm lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia pháp luật; chi phí in ấn, phổ biến, quán triệt văn bản pháp luật trong đơn vị mình); (ii) đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ về pháp luật giáo dục đại học cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, báo cáo viên pháp luật; (iii) đầu tư kinh phí cho các hoạt động nghiên cứu khoa học pháp lý, cơ chế thực hiện pháp luật, hoạt động kiểm tra, giám sát việc thực hiện pháp luật; tổng kết thực tiễn, tác động của thực hiện chính sách, pháp luật về giáo dục đại học ở các cơ quan, đơn vị.

Thứ hai, lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng căn cứ vào tình hình đơn vị cần xây dựng và ban hành các kế hoạch, quy chế cụ thể để khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở, trang thiết bị, phương tiện, tạo điều kiện thuận lợi cho thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở đơn vị mình. Việc đầu tư phải được thực hiện trên cơ sở khảo sát kỹ, đánh giá đúng thực trạng của mỗi học viện, đồng thời phải thiết thực, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với khả năng kinh phí bảo đảm,

tránh đầu tư dàn trải, kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí. Đồng thời phải có giải pháp kiểm soát chặt chẽ quá trình đầu tư và quản lý tài sản công, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để tăng cường nguồn lực bố trí cho việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.

Theo đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần đầu tư hiện đại hóa các giảng đường đa năng, trung tâm huấn luyện mô phỏng, thư viện số, phòng thực hành, phòng thí nghiệm bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm. Xây dựng hệ thống thao trường huấn luyện kỹ thuật, chiến thuật tổng hợp, đáp ứng yêu cầu tác chiến hiện đại, bảo đảm an toàn, sát với thực tiễn chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu của bộ đội. Tập trung đầu tư hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin, khai thác hiệu quả mạng quân sự, xây dựng hệ thống bài giảng trực tuyến, bài giảng điện tử, làm đề thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của học viên. Các phần mềm quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học được xây dựng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan.

Ngoài ra, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần đặc biệt chú trọng tới việc ưu tiên nguồn nhân lực để xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, tạo sự liên kết thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu lớn trong việc rà soát, phát hiện các bất thường, vi phạm trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học như phát hiện sai sót trong quá trình tuyển sinh, thực hiện quy chế đào tạo, quy chế thi, kiểm tra, quản lý học tập, công nhận tốt nghiệp... Xây dựng ứng dụng di động cho phép cán bộ, giảng viên, học viên tra cứu nhanh các quy định của pháp luật về giáo dục đại học hay phản ánh, kiến nghị những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở đơn vị mình một cách thuận tiện, kịp thời. Chú trọng vấn đề bảo mật thông tin, dữ liệu nhạy cảm liên quan đến hồ sơ học viên, kết quả đào tạo, tránh tình trạng rò rỉ, truy cập trái phép, làm giả hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ.

Thứ ba, các học viện cũng cần chú trọng vấn đề khai thác, sử dụng, vận hành hệ thống này theo phương châm bảo đảm tính đồng bộ, liên thông, hiệu quả, chính xác. Với mục tiêu này, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần ban hành các quy định về sử dụng công nghệ thông tin vào trong giảng dạy, huấn luyện, công tác; tập huấn cho các chủ thể về quy trình sử dụng, quản lý, kỹ năng khai thác hiệu quả công nghệ thông tin ở các cơ quan, đơn vị. Thực hiện đánh giá, rà soát định kì hiệu quả việc sử dụng trang thiết bị, cơ sở vật chất, từ đó có phương án bổ sung, nâng cấp phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Khuyến khích, tạo điều kiện cho việc phát triển những giải pháp công nghệ nội bộ phù hợp với đặc thù của từng học việc, nhằm tận dụng nguồn lực sẵn có, nâng cao tính chủ động và bảo mật trong quản lý thông tin. Giải pháp này cần căn cứ vào điều kiện nguồn lực của mỗi đơn vị, thực hiện theo lộ trình với mục tiêu cụ thể, nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thời gian tới.

4.2.4. Hoàn thiện tổ chức bộ máy gắn với nâng cao trình độ, năng lực, trách nhiệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, học viên các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng theo hướng tinh, gọn, hiệu quả

Tinh gọn tổ chức, lực lượng là khâu đột phá trong tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam, tạo tiền đề cho mục tiêu hiện đại hóa lực lượng vũ trang, phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đã được xác định cụ thể trong Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 17/1/2022 của Bộ Chính trị về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021- 2030 và những năm tiếp theo. Đây cũng là giải pháp tất yếu để thực hiện tốt các quy định pháp luật về giáo dục đại học, không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời gian tới.

Trước mắt, Bộ Quốc phòng cần chủ trì việc tiếp tục quy hoạch và điều chỉnh tổ chức bộ máy trong hệ thống nhà trường quân đội nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng, theo hướng “bảo đảm cơ cấu tổ chức đồng bộ, hợp lý; hoàn thiện các quy chế, quy định bảo đảm rõ chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác, cơ chế phối hợp, quản lý, chỉ huy, điều hành sau sắp xếp tổ chức lại các cơ quan, đơn vị” [95, tr.61]. Trên cơ sở đó, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị và các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng tiếp tục chỉ đạo, hướng dẫn các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cụ thể hóa và thực hiện các văn bản pháp lý về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, biên chế của từng cơ quan, đơn vị với những mục tiêu, lộ trình, giải pháp tổ chức thực hiện.

Trong quá trình triển khai cần bám sát, áp dụng thống nhất các quy định của pháp luật giáo dục đại học về tổ chức và quản trị, các quy định riêng của Bộ Quốc phòng, đặc biệt là Nghị quyết số 230-NQ/QUTW ngày 02/04/2022 của Quân ủy Trung ương, Kế hoạch số 1228/KH-BQP ngày 25/4/2022 của Bộ Quốc phòng về tổ chức Quân đội nhân dân Việt Nam giai đoạn 2021-2030 và những năm tiếp theo. Đồng thời, để đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng cần ban hành các văn bản hướng dẫn, giải thích pháp luật, làm rõ nguyên tắc, tiêu chí và phạm vi sắp xếp tổ chức bộ máy; mối quan hệ công tác của các cơ quan, đơn vị sáp nhập, điều chỉnh, thành lập mới trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Trên cơ sở đó, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tiếp tục tiến hành rà soát các cơ quan, đơn vị, khoa, bộ môn có sự trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ, chức năng hoặc chức năng, nhiệm vụ không còn phù hợp với tình hình mới để giải thể hoặc sáp nhập với các đơn vị khác; giám đầu mối trung gian trong tổ chức bộ máy. Ví dụ như sáp nhập Phòng Đào tạo với Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng giáo dục, đào tạo thành một cơ quan chuyên môn có nhiệm vụ quản lý toàn bộ quá trình đào tạo ở các đơn vị này. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế phân quyền rõ ràng giữa Ban Giám đốc và các cơ quan, đơn

vị trực thuộc nhằm tránh sự chồng chéo, đồng thời rút ngắn quy trình áp dụng pháp luật về giáo dục đại học.

Bên cạnh đó, trên cơ sở đặc thù và thực tiễn hoạt động của từng đơn vị, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn đối với từng vị trí, lĩnh vực chuyên môn. Việc xây dựng tiêu chuẩn cần đặc biệt chú trọng đối với các chức danh quản lý chủ chốt, bao gồm thành viên của Ban Giám đốc, người đứng đầu các cơ quan, khoa, bộ môn, giảng viên. Thêm vào đó, ưu tiên bố trí các cán bộ có năng lực và kinh nghiệm vào vị trí then chốt, đặc biệt là các đơn vị mới được sáp nhập. Ngoài ra, đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý là yêu cầu cấp thiết, nhằm hạn chế sai sót, bảo đảm tính thống nhất, minh bạch, qua đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý giáo dục và quản trị nhà trường. Đây là nền tảng quan trọng để triển khai và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng một cách đồng bộ và hiệu quả.

Quá trình sắp xếp, tổ chức đổi mới bộ máy phải bảo đảm khoa học, phù hợp với thực tiễn với lộ trình thích hợp, không làm ảnh hưởng tới hoạt động giáo dục đại học của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Đồng thời luôn phải bảo đảm và giữ vững sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với Quân đội nhân dân Việt Nam. Song song với đó, việc thực hiện giải pháp phải có cơ chế giám sát, kiểm tra, gắn với trách nhiệm pháp lý của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện. Ngoài ra, quá trình này cũng tác động nhiều tới tâm tư, tình cảm của cán bộ, giảng viên, từ đó gián tiếp ảnh hưởng tới kết quả thực hiện nhiệm vụ và các quy định pháp luật về giáo dục đại học. Do đó, cần phải kết hợp công tác chính sách với kịp thời nắm bắt và giải quyết những vướng mắc, vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức, tinh gọn bộ máy ở các đơn vị này.

Thứ hai, nâng cao trình độ, năng lực, ý thức trách nhiệm trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, học viên các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên, học viên là lực lượng nền tảng, cốt lõi, trực tiếp thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Do đó, tiếp tục kiện toàn và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên “vừa hồng, vừa chuyên”, có số lượng, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu năng lực trình độ; đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ học viên là giải pháp mang tính chiến lược để bảo đảm hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Nhằm đạt được mục đích này, cần thực hiện tốt các nội dung sau:

Một là, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng cần tiếp tục chú trọng công tác xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng theo hướng đủ về số lượng, từng bước nâng cao về chất lượng, đáp ứng các tiêu chuẩn của pháp luật về sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn. Đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch, tuyển chọn, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ này, bám sát Quyết định số 4565/QĐ-BQP ngày 20/9/2023 của Bộ Quốc phòng phê duyệt triển khai thực hiện Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo” và các quy định về thu hút, trọng dụng nhân tài trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tiếp tục coi trọng và ưu tiên thực hiện các kế hoạch tạo nguồn cán bộ, giảng viên đi đào tạo sau đại học, nhằm đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa cán bộ, giảng viên của các nhà trường quân đội, với chất lượng và cơ cấu hợp lý, đáp ứng mục tiêu “từ năm 2026 đến hết năm 2030 có 95% cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên đạt chuẩn theo quy định, 75% trở lên nhà giáo qua cương vị chỉ huy, quản

lý đơn vị phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo của từng đối tượng; 20-30% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, trên 1500 nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục được đi đào tạo trình độ tiến sĩ” [19].

Trên cơ sở đó, tập trung bồi dưỡng đội ngũ giảng viên theo hướng phát triển năng lực toàn diện theo các nhóm: năng lực nghiên cứu khoa học, kỹ năng giảng dạy theo phương pháp hiện đại, nghiên cứu khoa học ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kinh nghiệm thực tiễn. Đối với cán bộ quản lý giáo dục chú trọng bồi dưỡng các nhóm năng lực: quản trị nhà trường, quản lý học viên, chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kiến thức thực tiễn. Ngoài những nhóm năng lực cơ bản này, để bảo đảm hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, cần tăng cường bồi dưỡng tri thức pháp luật, kỹ năng thực thi pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt là các chủ thể có thẩm quyền áp dụng pháp luật.

Hai là, xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về pháp luật giáo dục đại học cho đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên phù hợp với từng nhóm đối tượng như cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo; giảng viên; cán bộ làm công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục đào tạo... Chú trọng thực hiện tốt việc tổ chức giao nhiệm vụ cho cán bộ, giảng viên trước khi đi luân chuyển, thực tế; các đơn vị tiếp nhận cần giao thực quyền cho cán bộ các nhà trường đến thực tế tại đơn vị để nâng cao kiến thức thực tiễn, kỹ năng thực thi pháp luật, giải quyết các tình huống cụ thể trong giáo dục đại học.

Ba là, thực hiện tốt công tác quản lý, đánh giá thực trạng năng lực giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém, từ đó đưa ra những phương hướng và giải pháp khắc phục, từng bước nâng cao năng lực của đội ngũ này. Đồng thời, kiên quyết xử lý những hành vi vi phạm pháp luật về giáo dục đại học của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, nhất

là những sai phạm liên quan đến vấn đề đạo đức nhà giáo, văn hóa ứng xử, tiêu cực trong giáo dục đại học, với mục tiêu đảm bảo quyền lợi hợp pháp của học viên được đặt lên hàng đầu, đồng thời xây dựng, gìn giữ môi trường sư phạm quân sự kỷ luật, nghiêm minh.

Bốn là, đặc biệt quan tâm đến việc cải thiện điều kiện làm việc, thực hiện tốt các chính sách liên quan đến hậu phương quân đội; chính sách đãi ngộ, trọng dụng nhân tài, hỗ trợ nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; chính sách lương, thưởng, phụ cấp hợp lý tương xứng với năng lực và đóng góp; chính sách chăm sóc sức khỏe, đời sống tinh thần sẽ góp phần thu hút, giữ chân những cán bộ giỏi. Chăm lo xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo giáo có trình độ chuyên môn cao, có chức danh khoa học, giáo viên dạy giỏi, nhà giáo ưu tú. Đồng thời cần chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, dân chủ, khoa học, tạo động lực làm việc cho đội ngũ này.

Năm là, nâng cao ý thức, trách nhiệm của đội ngũ học viên ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Bên cạnh việc tích cực phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học cho đội ngũ này, các học viện cần cụ thể hóa các quy định pháp luật thành tiêu chí đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, thi đua, khen thưởng và kỉ luật cho học viện, từng bước xây dựng thói quen, ý thức tự giác tìm hiểu và chấp hành pháp luật về giáo dục đại học của đội ngũ này. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò giám sát, đấu tranh của học viên với những biểu hiện sai trái, vi phạm pháp luật về giáo dục đại học, gắn với vai trò nêu gương của đội ngũ cán bộ, giảng viên, góp phần xây dựng môi trường giáo dục đại học kỷ cương, nề nếp, thượng tôn pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

4.2.5. Đổi mới và đa dạng hóa các hình thức, phương pháp tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học cho các chủ thể,

đồng thời xây dựng môi trường văn hóa tuân thủ pháp luật ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Hiệu quả của công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật sẽ là cơ sở hình thành sự hiểu biết, ý thức tuân thủ và văn hóa thượng tôn pháp luật của mỗi chủ thể. Do vậy, thường xuyên giáo dục cho các đối tượng những nội dung cơ bản của chính sách, pháp luật giáo dục đại học bằng những hình thức đa dạng, phong phú, là cơ sở để nâng cao chất lượng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Mục tiêu của nhóm giải pháp này là *“làm cho các cá nhân hiểu được ý nghĩa xã hội, giá trị xã hội của các quy định pháp luật của những hành vi hợp pháp và tuân thủ nó một cách tự nguyện, chứ không phải vì sợ chế tài pháp luật”* [85, tr.44]. Theo đó, cần chú trọng thực hiện tốt một số nội dung, giải pháp sau:

Thứ nhất, cấp ủy, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh giáo dục pháp luật bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú để quán triệt, phổ biến các chính sách, pháp luật về giáo dục đại học, nhất là những quy định mới ban hành. Nội dung các quy định pháp luật về giáo dục đại học có thể được lồng ghép vào chương trình giáo dục pháp luật của từng đơn vị hay các hoạt động công tác đảng, công tác chính trị phù hợp với từng nhóm đối tượng; kết hợp giữa phổ biến giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị, tư tưởng của hội đồng quân nhân và các tổ chức quần chúng như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ...bảo đảm tính khoa học, chất lượng, định hướng chính trị rõ ràng.

Đổi mới phương pháp, hình thức giáo dục theo hướng lựa chọn nhiều phương pháp, hình thức giáo dục phù hợp với từng đối tượng, đặc thù của nhà trường quân đội và thực tiễn pháp lý. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật. Mặt khác, kết hợp giữa giáo dục pháp luật với rèn luyện những kỹ năng cần thiết áp dụng đối với từng hình thức thực hiện pháp luật cho mỗi chủ thể. Nâng cao hiệu

quả hoạt động của “tổ tư vấn tâm lý, pháp luật quân nhân”, “tủ sách pháp luật” trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Ngoài ra, cần chú trọng đến việc kết hợp giáo dục pháp luật và giáo dục đạo đức, làm cho mỗi chủ thể nhận thức rõ được mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức, ngăn chặn được những hành vi trái đạo đức và pháp luật Nhà nước, kỷ luật Quân đội, hình thành những hành vi hợp pháp và hợp đạo đức. Bên cạnh tiếp tục phát huy những cách làm hay, những mô hình hiệu quả trong giáo dục pháp luật, cần có cơ chế khen thưởng, biểu dương kịp thời nhằm khuyến khích, động viên các tập thể, cá nhân có sáng kiến, giải pháp đem lại hiệu quả cao trong giáo dục pháp luật.

Thứ hai, kết hợp công tác giáo dục, quản lý của cơ quan, đơn vị với động viên, phát huy ý thức tự giác, tích cực học tập, tìm hiểu pháp luật về giáo dục đại học của mỗi cán bộ, học viên. Mỗi cá nhân cần phải có nhận thức rõ ràng, đầy đủ về vị trí, ý nghĩa của việc tự tìm hiểu các quy định pháp luật về giáo dục đại học liên quan đến chức trách, nhiệm vụ cũng như kỹ năng thực hành pháp luật. Đồng thời, cấp ủy, chỉ huy các cấp cũng cần hết sức quan tâm, thường xuyên hướng dẫn, định hướng cho các chủ thể xây dựng kế hoạch, nội dung, biện pháp cụ thể tự bồi dưỡng, rèn luyện bản thân. Qua đó xây dựng động cơ, ý chí quyết tâm, tính tích cực tự giác trong tu dưỡng rèn luyện đạo đức, xây dựng, hình thành lối sống theo pháp luật, xử sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội, tạo ra môi trường thuận lợi để thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện trong toàn quân được diễn ra hiệu quả, góp phần hiện thực hóa các quy định của pháp luật vào đời sống thực tiễn.

Thứ ba, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần thường xuyên xây dựng môi trường văn hóa tuân thủ pháp luật chính quy, nghiêm minh, kỉ luật cao. Bởi vì, “để có thể đưa các quy định pháp luật vào cuộc sống, vào hành vi thực tế của con người, phải cần môi trường xã hội – pháp lý... Mục đích của xây

dựng môi trường xã hội, pháp lý là tăng cường các hành vi hợp pháp, nâng cao chất lượng, hiệu quả của pháp luật, giảm thiểu các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi lãnh đạm, thiêu hay mất niềm tin vào pháp luật.” [86, tr.4]. Thực tiễn cho thấy, môi trường văn hóa pháp luật sẽ tạo nền tảng để nâng cao ý thức pháp luật cho các chủ thể, đồng thời tác động tích cực đến quá trình hình thành nhân cách quân nhân của mỗi cán bộ, học viên, tạo dựng hành vi ứng xử đúng pháp luật, điều lệnh quân đội. Không những vậy, các chủ thể cũng sẽ tích cực trong việc đấu tranh những hành vi coi thường hay vi phạm pháp luật về giáo dục đại học, tạo lập dư luận xã hội tốt, từ đó bảo đảm trật tự, kỉ cương và văn hóa pháp luật trong môi trường quân sự.

Do vậy cần chú trọng xây dựng cơ quan, khoa giáo viên, đơn vị quản lý học viên vững mạnh toàn diện, mẫu mực, tiêu biểu. Mặt khác, kết hợp giữa duy trì nghiêm các chế độ quy định, quản lý chặt chẽ quân số, vũ khí trang bị với nắm, giải quyết kịp thời tư tưởng của cán bộ, học viên, hạn chế thấp nhất xảy ra các vụ việc vi phạm pháp luật, mất an toàn trong huấn luyện, diễn tập. Lồng ghép văn hóa pháp luật vào các hoạt động của giáo dục đại học, phổ biến giá trị của pháp luật vào nội dung giảng dạy, sinh hoạt chính trị, quản lý học viên, để từ đó giúp cho mỗi cá nhân không chỉ nâng cao nhận thức mà còn điều chỉnh cả thói quen, hành vi, hình thành lối sống tuân thủ pháp luật. Kết hợp hài hòa giữa giáo dục, thuyết phục và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa cũng như hình thành ý thức tuân thủ pháp luật một cách tự giác, bền vững.

4.2.6. Tăng cường hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, tổng kết rút kinh nghiệm, đánh giá hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

Công tác thanh tra, kiểm tra là hoạt động không thể thiếu trong phòng ngừa và ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật nói chung và vi phạm giáo dục đại học nói riêng, bảo đảm bất kì chủ thể nào cũng phải hoạt động

trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Vì thế công tác này cần phải được thực hiện thường xuyên và nâng cao chất lượng, nhằm đảm bảo tính nghiêm minh, công bằng của các quy định pháp luật, trên cơ sở đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Để đạt được mục tiêu này, cần ưu tiên thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

Thứ nhất, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chức năng thường xuyên thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra hoạt động triển khai các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội nói chung và các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng. Đồng thời, xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo hướng tinh giản (số lượng, nội dung, quy mô tổ chức) nhưng có hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm; có thể thanh tra, kiểm tra nhiều nội dung tại một cơ quan, đơn vị hoặc thanh tra một số nội dung tại nhiều đơn vị như: việc thực hiện chế độ chính sách đối với giảng viên, quản lý giáo dục; thực hiện quy chế dân chủ trong học viện; thực hiện quy chế chuyên môn... kịp thời tiến hành thanh tra đột xuất khi cần thiết.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải được tiến hành một cách chặt chẽ, chỉ rõ kết quả đạt được, hạn chế và những nguyên nhân; phải nêu rõ trách nhiệm cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về giáo dục đại học. Đồng thời cần xác định phương hướng, biện pháp khắc phục, tạo ra sự chuyển biến tích cực trong lãnh đạo, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học của các tổ chức, lực lượng và mỗi cá nhân ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Tăng cường phúc tra theo chuyên đề, theo từng nội dung về kết quả giáo dục đào tạo của từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng, từ đó đánh giá thực chất kết quả thực hiện các quy định pháp luật trong đào tạo của giảng viên, học viên.

Thứ hai, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cần tập trung đẩy mạnh, tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra huấn luyện, nhất là kiểm tra đột xuất;

tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành huấn luyện... Đặc biệt, coi trọng việc kiện toàn tổ chức, phát huy vai trò của cơ quan khảo thí và bảo đảm chất lượng đào tạo; đẩy mạnh hoạt động đánh giá nội bộ, đánh giá đồng cấp và kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Thực hiện tốt công tác truyền thông để tuyên truyền, phổ biến pháp luật về thanh tra, kiểm tra nhằm nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác này cho mọi chủ thể.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả việc cập nhật thông tin phản ánh những sai phạm, tiêu cực trong giáo dục đại học; xác minh, xử lý và giải quyết những phản ánh, tố cáo, khiếu nại vi phạm các quy định về giáo dục đại học để có biện pháp ngăn ngừa, can thiệp kịp thời, hạn chế tối đa các biểu hiện vi phạm pháp luật hay tư tưởng dễ dãi, bao che đối với các hành vi vi phạm. Đồng thời cần xây dựng cơ chế bảo vệ người tố cáo các vi phạm trong thời gian xử lý vụ việc và sau khi kết thúc xử lý, khen thưởng kịp thời những người tố cáo hay cung cấp thông tin có giá trị giúp phát hiện và xử lý những vi phạm về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Bên cạnh đó, cần rà soát và hoàn thiện trình tự, thủ tục xử lý các vi phạm cụ thể, chi tiết, bảo đảm khách quan, đúng pháp luật, công bằng, dân chủ, công khai, minh bạch. Chú trọng việc kết hợp chặt chẽ giữa xử lý vi phạm và các biện pháp giáo dục tư tưởng, pháp luật, nhằm răn đe, phòng ngừa vi phạm trong tương lai.

4.2.7. Tăng cường hợp tác, phối hợp chặt chẽ giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các đơn vị, nhà trường trong và ngoài quân đội trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học

Trong quá trình hiện thực hóa các quy định của pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, việc tăng cường hợp tác giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các đơn vị, nhà trường trong và ngoài quân đội sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, phát huy vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cơ quan chức năng, các lực lượng trong tổ chức, điều hành, phối hợp

thực hiện, chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực trong hoạt động thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.

Để thực hiện tốt giải pháp này, Bộ Quốc phòng và các Bộ, ngành liên quan và các địa phương, nhất là với Bộ Giáo dục và đào tạo, Bộ Công an cần tăng cường và nâng cao hiệu quả cơ chế phối hợp trong xây dựng, hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học và triển khai các quy định về hợp tác. Đồng thời, xây dựng và thực hiện quy chế, chương trình phối hợp, nâng cao hiệu quả hợp tác trong giáo dục, đào tạo và nghiên cứu khoa học giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài Quân đội; giữa các học viện với đơn vị và các cơ sở nghiên cứu, sản xuất quốc phòng.

Nâng cao trách nhiệm của đơn vị đối với các học viện thuộc Bộ Quốc phòng về thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học; nhất là trong diễn tập, tham quan, thực tế, thực tập của học viên, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; quản lý và đánh giá cán bộ, giảng viên, học viên trong hoạt động thực tế, thực tập tại đơn vị. Trong đó, thủ trưởng các quân khu, quân chủng, quân đoàn, binh chủng và các đơn vị cần tăng cường tham gia giảng dạy, truyền thụ kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên trong quản lý, xử lý các tình huống pháp luật phát sinh; chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tích cực tham gia có trách nhiệm đối với việc thực hiện các quy định về hợp tác đào tạo với các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Trong hợp tác quốc tế về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học, tiếp tục thực hiện đúng quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng về đối ngoại quân sự, quốc phòng; ưu tiên hợp tác giữa các học viện thuộc Bộ Quốc phòng với các trường quân sự của các nước có quan hệ truyền thống và các nước có thế mạnh trên từng lĩnh vực, từng bước nâng cao chất lượng đào tạo và uy tín của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó, hệ thống các quy định pháp luật về giáo dục đại học cần phải được bổ sung và hoàn thiện, tạo

hành lang pháp lý thuận lợi để nâng cao năng lực hợp tác và cạnh tranh của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Ngoài ra cần tham khảo, tiếp thu có chọn lọc những quy định của pháp luật, kinh nghiệm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nhà trường quân đội của một số quốc gia trên thế giới, từ đó kế thừa những yếu tố tiến bộ, áp dụng vào các học viện thuộc Bộ Quốc phòng trên cơ sở phù hợp với đặc thù và điều kiện cụ thể của từng đơn vị. Chẳng hạn, có thể hướng tới việc học hỏi những quy định về việc tăng cường tính tự chủ, minh bạch, trách nhiệm giải trình của các nhà trường quân đội, nhưng trong quá trình thực hiện phải vận dụng phù hợp với đặc điểm thực tiễn trong cơ cấu tổ chức, nguyên tắc quản lý của các học viện, nhà trường trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Hoặc học hỏi kinh nghiệm về hoàn thiện cơ chế phối hợp và phân định thẩm quyền giữa các cơ quan quản lý một cách rõ ràng, minh bạch và cơ chế kiểm soát hiệu quả, phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các chủ thể, nhằm hạn chế sự chồng chéo và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Đồng thời, nâng cao hiệu quả hoạt động phối hợp nghiên cứu khoa học, hội thảo quốc tế nhằm học hỏi, chia sẻ mô hình quản trị, trao đổi kinh nghiệm, tiếp cận và tận dụng thành quả của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong quản lý và thực hiện pháp luật về giáo dục đại học. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy sự phát triển của các cơ sở giáo dục trong quân đội nói chung, các học viện thuộc Bộ Quốc phòng nói riêng, hướng tới mục tiêu trở thành những trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học ngang tầm khu vực và quốc tế.

Tiểu kết chương 4

Trong chương này, luận án đã làm rõ, phân tích các quan điểm và đề xuất một số giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam trong thời gian tới. Cụ thể, để bảo đảm hiệu quả của quá trình này, cần phải bám sát vào các quan điểm cơ bản : Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng về đổi mới giáo dục đại học, đồng thời bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng; bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả; gắn với yêu cầu hiện thực hóa mục tiêu giáo dục đại học; phù hợp với xu thế hội nhập quốc tế về giáo dục đại học hiện nay.

Trên cơ sở các quan điểm nêu trên, nghiên cứu sinh đã đề xuất 08 nhóm giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Các giải pháp cần được triển khai nghiêm túc với lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng học viện thuộc Bộ Quốc phòng để đạt được các yêu cầu và mục tiêu đã đặt ra.

KẾT LUẬN

Đề tài luận án “Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam” đã được nghiên cứu sinh tiếp cận, nghiên cứu và đạt được những kết quả quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn sau đây:

Một là, đánh giá tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài của luận án dưới góc độ chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào tiếp cận và làm rõ nội dung lý luận thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong môi trường đặc thù là các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Bên cạnh đó, sự khảo sát thực tiễn hay đề xuất những quan điểm, giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cũng chưa được đề cập trong bất kì công trình nghiên cứu nào. Chính vì thế, đề tài do nghiên cứu sinh lựa chọn bảo đảm tính cấp thiết và không trùng lặp.

Hai là, xây dựng và làm rõ cơ sở lý luận về thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, bao gồm: xây dựng khái niệm giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở đó, luận án đã xây dựng được khung lý thuyết về đặc điểm, vai trò, nội dung điều chỉnh pháp luật, hình thức và các điều kiện bảo đảm. Bên cạnh đó, luận án nghiên cứu việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở một số nhà trường quân đội trên thế giới, từ đó rút ra những giá trị tham khảo để kế thừa và vận dụng sáng tạo trong các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay.

Ba là, về thực tiễn, luận án tập trung phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng và chỉ ra được những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của thực trạng thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các nội dung trọng tâm trong thực hiện các quy định về: tổ chức và quản trị; giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục

đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học; hoạt động đào tạo, bảo đảm và kiểm định chất lượng đào tạo; hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học; tài chính và tài sản ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

Bốn là, trên cơ sở phân tích lý luận và thực tiễn, luận án đã xây dựng 5 quan điểm và 07 nhóm giải pháp bảo đảm thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng. Các giải pháp được xây dựng dựa trên các đặc thù và yêu cầu thực tiễn trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN
LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ**

1. Tạ Thị Ngọc Liên, 2025, “Nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục tại các học viện trong quân đội”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, Số 357 (10/2025), tr.66-70.
2. Tạ Thị Ngọc Liên, 2024, “Tính đặc thù trong việc thực hiện pháp luật giáo dục đại học ở các Học viện thuộc Bộ Quốc phòng”, *Tạp chí Pháp luật và Phát triển*, số 6/2024, tr. 4 -14
3. Tạ Thị Ngọc Liên, 2024, “Thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, Số 344 (9/2024), tr.31-36.
4. Tạ Thị Ngọc Liên, 2023, “Discussion of Law Enforcement on Education at Vietnam People's Army Academies under present conditions”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế NEU-KKU lần thứ 17 "Các vấn đề kinh tế - xã hội và môi trường trong phát triển"*, ISBN 978-604-79-3740-0

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Đỗ Phương Anh (2023), *Thực hiện pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với phụ nữ ở nông thôn các tỉnh Bắc Trung Bộ, Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
2. Hoàng Anh (2013), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục và vận dụng vào đào tạo đại học hiện nay*, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
3. Vũ Thị Lan Anh chủ nhiệm (2020), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung Luật giáo dục đại học 2012*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, Mã số KHGD/16-20, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Anh chủ biên (2022), *Quản lý tài sản công tại các cơ sở giáo dục công lập*, NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Đặng Quốc Bảo chủ biên (2017), *Đổi mới, cải cách giáo dục ở Việt Nam và nhân tố quản lý trong tiến trình đổi mới giáo dục*, NXB. Thông tin và truyền thông, Hà Nội.
6. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết số 29 – NQ/TW ngày 4/11/2013 về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế”*, Hà Nội.
7. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2024), *Nghị quyết số 57 - NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.
8. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2025), *Nghị quyết số 66 - NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.

9. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII (2025), *Nghị quyết số 71- NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Luật giáo dục đại học một số nước trên thế giới*, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Thông tư số 01/2024/TT-BGDĐT ngày 5/2/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành Chuẩn cơ sở giáo dục đại học*, Hà Nội.

12. Bộ Quốc phòng (2014), *Quyết định số 4134/QĐ-BQP ngày 14/10/2014 của Bộ Quốc phòng ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Hà Nội.

13. Bộ Quốc phòng (2016), *Thông tư số 51/2016/TT-BQP ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Bộ Quốc phòng ban hành Điều lệ công tác nhà trường Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.

14. Bộ Quốc phòng (2016), *Thông tư số 42/2016/TT-BQP ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Bộ Quốc phòng quy định về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Hà Nội.

15. Bộ Quốc phòng (2018), *Quyết định số 889/QĐ-BQP, ngày 22/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc ban hành kế hoạch hành động của hệ thống nhà trường quân đội trước tác động của cuộc cách mạng Công nghiệp lần thứ tư giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

16. Bộ Quốc phòng (2018), *Chỉ thị số 89/CT-BQP, ngày 4/4/2018 của Bộ Quốc phòng về tăng cường tổng kết thực tiễn công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu gắn với công tác giáo dục, đào tạo của các nhà trường quân đội, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.

17. Bộ Quốc phòng (2019), *Nghị quyết 109 - NQ/QUTW ngày 11/02/2019 của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về xây dựng đội ngũ cán bộ Quân đội, nhất là cấp chiến dịch, chiến lược đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới*, Hà Nội.

18. Bộ Quốc phòng (2020), *Báo cáo số 3927/BC-BQP ngày 19/11/2020 của Bộ Quốc phòng về tổng kết thực hiện chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2011 – 2020*, Hà Nội.

19. Bộ Quốc phòng (2022), *Nghị quyết 1657 - NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về đổi mới công tác giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng Quân đội trong tình hình mới*, Hà Nội.

20. Bộ Quốc phòng (2022), *Nghị quyết 1652 - NQ/QUTW ngày 20/12/2022 của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về lãnh đạo công tác khoa học quân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo*, Hà Nội.

21. Bộ Quốc phòng (2023), *Quyết định số 3525/QĐ-BQP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ngày 03/8/2023 phê duyệt Đề án “Xây dựng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong Quân đội giai đoạn 2023-2030 và những năm tiếp theo”*, Hà Nội.

22. Bộ Quốc phòng (2025), *Kế hoạch số 2298/KH-BQP ngày 28/4/2025 về Thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo trong Quân đội giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*, Hà Nội.

23. Bộ Quốc phòng (2025), *Kế hoạch số 536/KH-BQP ngày 31/1/2025 của Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-CP ngày 9/1/2025 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57 - NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*, Hà Nội.

24. Bộ Tổng Tham mưu (2019), *Báo cáo Tổng kết năm học 2018-2019, phương hướng nhiệm vụ năm học 2019-2020*, Hà Nội.

25. Bộ Tổng Tham mưu (2021), *Báo cáo Tổng kết năm học 2020-2021, phương hướng nhiệm vụ năm học 2021-2022*, Hà Nội.

26. Bộ Tổng Tham mưu (2022), *Báo cáo Tổng kết năm học 2021-2022, phương hướng nhiệm vụ năm học 2022-2023*, Hà Nội.

27. Bộ Tổng Tham mưu (2023), *Báo cáo Tổng kết năm học 2022-2023, phương hướng nhiệm vụ năm học 2023-2024*, Hà Nội.

28. Bộ Tổng Tham mưu (2024), *Báo cáo Tổng kết năm học 2023-2024, phương hướng nhiệm vụ năm học 2024-2025*, Hà Nội.

29. Bộ Tổng Tham mưu (2025), *Báo cáo Tổng kết năm học 2024-2025, phương hướng nhiệm vụ năm học 2025-2026*, Hà Nội.

30. Bộ Tổng Tham mưu – Cục Quân huấn (2019), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2019*, Hà Nội.

31. Bộ Tổng Tham mưu – Cục Quân huấn (2021), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2021*, Hà Nội.

32. Bộ Tổng Tham mưu – Cục Quân huấn (2022), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2022*, Hà Nội.

33. Bộ Tổng Tham mưu – Cục Quân huấn (2023), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2023*, Hà Nội.

34. Bộ Tổng Tham mưu – Cục Quân huấn (2024), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2024*, Hà Nội.

35. Bộ Tổng Tham mưu – Cục Quân huấn (2025), *Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật và an toàn giao thông toàn quân trong năm 2025*, Hà Nội.

36. Bộ Tư pháp, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Hà Nội.

37. Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng (2020), *Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo giai đoạn 2011 – 2020*, Hà Nội

38. Bộ Tư pháp – Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2025), *Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*, Kỷ yếu hội thảo cấp quốc gia, Hà Nội.

39. Chính phủ (2021), *Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, Hà Nội.

40. Nguyễn Anh Chương (2020), “Cải cách quân đội của Đảng Cộng sản Trung Quốc từ năm 2012 đến nay”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Vinh, tập 49 – số 3B, tr. 5-10

41. Nguyễn Đức Cường (2008), *Hoàn thiện pháp luật về quản lý các trường đại học, cao đẳng đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện Hàn lâm khoa học xã hội, Hà Nội.

42. Nguyễn Xuân Dương (2024), *Hoàn thiện pháp luật về quản lý nhà nước đối với chất lượng giáo dục đại học tại các trường thuộc ngành Công an*”, *Tạp chí Quản lý nhà nước online*, <https://www.quanlynhanuoc.vn/2024/04/15/hoan-thien-phap-luat-ve-quan-ly-nha-nuoc-doi-voi-chat-luong-giao-duc-dai-hoc-tai-cac-truong-thuoc-nganh-cong-an/>, truy cập ngày 28/7/20204.

43. Lê Thị Kim Dung (2012), *Hoàn thiện pháp luật về giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

44. Phạm Tiến Dũng chủ biên (2022), *Giải pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật trong nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam*, NXB. Quân đội nhân dân, Hà Nội.

45. Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), *Kết luận số 91– KL/ TW ngày 12/08/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp*

hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế, Hà Nội.

46. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48 – NQ/TW ngày 24 tháng 5 năm 2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

47. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Kết luận số 01 – KL/ TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 48-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.

48. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Kết luận số 19 – KL/ TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV*, Hà Nội.

49. Đảng Cộng sản Việt Nam (2022), *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị lần thứ 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*, Hà Nội.

50. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

51. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập II, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

52. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập I, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

53. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, tập II, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

54. Đỗ Xuân Đoài (2023), “Tăng cường giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, tr. 72 – 74.

55. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2019), *Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội

56. Nguyễn Minh Đoan, Nguyễn Minh Đức (2020), *Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền*, NXB. Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội

57. Nguyễn Minh Đoan, Vũ Trọng Lâm (2017), *Hiệu quả của pháp luật – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội

58. Nguyễn Minh Đoan (2022), “Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam”, *Tạp chí Luật học* (8), tr. 3-10

59. Trương Hồ Hải, Đặng Viết Đạt (2023), “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/xay-dung-va-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-giai-doan-moi, truy cập ngày 28/7/2024.

60. Lê Hồng Hạnh (2015). *Nghiên cứu mô hình xây dựng pháp luật đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*, Đề tài khoa học cấp quốc gia, KX.02.04/11-15, Viện Khoa học pháp lý, Hà Nội

61. Đinh Xuân Hanh (2021), *Phát triển đội ngũ giảng viên các Học viện trong Quân đội theo hướng tiếp cận năng lực*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội.

62. Bùi Hiền (2001), *Từ điển Giáo dục học*, NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.

63. Hiệp hội các trường đại học Việt Nam (2022); *Đổi mới tư duy tự chủ GDDH ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước*, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội.

64. Học viện Quân y (2023), *Báo cáo toàn văn hội nghị đào tạo y được thường niên lần thứ 12 năm 2023*, Hà Nội.

65. Phạm Thị Thanh Huế (2018), *Thực hiện pháp luật về quản lý biên giới quốc gia trên đất liền của Bộ đội Biên phòng Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

66. Đặng Thu Huyền (2013), *Hoàn thiện pháp luật về nhà giáo ở Việt Nam trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

67. Trịnh Văn Hưng (2023), *Chất lượng giáo dục pháp luật cho học viên ở các nhà trường quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

68. Nguyễn Minh Khôi (2010), *Giải pháp cơ bản xây dựng đội ngũ cán bộ cơ quan quản lý giáo dục - đào tạo ở các học viện, trường sĩ quan trong quân đội giai đoạn hiện nay*, Luận án tiến sĩ Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam, Học viện Chính trị, Hà Nội.

69. Nguyễn Xuân Lân (Chủ nhiệm) (2019), *Các giải pháp đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ, Hà Nội.

70. Vũ Quang Lộc (2005), *Nâng cao chất lượng quản lý giáo dục - đào tạo trong các học viện, trường sĩ quan quân đội đáp ứng yêu cầu mới*, Đề tài cấp Bộ Quốc phòng, Học viện Chính trị, Hà Nội.

71. Bùi Thị Long (2022), *Thực hiện pháp luật về an ninh mạng*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

72. Vũ Đức Lễ (2016), “Chất lượng đội ngũ giảng viên đại học ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Quản lý Nhà nước*, (243), tr.69-72.

73. Nguyễn Hữu Mạnh (2021), *Thực hiện pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đô thị loại I ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

74. Bùi Văn Mạnh (2022), “Đổi mới giáo dục và đào tạo trong trong các nhà trường Quân đội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng”, *Tạp chí Tổ chức Nhà nước*, (1), tr. 29-31.

75. Nguyễn Văn Mạnh (chủ biên) (2010), *Thực hiện pháp luật - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị quốc gia - Hành chính, Hà Nội.

76. Đào Văn Minh (2015), “Môi trường văn hóa pháp luật ở đơn vị cơ sở trong việc phát triển ý thức pháp luật trung đội trưởng bộ binh”, *Tạp chí Văn hóa nghệ thuật*, (367), tr.106 -109.

77. Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, Tập 5, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội

78. Viện Nhà nước và pháp luật (2004), *Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật*, NXB Lý luận chính trị, Hà Nội.

79. Trần Công Phong (2022), *Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đề xuất xây dựng Luật Nhà giáo*, Đề tài khoa học cấp Quốc gia, Mã số KHGD/16-20, Hà Nội.

80. Phùng Thị Phú (2020), *Quản lý tuyển sinh vào các học viện, nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội

81. Trình Quang Phú (Chủ nhiệm) (2022), *Đổi mới tư duy phát triển GDDH Việt Nam*, Đề tài khoa học cấp Bộ, 2023-12-1227/NS-KQNC, Hà Nội.

82. Phạm Thị Hạnh Phương (2021), *Thế chế quản lý nhà nước đối với giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.

83. Vũ Thị Hoài Phương (2023), “Hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật trong Nhà nước pháp quyền Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật* (389).

84. Hoàng Thị Kim Quế (2015), “Các yếu tố tác động đến thực hiện pháp luật của công dân ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Luật học*, tập 31, (3), tr.26-31.

85. Hoàng Thị Kim Quế (2015), “Thực hiện pháp luật của cá nhân, công dân trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Luật học*, (2), tr. 44 – 47

86. Hoàng Thị Kim Quế (2015), “Trách nhiệm nhà nước trong việc đảm bảo thực hiện pháp luật của công dân”, *Tạp chí Khoa học pháp lý*, (5), tr. 3 - 6

87. Hoàng Thị Kim Quế chủ nhiệm (2019), *Thực hiện pháp luật của các công dân trong bối cảnh xây dựng nhà nước pháp quyền*, Đề tài khoa học cấp quốc gia, Mã số: III.2.2.-2012.04, Hà Nội.

88. Hoàng Thị Kim Quế, Lê Thị Phương Nga (2023), “Xã hội học thực hiện pháp luật”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà nội: Luật học*, tập 39, (3), tr. 16-24

89. Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục năm 2019*, Hà Nội.

90. Quốc hội (2018), *Luật Giáo dục đại học năm 2012* (được sửa đổi, bổ sung năm 2018), Hà Nội.

91. Quốc hội (2025), *Luật Nhà giáo năm 2025*, Hà Nội.

92. Quốc hội (2025), *Luật Giáo dục đại học năm 2025*, Hà Nội

93. Tào Thị Quyên (2017), “Tur tưởng thượng tôn pháp luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong xây dựng nhà nước pháp quyền”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, Số 15 (343), tr.3-9

94. Trịnh Thăng Quyết (2023), *Thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.

95. Tổng cục Chính trị, Quân đội Nhân dân Việt Nam (2025), *Tài liệu nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Quân đội lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 – 2030*, NXB. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.

96. Trường Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội (2022), *Các giải pháp về chính sách tài chính nhằm phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam, giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2035*, NXB Khoa học kỹ thuật, Hà Nội.

97. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2022), *Giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục đại học*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

98. Trường Đại học Luật, Đại học quốc gia Hà Nội (2018), *Giáo trình đại cương về Nhà nước và pháp luật*, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội.

99. Trường Đại học Luật Hà Nội (2020), *Giáo trình Lý luận chung về nhà nước và pháp luật*, NXB Tư pháp, Hà Nội.

100. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh (2022), *Luận cứ khoa học sửa đổi, bổ sung Luật Giáo dục*, NXB. Đại học quốc gia TP.HCM, TP.HCM

101. Đinh Dũng Sỹ (2009), “Quan niệm về một hệ thống pháp luật hoàn thiện”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp* (9), tr. 27-31.

102. Phạm Tất Thắng, Nguyễn Thị Tuyết Nga (2018), “Hoàn thiện chính sách pháp luật về giáo dục đại học để đẩy mạnh quyền tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam”, *Kỷ yếu hội thảo giáo dục 2018: Giáo dục đại học – chuẩn hóa và hội nhập quốc tế*, Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, Quốc hội khóa XIV, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

103. Phạm Tất Thắng, Nguyễn Thị Tuyết Nga (2021), “Hoàn thiện chính sách, pháp luật về bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học”, *Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam*, <https://lsvn.vn/hoan-thien-chinh-sach-phap-luat-ve-bao-dam-va-kiem-dinh-chat-luong-giao-duc-dai-hoc1630408317.html>, truy cập ngày 28/7/2024

104. Vũ Văn Thường (2009), *Bồi dưỡng văn hóa pháp luật của học viên đào tạo sĩ quan ở các nhà trường quân đội*, Luận án tiến sĩ Chính trị học, Học viện Chính trị, Hà Nội.

105. Lê Anh Tuấn (2021), *Quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật Học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

106. Trần Thị Minh Tuyết (2022), “Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”, *Tạp chí Cộng sản điện tử*, <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/van-hoa-xa-hoi/-/2018/825408/doi-moi-giao-duc-dai-hoc-o-viet-nam--thuc-trang-va-giai-phap.aspx>, truy cập ngày 28/7/2024

107. Phạm Quang Trung (2019), “Các giải pháp hữu hiệu phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục”, *Giáo dục và thời đại điện tử*, ngày 12/8/2019

108. Phạm Văn Trường (2015), *Nghiên cứu nâng cao chất lượng dạy học pháp luật ở Học viện Biên phòng*, Đề tài cấp Bộ Tổng Tham mưu, Hà Nội.

109. Lê Anh Tuấn (2021), *Quản lý nhà nước về đào tạo sau đại học ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

110. Đào Thị Tùng (2022), *Thực hiện pháp luật về quyền học tập của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

111. Đào Trí Úc (2012), “Thực hiện pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật ở Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật* (3), tr 3-5.

112. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2021), *Kế hoạch 81/KH-UBTVQH15 ngày 5/11/2021 về việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV*, Hà Nội.

113. UNESCO (1998), *Tuyên ngôn quốc tế về giáo dục đại học trong thế kỷ 21: Tầm nhìn và hành động*, Paris.

114. Võ Thị Hồng Vân (2014), *Thực hiện pháp luật về giáo dục trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

115. Vũ Việt (2009), *Nghiên cứu kiện toàn, phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục trong các nhà trường quân đội*, Đề tài khoa học Bộ Quốc phòng, Hà Nội.

II. Tài liệu tiếng nước ngoài

116. A.V. Trofimenko (2022), “Sustainable development of the higher education system in the Russian federation”, *International Research Journal*.

117. Dương Minh Hào, Triệu Anh Ba (2003), *Điều lệ công tác chính trị Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc*, NXB Đại học Quốc phòng Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc

118. Dennis J. Blasko, Elsa Kania, Stephen Armitage (2017), *The PLA at 90: On the Road to Becoming a World-Class Military?*, The Jamestown Foundation, August 17.

119. Dilip Parajuli (2018), “Higher education financing – case of Vietnam: Current status and future directions”, *Kỷ yếu hội thảo giáo dục 2018: Giáo dục đại học – chuẩn hóa và hội nhập quốc tế*, Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, Quốc hội khóa XIV, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

120. Jiu-ling Zhao (2018), “Constructing the Teaching System of Military Academy and Improving the Quality of Military School Education in an All – round Way”, *Proceedings of the 2018 International Conference on Education Reform and Management Science (ERMS 2018)*.

121. Melnikov Sergey Aleksandrovich (2022), *Hình thức thực hiện pháp luật cá nhân và tập thể*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Quốc gia Saratov.

122. M.V.Kibakin (2011), *Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của cán bộ giảng dạy ở các cơ sở giáo dục quân sự trong quân đội Nga*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Quân sự Frunze, Moscow

123. Khamphouvong Nouanphet (2017), *Đánh giá giảng viên đại học nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào*, Luận án Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

124. Khosavan Phimmason (2019), “Công tác tuyển dụng giảng viên ở các Học viện trong Quân đội nhân dân Lào”, *Tạp chí Quân sự Quốc phòng*, (14), tr.87-88.

125. Kazimierz Kraj (2019), “The System of Military Higher Education in the Russian Federation”, *Bezpieczeństwo. Teoria i Praktyka* (3)

126. Phillip G. Altbach, Patricia J. Gumport và Robert O. Berdahl (2011), *American higher education in the twenty – first century – Social, political and economy challenges*, Johns Hopkins University Press, third edition

127. Jane Knight (2013), “Strengthening Higher Education in Laos”, *International Higher Education*.

128. Thomas Estermann, Terhi Nokkala and Monika Steinell (2010), *University Autonomy in Europe II*

129. Raymond T. Odierno (2015), “Leader Development and Talent Management: The Army Competitive Advantage”, *Military Review*, (7,8)

130. Robin Shields (2013), *Globalization and International Education*, Bloomsbury Academic Publishing.

131. Ronald Barnett (1992), *Improving Higher Education: Total Quality Care*, Society for Research into Higher Education và Open University Press.

132. Shuangmiao Han và Xin Xu (2019), “How far has the state ‘stepped back’: an exploratory study of the changing governance of higher education in China (1978–2018)”, *Higher Education*.

133. Tatyana Yuryevna Falkina (2007), *Các hình thức thực hiện pháp luật và cơ chế bảo đảm thực hiện chúng*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Viện pháp lý Ural.

134. Lăng Tường (2002), “Tổng quan về 5 trường đại học tổng hợp trong toàn quân”, *Tạp chí Binh khí hiện đại Quân đội Trung Quốc*, (345)

135. UNESCO (1998), *Higher Education in the 21st Century: Vision and Action*, Paris.

136. World Bank (2008), *Vietnam – Higher Education and Skills for Growth*.

137. World Bank (2010), *Teacher Policies around the World Objectives, Rationale, Methodological Approach, and Products*.

138. World Bank (2020), *Improving the Performance of Higher Education in Vietnam: Strategic Priorities and Policy Options, Higher Education Sector Report*.

III. Tài liệu trên Internet

139. Luật giáo dục của Liên Bang Nga (2012), https://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_140174/ , truy cập ngày 16/7/2025

140. Luật Quốc phòng của Liên bang Nga, https://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_10591/ , truy cập ngày 16/7/2025.

141. Vương Mai (2024), “加强依法治军机制建设” (Tăng cường xây dựng cơ chế quản lý quân đội theo pháp luật, http://www.mod.gov.cn/gfbw/gfjy_index/16323110.html, truy cập ngày 28/7/2025.

142. Kim Phụng (2011), “Xây dựng quốc phòng quân đội ở một số nước nhìn từ góc độ chi tiêu ngân sách” <https://tapchiquptd.vn/vi/an-pham-tap-chi-in/xay-dung-quoc-phong-quan-doi-o-mot-so-nuoc-nhin-tu-goc-do-chi-tieu-ngan-sach/2456.html>, truy cập ngày 29/7/2025.

143. Randy Roughton, “Law class gives cadets legal tools they will need as officers” (Lớp học luật trang bị công cụ pháp lý cho các học viên sĩ quan), <https://www.usafa.edu/law-class-gives-cadets-legal-tools-they-will-need-as-officers>, truy cập ngày 30/7/2025.

144. David Wallace, Mark Welton (2004), “Teaching law at West Point” <https://www.thefreelibrary.com/Teaching+law+at+West+Point.-a0121714112>, truy cập ngày 30/7/2025

145. Jiaxuan Jin, Yuhan Lian, Xiaochang Liu (2023), “Comparative Analysis of Chinese and American Higher Education Policies”, https://drpress.org/ojs/index.php/EHSS/article/view/12772?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 16/1/2026

146. <https://nda.edu.vn/tin-tuc/gioi-thieu-hoc-vien/chuc-nang-nhiem-vu-cua-hoc-vien-quoc-phong-530.html>, truy cập ngày 21/1/2025

147. <https://hvlq.vn/gioi-thieu/lich-su-gioi-thieu2>, truy cập ngày 21/1/2025

148. <http://hocvienchinhtribqp.edu.vn/index.php/lich-su-hoc-vien-chinh-tri/truyen-thong-hoc-vien-chinh-tri.html>, truy cập ngày 21/1/2025.

149. <http://hocvienhaucan.edu.vn/chuc-nang-nhiem-vu>, truy cập ngày 21/1/2025.

150. <https://mta.edu.vn/GIỚI-THIỆU/Giới-thiệu-chung>, truy cập ngày 21/1/2025.

151. http://220.231.117.26/web_hvqy/Portal/BT2037-ChucNangNhiemVu.html, truy cập ngày 21/1/2025.

152. <https://hocvienhaiquan.edu.vn/tin-tuc/lich-su-hvhq-chien-dau-xay-dung-truong-thanh>, truy cập ngày 21/1/2025.

153. <http://hvbp.edu.vn/Information-Detail/gioi-thieu/Chuc-nang-nhiem-vu>, truy cập ngày 21/1/2025.

154. <https://hvkhs.edu.vn/lich-su-va-truyen-thong-hoc-vien-khoa-hoc-quan-su/>, truy cập ngày 21/1/2025.

155. <http://hocvienpkq.com/tin/index.php/vi/gioi-thieu/Gioi-thieu-HV/>, truy cập ngày 21/1/2025.

PHỤ LỤC 1
SỐ LƯỢNG GIẢNG VIÊN TRONG CÁC HỌC VIỆN THUỘC
BỘ QUỐC PHÒNG TÍNH ĐẾN HẾT NĂM HỌC 2024 – 2025

TT	Tên trường	Hiện có	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Khác	NGND	NGƯT	Qua chiến đấu	Thực tế cấp Trung đoàn trở lên
1	HV Quốc phòng	169		12	70	72	15				10	134
2	HV Lục quân	383		12	77	205	89				28	128
3	HV Chính trị	322		18	105	166	32				5	159
4	HV Hậu cần	419		15	93	212	99				4	72
5	HV Kỹ thuật QS	743	3	78	399	201	62			6		411
6	HV Quân y	591	4	67	257	231	32			2		34
7	HV Hải quân	302		2	57	204	39					100
8	HV PK-KQ	587		2	72	450	63					196
9	HV Biên phòng	200		2	54	122	22					13
10	HV Khoa học QS	259		2	62	158	37				2	88
TỔNG		3975	7	208	1246	2021	490	0	0	8	49	1301

* Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học năm 2024 – 2025
của Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng Tham mưu

PHỤ LỤC 2
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ QUẢN LÝ GIÁO DỤC TRONG CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG TÍNH
ĐẾN HẾT NĂM HỌC 2024 – 2025

TT	Tên trường	Hiện có	Giáo sư	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	NGND	NGUT	Qua chiến đấu	Thực tế cấp Trung đoàn trở lên
1	HV Quốc phòng	177		11	36	59	68	3			1	4	102
2	HV Lục quân	233		10	20	74	133	1	5			9	26
3	HV Chính trị	262		16	28	111	107					5	62
4	HV Hậu cần	316	1	9	29	134	142		1			3	17
5	HV Kỹ thuật QS	213	4	8	22	32	147				5	1	127
6	HV Quân y	73	4	46	121	22	14				2		
7	HV Hải quân	221	1	5	10	58	144	3			2		41
8	HV PK-KQ	209			10	72	126	1					34
9	HV Biên phòng	176		5	13	56	102						4
10	HV Khoa học quân sự	145		4	18	79	44						27
Tổng		2025	10	114	307	697	1027	8	6	0	10	22	440

* Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học năm 2024 – 2025 của
Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng Tham

PHỤ LỤC 3
TÌNH HÌNH VI PHẠM KỈ LUẬT, MẤT AN TOÀN Ở
CÁC HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG
TỪ NĂM HỌC 2018-2019 ĐẾN NĂM HỌC 2024-2025

Năm học	Số vụ việc vi phạm ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	Tổng số vụ việc vi phạm trong toàn quân	Tỉ lệ %
Năm học 2018-2019	9	356	2,52
Năm học 2020-2021	7	272	2,57
Năm học 2021-2022	7	294	2,38
Năm học 2022-2023	12	290	4,14
Năm học 2023-2024	2	279	0,72
Năm học 2024-2025	12	254	4,72

** Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học và Thông báo tình hình chấp hành kỷ luật của toàn quân của Cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng. Năm học 2019-2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên không tổ chức được Hội nghị tổng kết năm học.*

PHỤ LỤC 4
KẾT QUẢ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO Ở CÁC
HỌC VIỆN THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG GIAI ĐOẠN 2019-2025

TT	Nội dung	2018-2019	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng
1	Mở mã ngành đào tạo	7	2	2	4	1	8	24
2	Xây dựng mới chương trình đào tạo	26	39	36	175	235	145	656
3	Bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo	102	336	129	157	51	310	1085
4	Xây dựng chuẩn đầu ra		249	187	259	415	312	1422

** Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học của cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng. Năm học 2019-2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên không tổ chức được Hội nghị tổng kết năm học.*

PHỤ LỤC 5
THỐNG KÊ SỐ LƯỢT KIỂM TRA, PHÚC TRA CÁC HỌC VIỆN,
NHÀ TRƯỜNG THUỘC BỘ QUỐC PHÒNG GIAI ĐOẠN 2019-2025

TT	Nội dung	2018-2019	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	2024-2025	Tổng
1	Số lượt kiểm tra, phúc tra công tác giáo dục, đào tạo, xây dựng chính quy, rèn luyện kỷ luật các học viện, nhà trường	34	61	100	31	27	44	297
	Kiểm tra toàn diện công tác giáo dục đào tạo, xây dựng chính quy, rèn luyện kỉ luật	17	9	82	18	6	17	
	Kiểm tra, giám sát thi tốt nghiệp		14			12	12	
	Kiểm tra công tác tổ chức chuẩn bị và diễn tập cuối khóa		12			9		
	Phúc tra kết quả học viên tốt nghiệp		2	6			6	
	Phúc tra trình độ ngoại ngữ học viên tốt nghiệp	12	12	12	13		9	
	Phúc tra việc khắc phục hạn chế theo kết luận của các đoàn kiểm tra	5						
	Phúc tra kết quả đào tạo		12					
2	Số lượt kiểm định chất lượng giáo dục, đào tạo	1	2	3	6	4	4	20

** Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học của cục Quân huấn – Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng. Năm học 2019-2020 do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên không tổ chức được Hội nghị tổng kết năm học.*

PHỤ LỤC 6
PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
PHIẾU SỐ 01

Để phục vụ cho nghiên cứu đề tài *“Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam”*, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây. Đồng chí trả lời bằng cách đánh dấu X vào ☐ nếu đồng ý, bỏ trống nếu không đồng ý. Mọi thông tin các đồng chí cung cấp sẽ được giữ kín dưới dạng khuyết danh và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học. Rất mong đồng chí giúp đỡ, cộng tác!

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Chức danh hiện tại của đồng chí:

☐ Giảng viên ☐ Cán bộ quản lý giáo dục ☐ Vừa giảng dạy vừa quản lý

2. Thâm niên công tác trong lĩnh vực giáo dục đại học:

☐ Dưới 5 năm ☐ 5–10 năm ☐ Trên 10 năm

3. Đơn vị công tác:

II. ĐÁNH GIÁ VÀ QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN

1. Đồng chí đánh giá mức độ quan trọng của việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay như thế nào?

1.1 Rất quan trọng ☐

1.3 Ít quan trọng ☐

1.2 Quan trọng ☐

1.4 Không quan trọng ☐

2. Đồng chí đánh giá như thế nào về trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở Học viện nơi đồng chí đang công tác hiện nay?

2.1 Rất có trách nhiệm ☐

2.3 Ít có trách nhiệm ☐

2.2 Có trách nhiệm ☐

2.4 Không có trách nhiệm ☐

3. Đồng chí đánh giá như thế nào về sự quan tâm của cấp ủy, chỉ huy các đơn vị tại Học viện đồng chí đang công tác đối với việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong thời gian qua?

3.1 Quan tâm ☐

3.3 Chưa quan tâm ☐

3.2 Ít quan tâm ☐

3.4 Không rõ ☐

4. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “tổ chức và quản trị của học viện thuộc Bộ Quốc phòng” ở học viện nơi đồng chí công tác hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
4.1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
4.2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

5. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học” ở học viện nơi đồng chí công tác hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
5.1	Tuân thủ (kiểm chế không tiến hành những hoạt động pháp luật cấm)					
5.2	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
5.3	Sử dụng (thực hiện các quyền mà pháp luật cho phép)					
5.4	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

6. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học” ở học viện nơi đồng chí công tác hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
6.1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
6.2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

7.Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học” ở học viện nơi đồng chí công tác hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
7.1	Chấp hành (thực hiện nghĩa vụ)					
7.2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

8. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật “về tài chính và tài sản” ở học viện nơi đồng chí công tác hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
8.1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					

8.2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					
-----	--	--	--	--	--	--

Ý kiến khác:

.....

9. Đồng chí đánh giá như thế nào về các quy định pháp luật về giáo dục đại học đang được áp dụng tại học viện nơi đồng chí công tác?

TT	Nội dung	Đồng ý	Đồng ý 1 phần	Không đồng ý	Không rõ
9.1	<i>Tính toàn diện</i>				
	Đầy đủ các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.				
	Văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời, đầy đủ, chi tiết.				
9.2	<i>Tính thống nhất và đồng bộ</i>				
	Sự thống nhất, hài hòa về nội dung giữa quy định giáo dục đại học nói chung và các quy định đặc thù của kỉ luật quân đội				
	Trật tự thứ bậc của các văn bản về hiệu lực pháp lý được bảo đảm.				
	Một số quy định pháp luật mâu thuẫn, chưa thống nhất				
9.3	<i>Tính phù hợp và khả thi</i>				
	Nội dung các quy định pháp luật phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng về giáo dục đại học				
	Nội dung pháp luật phù hợp với đặc thù của hoạt động giáo dục đại học tại các				

	học viện thuộc Bộ Quốc phòng				
	Các quy định pháp luật có khả năng thực hiện trong điều kiện thực tế của học viện.				
9.4	<i>Ngôn ngữ trong các quy định pháp luật chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.</i>				

10. Đồng chí đánh giá như thế nào về ý thức tự tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về giáo dục đại học của học viên ở học viện nơi đồng chí công tác?

- 10.1 Rất tích cực ☐ 10.3 Chưa tích cực ☐
 10.2 Tích cực ☐ 10.4. Không quan tâm ☐

11. Theo đồng chí, mức độ phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật về giáo dục đại học tại học viện nơi đồng chí công tác được đánh giá như thế nào?

- 11.1 Rất chặt chẽ ☐ 11.3 Thiếu đồng bộ ☐
 11.2 Tương đối chặt chẽ ☐ 11.4. Hoàn toàn độc lập, rời rạc ☐

12. Đánh giá của đồng chí về mức độ thường xuyên của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi đồng chí công tác hiện nay như thế nào?

- 12.1 Rất thường xuyên ☐ 12.3 Thỉnh thoảng ☐
 12.2 Thường xuyên ☐ 12.4 Hiếm khi ☐
 12.5 Không bao giờ ☐

10. Đồng chí cho biết mức độ đồng thuận của mình đối với nguyên nhân dẫn đến kết quả của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng dưới đây?

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không
----	----------	------------------	---------------	----------	---------------------	-----------------

		ý				đồng ý
13.1	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					
13.2	Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					
13.3	Pháp luật về giáo dục đại học được bổ sung, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.					
13.4	Hội nhập quốc tế đã tạo áp lực tích cực thúc đẩy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cải cách toàn diện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học					
13.5	Sự thay đổi tư duy, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					
13.6	Lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp quyết liệt, phù hợp					

13.7	Năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về giáo dục đại học.					
13.8	Sự tích cực, chủ động của học viên trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học					
13.9	Nhà nước đầu tư nguồn lực vật chất phục vụ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					

Nguyên nhân khác:

.....

11. Đồng chí cho biết mức độ đồng thuận của mình đối với nguyên nhân dẫn đến hạn chế của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng dưới đây?

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không đồng ý
14.1	Sự chống phá của các thế lực thù địch, những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục đại học.					
14.2	Một số quy định của pháp luật về giáo dục đại học còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với đặc thù quân sự của các học viện					

	thuộc Bộ Quốc phòng					
14.3	Một bộ phận cấp ủy, cán bộ chủ trì của một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.					
14.4	Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chỉ huy và cán bộ, giảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.					
14.5	Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên trong thực hiện pháp luật về còn hạn chế.					

Nguyên nhân khác:

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 7

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC PHIẾU SỐ 01

Đối tượng điều tra: Cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên

Số lượng: 200 đồng chí

Đơn vị điều tra: Học viện Quân y, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Lục quân, Học viện Biên Phòng

Thời gian:

1. Đánh giá mức độ quan trọng của việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay

Mức độ quan trọng	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất quan trọng	166	83
Quan trọng	34	17
Ít quan trọng	0	0
Không quan trọng	0	0
Tổng	200	100

2. Đánh giá về trách nhiệm của các chủ thể trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở Học viện nơi đồng chí đang công tác hiện nay

Mức độ trách nhiệm	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất có trách nhiệm	113	56.5
Có trách nhiệm	85	42.5
Ít có trách nhiệm	2	1
Không có trách nhiệm	0	0
Tổng	200	100

3. Đánh giá về sự quan tâm của cấp ủy, chỉ huy các đơn vị tại Học viện đồng chí đang công tác đối với việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong thời gian qua

Mức độ quan tâm	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Quan tâm	192	96
Ít quan tâm	6	3

Chưa quan tâm	0	0
Không rõ	2	1
Tổng	200	100

4. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về tổ chức, và quản trị ở học viện nơi công tác

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	108 (54%)	75 (37.5%)	14 (7.0%)	1 (0,5%)	2 (1%)
Áp dụng pháp luật	89 (44.5%)	96 (48%)	12 (6%)	2 (1%)	1 (0.5%)

5. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học” ở học viện nơi công tác

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Tuân thủ pháp luật	97 (48,5%)	94 (47%)	5 (2.5%)	2 (1%)	2 (1%)
Chấp hành pháp luật	99 (49.5%)	94 (47%)	3 (1.5%)	2 (1%)	2 (1%)
Sử dụng pháp luật	93 (46.5%)	94 (47%)	9 (4.5%)	3 (1.5%)	1 (0.5%)
Áp dụng pháp luật	87 (43.5%)	100 (50%)	10 (5%)	2 (1%)	1 (0.5%)

6. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học” ở học viện nơi công tác

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu

Chấp hành pháp luật	95 (47.5%)	95 (47.5%)	7 (3.5%)	1 (0,5%)	2 (1%)
Áp dụng pháp luật	86 (43%)	100 (50%)	11 (5.5%)	2 (1%)	1 (0.5%)

7. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học” của cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên, học viên ở học viện nơi công tác

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	84 (42%)	102 (51%)	10 (5%)	3 (1,5%)	1 (0.5%)
Áp dụng pháp luật	78 (39%)	105 (52.5%)	13 (6.5%)	3 (1.5%)	1 (0.5%)

8. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về tài chính và tài sản ở học viện nơi công tác

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	80 (40%)	95 (47.5%)	23 (11.5%)	0 (0%)	2 (1%)
Áp dụng pháp luật	75 (37.5%)	97 (48.5%)	26 (13%)	0 (0%)	2 (1%)

9. Đánh giá về các quy định pháp luật về giáo dục đại học đang được áp dụng tại học viện nơi công tác

TT	Nội dung	Đồng ý	Đồng ý 1 phần	Không đồng ý	Không rõ
9.1	Tính toàn diện				
	Đầy đủ các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội về giáo dục đại học ở các học	192 96%	0	1 0,5%	7 3.5%

	viện thuộc Bộ Quốc phòng.				
	Văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời, đầy đủ, chi tiết.	189 94.5%	0	5 2.5%	6 3.0%
9.2	<i>Tính thống nhất và đồng bộ</i>				
	Sự thống nhất, hài hòa về nội dung giữa quy định giáo dục đại học nói chung và các quy định đặc thù của kỉ luật quân đội	184 92%	0	7 3.5%	9 4.5%
	Trật tự thứ bậc của các văn bản về hiệu lực pháp lý được bảo đảm.	184 92%	0	6 3%	10 5%
	Một số quy định pháp luật mâu thuẫn, chưa thống nhất	142 71%	0	31 15.5%	27 13.5%
9.3	<i>Tính phù hợp và khả thi</i>				
	Nội dung các quy định pháp luật phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, Quân ủy Trung ương về giáo dục đại học	192 96%	0	5 2.5%	3 1.5%
	Nội dung pháp luật phù hợp với đặc thù của hoạt động giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	190 95%	0	5 2.5%	5 2.5%
	Các quy định pháp luật có khả năng thực hiện trong điều kiện thực tế của học viện.	185 92.5%	0	8 4%	7 3.5%
9.4	<i>Ngôn ngữ trong các quy định pháp luật chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.</i>	181 90.5	0	12 6%	7 3.5%

10. Đánh giá về ý thức tự tìm hiểu, nghiên cứu pháp luật về giáo dục đại học của học viên ở học viện nơi công tác

Mức độ	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất tích cực	60	30
Tích cực	111	55.5
Chưa tích cực	28	14
Không quan tâm	1	0.5

Tổng	200	100
-------------	-----	-----

11. Đánh giá mức độ phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn trong quá trình áp dụng các quy định pháp luật về giáo dục đại học tại học viện nơi công tác

Mức độ	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất chặt chẽ	75	37.5
Tương đối chặt chẽ	112	56
Thiếu đồng bộ	11	5.5
Hoàn toàn độc lập, rời rạc	2	1
Tổng	200	100

12. Đánh giá mức độ thường xuyên của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi công tác

Mức độ	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất thường xuyên	74	37
Thường xuyên	108	54
Thỉnh thoảng	17	8.5
Hiếm khi	1	0.5
Không bao giờ	0	0
Tổng	200	100

13. Đánh giá mức độ đồng thuận với nguyên nhân dẫn đến kết quả của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không đồng ý
-----------	-----------------	-------------------------	----------------------	-----------------	----------------------------	-------------------------------

13.1	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	164 82%	31 15.5%	4 2%	0	1 0.5%
13.2	Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	163 81.5%	32 16%	4 2%	0	1 0.5%
13.3	Pháp luật về giáo dục đại học được bổ sung, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.	157 78.5%	40 20%	2 1%	0	1 0.5%
13.4	Hội nhập quốc tế đã tạo áp lực tích cực thúc đẩy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cải cách toàn diện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học	144 72%	50 25%	5 2.5%	0	1 0.5%
13.5	Sự thay đổi tư duy, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	159 79.5%	37 18.5%	3 1.5%	0	1 0.5%
13.6	Lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp quyết liệt, phù hợp	166 83%	29 14.5	4 2.0	0	1 0.5
13.7	Năng lực, phẩm chất của đội ngũ	145	47	7	0	1

	cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về giáo dục đại học.	72.5%	23.5%	3.5%		0.5%
13.8	Sự tích cực, chủ động của học viên trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học	136 68%	56 28%	6 3%	1 0.5%	1 0.5%
13.9	Nhà nước đầu tư nguồn lực vật chất phục vụ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	144 72%	50 25%	5 2.5%	1 0.5%	0

14. Đánh giá mức độ đồng thuận với nguyên nhân dẫn đến hạn chế của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không đồng ý
14.1	Sự chống phá của các thế lực thù địch, những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục đại học.	129 64.5%	56 28%	8 4%	4 2%	3 1.5%
14.2	Một số quy định của pháp luật về giáo dục đại học còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với đặc thù quân sự của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	119 59.5%	68 34%	9 4.5%	2 1%	2 1%
14.3	Một bộ phận cấp ủy, người đứng đầu chưa chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức	108 54%	71 35.5%	12 6%	4 2%	5 2.5%

	thực hiện quy định của pháp luật về giáo dục đại học.					
14.4	Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chỉ huy và cán bộ, giảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.	114 57%	64 32%	10 5%	8 4%	4 2%
14.5	Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên trong thực hiện pháp luật về còn hạn chế.	113 56.5%	65 32.5%	14 7.0%	4 2%	4 2%

Đơn vị: Người

PHỤ LỤC 8
PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC
PHIẾU SỐ 02

(Dành cho học viên các học viện thuộc Bộ Quốc phòng)

Để phục vụ cho nghiên cứu đề tài “*Thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng, Việt Nam*”, xin đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về những vấn đề dưới đây. Đồng chí trả lời bằng cách đánh dấu X vào ☐ nếu đồng ý, bỏ trống nếu không đồng ý. Mọi thông tin các đồng chí cung cấp sẽ được giữ kín dưới dạng khuyết danh và chỉ dùng cho mục đích nghiên cứu khoa học. Rất mong đồng chí giúp đỡ, cộng tác!

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Học viên năm thứ:
2. Đơn vị đào tạo:

II. ĐÁNH GIÁ VÀ QUAN ĐIỂM CÁ NHÂN

1. Đồng chí đánh giá mức độ quan trọng của việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay như thế nào?

- | | |
|---|--|
| 1.1 Rất quan trọng ☐ | 1.3. Ít quan trọng ☐ |
| 1.2 Quan trọng ☐ | 1.4. Không quan trọng ☐ |

2. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “tổ chức và quản trị của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng” ở học viện nơi đồng chí đang học tập hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
2.1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
2.2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

3. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học” ở học viện nơi đồng chí đang học tập hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
3.1	Tuân thủ (kiểm chế không tiến hành những hoạt động pháp luật cấm)					
3.2	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
3.3	Sử dụng (thực hiện các quyền mà pháp luật cho phép)					
3.4	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

4. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học” ở học viện nơi đồng chí đang học tập hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
4.1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
4.2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

5. Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học” ở học viện nơi đồng chí đang học tập hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

TT	Hình thức đánh giá	1	2	3	4	5
1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

6.Theo đánh giá cá nhân, mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “tài chính và tài sản” ở học viện nơi đồng chí đang học tập hiện nay như thế nào? (1. Rất tốt, 2. Tốt, 3. Khá, 4. Trung bình, 5. Yếu)

T	Hình thức đánh giá					
1	Chấp hành (thực hiện các nghĩa vụ)					
2	Áp dụng (chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện các quy định pháp luật)					

Ý kiến khác:

.....

7. Đồng chí đánh giá như thế nào về các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng?

TT	Nội dung	Đồng ý	Đồng ý 1 phần	Không đồng ý	Không rõ
7.1	<i>Tính toàn diện</i>				
	Đầy đủ các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.				
	Văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời, đầy đủ, chi tiết.				
7.2	<i>Tính thống nhất và đồng bộ</i>				
	Sự thống nhất, hài hòa về nội dung giữa quy định giáo dục đại học nói chung và các quy định đặc thù của kỉ luật quân đội				
	Trật tự thứ bậc của các văn bản về hiệu lực pháp lý được bảo đảm.				
	Một số quy định pháp luật mâu thuẫn, chưa thống nhất				
7.3	<i>Tính phù hợp và khả thi</i>				
	Nội dung các quy định pháp luật phù hợp				

	với đường lối, chính sách của Đảng về giáo dục đại học				
	Nội dung pháp luật phù hợp với đặc thù của hoạt động giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng				
	Các quy định pháp luật có khả năng thực hiện trong điều kiện thực tế của học viện.				
7.4	<i>Ngôn ngữ trong các quy định pháp luật chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.</i>				

8. Đồng chí đánh giá như thế nào về sự quan tâm của cấp ủy, chỉ huy các đơn vị ở học viện đồng chí đang học tập đối với thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong thời gian qua?

8.1 Quan tâm ☐

8.3 Chưa quan tâm ☐

8.2 Ít quan tâm ☐

8.4 Không rõ ☐

9. Theo đồng chí, mức độ phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn trong quá trình thực hiện các quy định pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi đồng chí học tập được đánh giá như thế nào?

9.1 Rất chặt chẽ ☐

9.3 Thiếu đồng bộ ☐

9.2 Tương đối chặt chẽ ☐

9.4 Hoàn toàn độc lập, rời rạc ☐

10. Đánh giá của đồng chí về mức độ thường xuyên của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi đồng chí học tập?

10.1 Rất thường xuyên ☐

10.3 Thỉnh thoảng ☐

10.2 Thường xuyên ☐

10.4 Hiếm khi ☐

10.5 Không bao giờ ☐

11. Đồng chí đánh giá như thế nào về năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi đồng chí học tập?

11.1 Tốt ☐

11.3 Trung bình ☐

11.2 Khá ☐

11.4 Yếu ☐

12. Đồng chí cho biết mức độ đồng thuận của mình đối với nguyên nhân dẫn đến kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng?

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không đồng ý
12.1	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					
12.2	Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					
12.3	Pháp luật về giáo dục đại học được bổ sung, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.					
12.4	Hội nhập quốc tế đã tạo áp lực tích cực thúc đẩy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng cải cách toàn diện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học					
12.5	Sự thay đổi tư duy, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					

12.6	Lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp quyết liệt, phù hợp					
12.7	Năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về giáo dục đại học.					
12.8	Sự tích cực, chủ động của học viên trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.					
12.9	Nhà nước đầu tư nguồn lực vật chất phục vụ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.					

Nguyên nhân khác:

.....

13. Đồng chí cho biết mức độ đồng thuận của mình đối với nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng?

TT	Nội dung	Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không đồng ý
13.1	Sự chống phá của các thế lực thù địch, những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục đại học.					
13.2	Một số quy định của pháp luật về					

	giáo dục đại học còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với đặc thù quân sự của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng					
13.3	Một bộ phận cấp ủy, cán bộ chủ trì của một số cơ quan, đơn vị chưa chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về giáo dục đại học.					
13.4	Nhận thức, trách nhiệm của một số cấp ủy, chỉ huy và cán bộ, giảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.					
13.5	Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên trong thực hiện pháp luật về còn hạn chế.					

Nguyên nhân khác:

.....

Xin trân trọng cảm ơn đồng chí!

PHỤ LỤC 9**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC PHIẾU SỐ 2****Đối tượng điều tra:** Học viên**Số lượng:** 508 đồng chí**Đơn vị điều tra:** Học viện Quân y, Học viện Kỹ thuật quân sự, Học viện Lục quân, Học viện Biên Phòng**Thời gian:****1. Đánh giá mức độ quan trọng của việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng hiện nay**

Mức độ quan trọng	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất quan trọng	422	83
Quan trọng	79	15.6
Ít quan trọng	4	0.8
Không quan trọng	3	0.6
Tổng	508	100

2. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “tổ chức và quản trị” ở học viện nơi đang học tập

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	306 (60.2%)	124 (24.4%)	33 (6.5%)	31 (6.1%)	14 (2.8%)
Áp dụng pháp luật	283 (55.7%)	148 (29.1%)	37 (7.3%)	26 (5.1%)	14 (2.8%)

3. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “giảng viên, nhân sự hỗ trợ giáo dục đại học, cán bộ quản lý giáo dục và người học” ở học viện nơi đang học tập

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Tuân thủ pháp luật	308 (60.6%)	130 (25.6%)	36 (7.1%)	24 (4.7%)	10 (2%)

Chấp hành pháp luật	292 (57.5%)	140 (27.6%)	34 (6.7%)	32 (6.3%)	10 (2%)
Sử dụng pháp luật	296 (58.3%)	131 (25.8%)	40 (7.9%)	28 (5.5%)	13 (2.6%)
Áp dụng pháp luật	282 (55.5%)	144 (28.3%)	44 (8.7%)	26 (5.1%)	12 (2.4%)

4. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động đào tạo; bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục đại học” ở học viện nơi đang học tập

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	286 (56.3%)	148 (29.1%)	33 (6.5%)	31 (6.1%)	10 (2%)
Áp dụng pháp luật	292 (57.5%)	139 (27.4%)	41 (8.1%)	25 (4.9%)	11 (2.2%)

5. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, hợp tác về giáo dục đại học” ở học viện nơi đang học tập

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	267 (52.6%)	151 (29.7%)	48 (9.4%)	28 (5,5%)	14 (2.8%)
Áp dụng pháp luật	267 (52.6%)	156 (30.7%)	47 (9.3%)	25 (4.9%)	13 (2.6%)

6. Đánh giá mức độ thực hiện các quy định pháp luật về “tài chính và tài sản” ở học viện nơi đang học tập

Hình thức đánh giá	Số lượng (tỷ lệ)				
	Rất tốt	Tốt	Khá	Trung bình	Yếu
Chấp hành pháp luật	256 (50.4%)	162 (31.9%)	50 (9.8%)	29 (5.7%)	11 (2.2%)
Áp dụng pháp luật	262 (51.6%)	163 (32.1%)	47 (9.3%)	25 (4.9%)	11 (2.2%)

7. Đánh giá về các quy định pháp luật về giáo dục đại học đang được áp dụng tại học viện đang học tập

TT	Nội dung	Số lượng			
		Đồng ý	Đồng ý 1 phần	Không đồng ý	Không rõ
7.1	Tính toàn diện				
	Đầy đủ các quy định điều chỉnh các quan hệ xã hội về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	348 68.5%	119 23.4%	31 6.1%	10 2.0
	Văn bản hướng dẫn được ban hành kịp thời, đầy đủ, chi tiết.	346 68.1%	127 25%	23 4.5%	12 2.4%
7.2	Tính thống nhất và đồng bộ				
	Sự thống nhất, hài hòa về nội dung giữa quy định giáo dục đại học nói chung và các quy định đặc thù của kỉ luật quân đội	349 68.7%	122 24%	24 4.7%	13 2.6%
	Trật tự thứ bậc của các văn bản về hiệu lực pháp lý được bảo đảm.	345 67.9%	122 24%	29 5.7%	12 2.4%
	Một số quy định pháp luật mâu thuẫn, chưa thống nhất	312 61.4%	134 26.4%	37 7.3%	25 4.9%
7.3	Tính phù hợp và khả thi				
	Nội dung các quy định pháp luật phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về giáo dục đại học	356 70.1%	111 21.9%	30 5.9%	11 2.2%
	Nội dung pháp luật phù hợp với đặc thù của hoạt động giáo dục đại học tại các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	338 66.5	135 26.6	23 4.5	12 2.4
	Các quy định pháp luật có khả năng thực hiện trong điều kiện thực tế của học viện.	342 67.3%	125 24.6%	29 5.7%	12 2.4%
7.4	Ngôn ngữ trong các quy định pháp luật	330	141	23	14

	chính xác, rõ ràng, dễ hiểu.	65%	27.8%	4.5%	2.8%
--	-------------------------------------	-----	-------	------	------

Đơn vị: người

8. Đánh giá về sự quan tâm của cấp ủy, chỉ huy các đơn vị tại Học viện đồng chí đang học tập đối với việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học trong thời gian qua

Mức độ quan tâm	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Quan tâm	439	86.4
Ít quan tâm	43	8.5
Chưa quan tâm	18	3.5
Không rõ	8	1.6
Tổng	508	100

9. Đánh giá mức độ phối hợp giữa các phòng ban chuyên môn trong áp dụng các quy định pháp luật về giáo dục đại học tại học viện đang học tập

Mức độ	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất chặt chẽ	279	54.9
Tương đối chặt chẽ	204	40.2
Thiếu đồng bộ	18	3.5
Hoàn toàn độc lập, rời rạc	7	1.4
Tổng	508	100

10. Đánh giá mức độ thường xuyên của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi đang học tập

Mức độ	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Rất thường xuyên	239	47.1
Thường xuyên	213	41.9
Thỉnh thoảng	48	9.4
Hiếm khi	4	0.8
Không bao giờ	4	0.8
Tổng	508	100

11. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở học viện nơi đồng chí học tập

Mức độ	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
Tốt	382	75.2
Khá	107	21.1
Trung bình	17	3.3
Yếu	2	0.4
Tổng	508	100

12. Đánh giá mức độ đồng thuận với nguyên nhân dẫn đến kết quả của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

TT	Nội dung	Số lượng				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không đồng ý
12.1	Sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học, trong đó có các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	385 75.8%	88 17.3%	21 4.1%	9 1.8%	5 1%
12.2	Sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp, đúng đắn, kịp thời của Quân ủy Trung ương trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	377 74.2%	98 19.3%	19 3.7%	8 1.6%	6 1.2%
12.3	Pháp luật về giáo dục đại học được bổ sung, hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện.	375 73.8%	99 19.5%	20 3.9%	9 1.8%	5 1%
12.4	Hội nhập quốc tế đã tạo áp lực tích cực thúc đẩy các học viện thuộc Bộ	377 74.2%	93 18.3%	22 4.3%	9 1.8%	7 1.4%

	Quốc phòng cải cách toàn diện, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về giáo dục đại học					
12.5	Sự thay đổi tư duy, nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, chỉ huy các cấp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	371 73%	102 20.1%	18 3.5%	11 2.2%	6 1.2%
12.6	Lãnh đạo, chỉ huy các học viện thuộc Bộ Quốc phòng đã ban hành nhiều chủ trương, biện pháp quyết liệt, phù hợp	373 73.4%	100 19.7%	20 3.9%	9 1.8%	6 1.2%
12.7	Năng lực, phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên đã đáp ứng được các yêu cầu của pháp luật về giáo dục đại học.	367 72.2%	106 20.9%	20 3.9%	10 2%	5 1%
12.8	Sự tích cực, chủ động của học viên trong thực hiện pháp luật về giáo dục đại học	368 72.4%	102 20.1%	26 5.1%	5 1%	7 1.4%
12.9	Nhà nước đầu tư nguồn lực vật chất phục vụ thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng.	367 72.2%	105 20.7%	19 3.7%	11 2.2%	6 1.2%

Đơn vị: Người

12. Đánh giá mức độ đồng thuận với nguyên nhân dẫn đến hạn chế của thực hiện pháp luật về giáo dục đại học ở các học viện thuộc Bộ Quốc phòng

TT	Nội dung	Số lượng				
		Hoàn toàn đồng ý	Đồng ý 1 phần	Phân vân	Không đồng ý 1 phần	Hoàn toàn không

						đồng ý
13.1	Sự chống phá của các thế lực thù địch, những khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập quốc tế về giáo dục đại học.	350 68.9%	111 21.9%	27 5.3%	13 2.6%	7 1.4%
13.2	Một số quy định của pháp luật về giáo dục đại học còn chồng chéo, mâu thuẫn, chưa phù hợp với đặc thù quân sự của các học viện thuộc Bộ Quốc phòng	322 63.4%	134 26.4%	35 6.9%	8 1.6%	9 1.8%
13.3	Một bộ phận cấp ủy, người đứng đầu chưa chủ động, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về giáo dục đại học.	317 62.4%	139 27.4%	34 6.7%	8 1.6%	10 2%
13.4	Nhận thức, trách nhiệm và năng lực của một số cấp ủy, chỉ huy và cán bộ, giảng viên còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu việc thực hiện pháp luật về giáo dục đại học.	319 62.8%	126 24.8%	41 8.1%	9 1.8%	13 2.6%
13.5	Năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giảng viên trong thực hiện pháp luật về còn hạn chế.	329 64.8%	128 25.2%	30 5.9%	12 2.4%	9 1.8%

Đơn vị: Người